Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 73
THÁNG 12.2017

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A.** | *Tel.:* **(714) 548-4148 / (714) 571-0473** | *Email:* **baivochanhphap@gmail.com**

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Matthias Scholz** (iso.500x.com)

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 4*
- **Ý NGHĨA ĐỀ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA** *(HT. Thích Thắng Hoan), trang 9*
- **VIỆT KIỀU NỖI KHỔ HAI MANG** *(thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 11*
- **VÀI NÉT BIỂU TRƯNG CỦA NGƯỜI CƯ SĨ PHẬT TỬ NƠI HẢI NGOẠI** *(Thích Nguyên Siêu), trang 12*
- **XẢ TÓC, LẠY** *(thơ Thục Độ), trang 15*
- **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** *(HT. Thích Nguyên Trí) 17*
- **PHÁP MÔN NIỆM PHẬT TRONG KINH A DI ĐÀ** *(Thích Giác Như), trang 18*
- **THÔNG TƯ V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO DAMREY** *(HT. Thích Thông Hải), trang 23*
- **NĂNG LỰC CỦA TÂM** *(Thích Viên Thành), trang 24*
- **NHỚ THẦY** *(thơ Trí Bảo), trang 26*
- **CHRISTMAS HUMPHREYS** *(HT. Thích Trí Chơn), trang 27*
- **TIỂU NGẠO GIANG HỒ** *(Toại Khanh), trang 30*
- **VỀ QUÊ, TRỞ VỀ** *(thơ Lưu Lãng Khách), trang 31*
- **ĐỊNH HƯỚNG CUỘC ĐỜI – Câu chuyện dưới cờ** *(Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32*
- **ĐẠO PHẬT LÀ TRIẾT HỌC HAY LÀ MỘT TÔN GIÁO – Phật Pháp Thứ Năm** *(Nhóm Áo Lam), trang 33*
- **RỪNG TRẮNG SƯƠNG KHÓI** *(thơ Bùi Ngọc Tuấn), trang 34*
- **SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM, t.t.** *(Nguyễn Lang), trang 35*
- **ĐIỀU ĐÁNG LO NHẤT** *(thơ TM Ngô Tằng Giao), trang 38*
- **KẺ ĂN XIN TRONG SẠCH** *(Quảng Tánh), trang 39*
- **NGÀY Ý THỨC VỀ CĂNG THẲNG** *(Nguyên Giác), trang 40*
- **KHI LUYỆN VÀNG, KHÔNG ĐƯỢC NGHĨ TỚI CON KHỈ** *(Lâm Thanh Huyền), tr. 42*
- **THÔNG BẠCH SỐ 1 – KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8** *(HT. Thích Thông Hải), trang 43*
- **ĐƯỜNG MÂY XANH CUỘC LỮ, SAO BẰNG** *(thơ Mặc Phương Tử), trang 47*
- **CHỈ LÀ MỘT NẮM TRO** *(Ns. Thích Nữ Hạnh Chiếu), trang 48*
- **THƠ, HOA, AN NHIÊN, MƯA...** *(thơ Phan Văn Quân), trang 51*
- **CÁC LOẠI ĐẬU** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52*
- **TRUYỆN NGẮN TRĂM LINH TÁM CHỮ** *(Steven N.), trang 55*
- **CHIẾC LU VÔ TẬN** *(Ns. Thích Nữ Như Thủy), trang 56*
- **NẤU CHAY: BÍ ĐỎ DẦM NHUYỄN** *(Gia Phượng), trang 57*
- **TU LÀ ĐỂ BIẾT CHÍNH MÌNH...** *(Bạch Xuân Phẻ), trang 58*
- **THIỀN THI RỚT TỪ TÂM** *(thơ Kiều Mộng Hà), trang 60*
- **STORY OF SUBHADDA** *(Daw Mya Tin), trang 61*
- **CŨNG LÀ LẼ CÔNG BẰNG** *(Tiểu Lục Thần Phong), trang 62*
- **KHÔNG NHẮC VỀ CHUYỆN HÔM QUA NỮA** *(thơ Phạm Quyên Chi), trang 63*
- **GIỚI THIỆU TÁC PHẨM "THIỀN TÔNG QUA BỜ KIA"** *(Huỳnh Kim Quang), trang 64*
- **HOA BAY KHẮP TRỜI** *(thơ Phan Tấn Hải, nhạc Trần Chí Phúc), trang 68*
- **TRANG NGHIÊM CÕI PHẬT, TRANG NGHIÊM TÂM MÌNH** *(Huệ Trân), tr. 69*
- **MÁU SINH LINH KHÔNG RỬA SẠCH TỘI LỖI CỦA NGƯỜI** *(Huyền Thanh), trang 72*
- **NƠI TRÚ ẨN TRÁNH BÃO** *(Mãn Đường Hồng), trang 74*
- **TRỞ THÀNH TRANG THƠ** *(thơ Du Tâm Lãng Tử), trang 75*
- **BỤI ĐƯỜNG – chương 3, t.t.** *(Vĩnh Hảo), trang 76*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 73 (tháng 12.2017) do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quí tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

NIỀM VUI TỊCH LẶNG

Mưa nhẹ trong đêm. Lắng tai thật kỹ mới nghe được tiếng rơi tí tách bên ngoài qua khung cửa kiếng đóng kín. Hàng cây cao rũ lá ướt trên các nhánh khô gầy đầu thu. Đèn đường lặng soi trên những vũng đọng. Côn trùng im tiếng. Không có tiếng đập cánh của chim đêm. Không có tiếng chân người dẫm xào xạc trên lá. Cũng không có tiếng động cơ nào của xe cộ trên đường. Hơi thở nhẹ như tơ trời. Nhẹ như hư không.

Không bữa tiệc hay buổi họp mặt nào có thể đem đến niềm vui lâu dài. Mọi người sẽ đến, và mọi người sẽ đi. Nếu vui được gặp thì sẽ buồn vì chia xa.

Mỗi người hí hửng đi vào bữa tiệc đời với những trang bị tự thân; chỉ mong kéo dài niềm vui cho mình, cho người. Nhưng không lâu sau đó, tiệc tan—hợp nào lại chẳng tan! Có khi tiệc chưa tàn mà người đã bỏ cuộc chơi.

Tiệc đời và hội chợ có nhiều hấp lực, lôi cuốn người ta tìm đến. Những trò vui của đám đông luôn sôi động, nhộn nhịp, có khi rất bát nháo, ồn ào. Nhưng con người, như nhiều loại sinh vật khác, vẫn thường có khuynh hướng hăm hở chạy theo tiếng gọi của bầy đàn, của số đông. Nơi đó, họ hy vọng tìm thấy sự an ổn, và tìm thấy chính bản ngã của mình được phản ánh qua gương soi của nhiều bản ngã khác. Thực ra, những bản ngã khư khư với những đặc tính cố hữu của mình, sẽ không bao giờ soi chiếu nhau, mà là những từ trường đối nghịch, chỉ tạo xung lực phản ứng nhau, đẩy lùi nhau. Càng tiến đến gần, càng xa nhau mạnh hơn.

Bày ra những tiệc vui và hội hè chẳng qua cũng chỉ để an ủi, nương tựa, hoặc mượn vai nhau mà vươn lên giữa đời thường buồn bã, trống vắng. Hả hê với những lời chúc tụng của kẻ khác. Hãnh diện khi được nêu tên giữa đám đông với những tràng pháo tay rôm rả. Hài lòng với lời khen áo mão đẹp, xe đắt tiền, điện thoại thông minh (hơn cả chủ nhân). Sung sướng được khen giọng ca hay, điều khiển lễ lạc linh động, chọc cho đám đông cười/khóc thật tài với những kịch bản soạn sẵn… Đám cưới, đám ma, tiệc chay, tiệc mặn, đại hội, hội chợ, liên hoan… hầu như cũng chỉ là những cơ hội để người ta truy tìm bản ngã của mình, cũng chính là truy tìm niềm vui chân thực chưa từng được hưởng trong đời sống.

Niềm vui ấy, thực ra, không thể là cái có thể truy tìm. Cái tìm được thì không phải là cái của mình, mà là cái gì ở bên ngoài; cũng không phải là cái mà một ai ban cho, vì của ai ban cho thì vẫn là cái gì bên ngoài, có thể có được thì có thể mất được.

Niềm vui ấy không thể được tìm thấy từ tiếng nói và nụ cười râm ran rổn rảng của đám đông, từ lễ hội với âm thanh náo nhiệt ồn ào phát ra từ những cái loa thật to vây quanh người tham dự.

Cho đến những câu nói và nụ cười nhẹ nhàng trao nhau trong nghi thức trịnh trọng, lề mề… cũng không thể mang lại niềm vui ấy. Không từ đâu, cũng không từ ai mà có được.

Niềm vui ấy sâu lắng tự bên trong. Hương vị của nó là thứ hương vị không có tên gọi hay ngôn ngữ nào của trần gian có thể diễn đạt. Tịch mịch. Cô liêu. Không thể cùng ai chia sẻ.

Chỉ có thể lắng lặng cảm nhận, bằng sự trở về của những bước chân cẩn trọng, nhẹ nhàng trên phiến băng tâm, không lưu vết tích; bằng đường bay cô tịch của cánh chim qua chân trời hoàng hôn bảng lảng ráng hồng. Chính ở nơi cùng tuyệt hiu hắt, không một bóng người, không một âm thanh, không một ý niệm, không một cảm giác hay ý chí truy cầu khởi lên, niềm vui ấy mới ngập tràn, mênh mông, trùm khắp.

Trời phương đông lấp lánh ánh ban mai. Sương sớm, hay những giọt mưa đêm qua, còn long lanh trên lá cỏ. Buổi sáng yên bình trong khu xóm nhỏ. Nắng xiên qua những hàng cây, lọt vào khung kiếng cửa sổ. Thủng thỉnh pha một tách cà-phê nóng. Nơi bàn viết có màn ảnh mở ra thế giới vô tận, hân hoan chào đón nhân gian đầu ngày.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HÀN QUỐC: Thượng tọa Seoljeong được bầu làm trưởng Tông phái Tào Khê

Seoul, Hàn Quốc – Ngày 12 -10-2017, Thượng tọa Seoljeong đã được bầu làm vị lãnh đạo mới của Tông phái Tào Khê, Phật phái lớn nhất của Hàn Quốc.

Tông phái Tào Khê công bố rằng Thượng tọa Seoljeong, 75 tuổi, đã đạt được 234 phiếu bầu từ 319 thành viên đại cử tri đại diện cho hơn 14,000 nhà sư Phật giáo, áp đảo đối thủ duy nhất của ông là thượng tọa Subul, người đã nhận được 82 phiếu.

Thượng tọa Seoljeong sẽ bắt đầu nhiệm kỳ 4 năm của mình với vai trò trưởng tông phái thứ 35 vào ngày 31 tháng 10, sau khi nhận được sự phê chuẩn từ ủy ban các trưởng lão của tông phái này.

(Yonhap – October 12, 2017)

Thượng tọa Seoljeong, tân chưởng môn của Tông phái Tào Khê (Hàn Quốc)
Photo: Yonhap

BHUTAN: Lễ cầu nguyện Phật giáo để tôn vinh cố quốc vương Thái Lan

Vua Jigme Khesar Namgyel Wangchuck của Bhutan đã ban lệnh tổ chức một lễ cầu nguyện cho cố vương Thái Lan Bhumibol Adulyaej tại thủ đô Thimpu vào ngày 26-10-2017, là ngày của lễ Hỏa táng Hoàng gia chính thức của cố vương tại Bangkok.

Trưởng giáo hội Phật giáo của Bhutan sẽ chủ trì buổi lễ cầu nguyện, và người Thái sống và làm việc tại Bhutan cũng như du khách Thái đang ở thủ đô Thimpu vào ngày hôm đó đều được mời tham dự lễ.

Ngày 26-10-2017, là ngày của lễ Hỏa táng Hoàng gia chính thức của cố vương Thái Lan Bhumibol tại Bangkok, và Vua Bhutan Jigme cùng Hoàng hậu Jetsun Pema sẽ tham dự lễ này.

(The Nation – October 13, 2017)

2016: Vua Bhutan chủ trì một lễ nến tưởng niệm cố vương Thái Lan tại thủ đô Thimpu—Photo: The Nation

TÍCH LAN: Tổng thống Sirisena chỉ đạo bảo tồn các Tịnh xá Tampita

Ngày 13-10-2017, tại một cuộc họp ở Phòng Thư ký của Tổng thống ở Colombo, Tổng thống Maithripala Sirisena đã chỉ đạo các ban ngành liên quan thực hiện một chương trình đặc biệt để bảo tồn các Tịnh xá Tampita (Chùa trên các Cột trụ), một loại chùa đặc biệt của Phật giáo.

Tịnh xá Tampita từng phổ biến tại Tích Lan vào thời Kandy và Gampola. Đến nay đã có 204 Tịnh xá loại này được công nhận, và 6 trong số này đã được bảo tồn.Công việc bảo tồn đang được thực hiện tại 85 Tịnh xá Tampita khác.

Tổng thống đã chỉ đạo các ban ngành liên quan cung cấp nguồn nhân lực phù hợp cho nhiệm vụ nói trên. Một chương trình an ninh đặc biệt sẽ được thực hiện để bảo vệ những nơi có giá trị khảo cổ học này tại vùng sâu vùng xa, với sự giúp đỡ của Cảnh sát, Lực lượng An ninh Dân sự và Cục Khảo cổ học.

(news.lk – October 14, 2017)

Cuộc họp về bảo tồn Tịnh xá Tampita tại Phòng Thư ký Tổng thống (Tích Lan)
Photo: news.lk

HÀN QUỐC: 29 kinh điển Phật giáo cổ bên trong pho tượng Phật thế kỷ 15

Ngày 16-10-2017, Tông phái Tào Khê cho biết tổng cộng 29 kinh điển Phật giáo đã được tìm thấy bên trong một pho tượng Phật ngồi bằng gỗ từ thế kỷ 15 tại chùa Haein ở tỉnh Nam Gyeongsang.

Số kinh điển này gồm một cuốn cỡ sách bỏ túi, và một bộ 28 cuốn khác – đều có niên đại vào thời Goryeo (918-1392).

Tông phái Tào Khê nói rằng một cuốn kinh có kích thước nhỏ như vậy chưa từng được phát hiện trước đây, và cuốn kinh này có ghi lịch sử chi tiết về việc xuất bản cũng như có các bức tranh Phật giáo độc đáo.

Pho tượng nói trên từng được mở ra một phần vào năm 1983 trong quá trình sơn lại, nhưng đây là lần đầu tiên người ta xác nhận cụ thể số kinh điển được cất giữ bên trong tượng.

(Yonhap – October 16, 2017)

Cuốn kinh nhỏ (ảnh trên) và bộ kinh 28 cuốn (ảnh dưới) được tìm thấy bên trong một tượng Phật ở chùa Haein (Hàn Quốc)

Photos: Yonhap

NHẬT BẢN: Tranh vẽ Bồ Đề Đạt Ma trên tấm vải 120 m vuông

Tokyo, Nhật Bản - Ngày 14 -10-2017, Arika Yamaguchi, họa sĩ nổi tiếng theo phong cách cổ điển Nhật Bản đã vẽ chân dung nhà sư Phật giáo Daruma (Bồ Đề Đạt Ma) bằng mực "sumi" đen trên một tấm vải cotton rộng 120 m vuông.

Họa sĩ này đã di chuyển quanh tấm vải để vẽ, và hoàn thành bức tranh trong khoảng 2 tiếng rưỡi.

Yamaguchi, 48 tuổi, vẽ tác phẩm này dựa trên tác phẩm Bồ Đề Đạt Ma mà họa sĩ mộc bản Katsushika Hokusai (1760-1849) đã vẽ trên giấy có kích thước 194 m vuông.

Khi vẽ xong, Yamaguchi nói rằng Hokusai thật tuyệt vời vì đã vẽ một bức tranh lớn hơn bức tranh này.

Tranh của Yamaguchi sẽ được trưng bày tại tòa nhà YKK60 ở khu Kamezawa thuộc phường Sumida, Tokyo, từ ngày 16 đến 22-10-2017.

(asahi.com – October 15, 2017)

Họa sĩ Arika Yamaguchi, họa sĩ vẽ chân dung Daruma (Bồ Đề Đạt Ma) trên tấm vải 120 m2 bằng mực "sumi" đen Photo: Shigetaka Kodama

HOA KỲ: Cháy rừng ở California khiến Phật tử phải rời tu viện

Hai tu viện Phật giáo nổi tiếng ở Bắc California đã bị buộc phải di tản vì sự lan rộng của các vụ cháy rừng chết người gần đây, do gió mạnh và tình trạng khô hanh. Tuần trước, cả hai Trung tâm Sơn Thiền Sonoma (một trung tâm thiền Soto ở quận Sonoma) và Abhayagiri (một tu viện Phật giáo Nguyên thủy ở Redwood Valley) đều được di tản.

Những trận cháy rừng năm nay ở miền Bắc California đã trở nên trầm trọng hơn thường lệ, khiến ít nhất 40 người thiệt mạng và hàng ngàn ngôi nhà bị hủy hoại.

Vào sáng sớm ngày 9-10-2017, 14 nhà sư và một chục vị khách đã bị buộc phải rời Tu viện Abhayagiri. Trên đường di tản, chư tăng và khách cùng cư dân trong khu vực đã giúp đỡ nhau, bấm còi xe của họ để cảnh báo với nhau về hiểm họa, và nhiều người dừng lại để giúp đỡ người khác trong hành trình xuống con đường chật hẹp.

(Buddhistdoor Global – October 16, 2017)

Cháy rừng tại Bắc California (ảnh chụp vào ngày 10-10-2017) Photo: usatoday.com
Chư tăng từ Tu viện Abhayagiri được đón tiếp tại Chùa Vạn Phật Thánh Thành ở Ukiah, California
Photo: abhayagiri.org

NGA: Đức Tulku Rinpoche hoằng pháp tại Moscow

Đức Gangteng Tulku Rinpoche, một trong 3 vị lãnh đạo dòng truyền thừa của truyền thống Pema Lingpa, đến viếng Moscow từ ngày 13 đến 27-10 -2017 để giảng pháp cho cộng đồng Phật tử địa phương.

Sinh tại Bhutan vào năm 1955, Gangteng Tulku Rinpoche được công nhận là hóa thân thứ 9 của Gyalse Pema Thinley. Năm 16 tuổi,

ngài đăng quang làm Gangteng Tulku thứ 9 tại Tu viện Gangteng ở miền trung Bhutan – trụ sở chính của truyền thống Pema Lingpa và là tu viện Nyimgma lớn nhất trong vương quốc.

Ngoài tu viện Gangteng, Tulku Rinpoche còn phụ trách 35 tu viện, đền thờ, thiền viện, trung tâm thiền định cho phụ nữ, và các trường đại học tại Bhutan. Ngài có đệ tử khắp vùng Hi Mã Lạp Sơn, cũng như tại châu Phi, châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ.

(Buddhistdoor Global – October 19, 2017)

Đức Gangteng Tulku Rinpoche (ảnh trên) và khán thính giả (ảnh dưới) tham dự những bài thuyết pháp của ngài tại Moscow, Nga.

Photos: Yeshe Khorlo Russia Facebook

HÀN QUỐC: Phát hiện tượng Phật thế kỷ thứ 6 tại chùa Jinjjeon

Gangwong, Hàn Quốc – Nhật báo Hàn Quốc Joongang tường thuật rằng một tượng mạ đồng được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên, vào thời Tam Quốc Cao Ly, đã được tìm thấy tại góc phía bắc của ngôi Chùa Đá 3 tầng ở chùa Jinjeon (tỉnh Gangwong).

Tượng có chiều cao khoảng 3.5 inch, mô tả bộ tam Phật, gồm 2 vị Bồ tát Hyupsi ở hai bên của Bồ tát Quán Thế Âm, tượng trưng cho lòng từ bi của chư Phật. Nét mặt và các họa tiết trên trang phục của 3 tượng này được bảo tồn tốt. Tác phẩm chạm khắc nói trên cũng mô tả hào quang tỏa ra từ đầu và thân của Đức Quán Thế Âm.

(tipitaka.net – October 20, 2017)

Tượng Phật thế kỷ thứ 6 được tìm thấy tại chùa Jinjjeon (Hàn Quốc)
Photo: archaeology.org

TÍCH LAN: Tài trợ cho Quỹ Phục hưng Phật giáo

Ngày 23-10-2017, các khoản tài trợ đã được đóng góp cho Quỹ Phục hưng Phật giáo do Ban Thư ký của Tổng thống thành lập dưới sự điều hành của Tổng thống Maithripala Sirisena. Quỹ dành cho sự phát triển của các chùa nghèo vùng nông thôn đang cần sự tài trợ.

Trong sự kiện diễn ra tại văn phòng Ban Thư ký của Tổng thống nói trên, những khoản đóng góp tài chính từ các tổ chức - bao gồm các vị cao tăng, các tổ chức Nhà nước và phi chính phủ - đã được chính thức bàn giao cho Tổng thống.

Tổng thống phát biểu rằng các quỹ này sẽ được quản lý đúng đắn vì sự phát triển của những chùa chiền bị thiệt thòi ở các vùng nông thôn, bao gồm cả miền Bắc và miền Đông.

Ý nghĩa của Quỹ Phục hưng Phật giáo là ở điểm nó hoạt động với sự trợ giúp của các nhà hảo tâm, chứ không phụ thuộc vào Ngân quỹ Nhà nước.

(NEW.LK – October 24, 2017)

Tổng thống Tích Lan nhận ngân khoản đóng góp cho Quỹ Phục hưng Phật giáo từ một vị cao tăng—Photo: News Lanka

TRUNG QUỐC: Đánh giá hư hại tại khu Hang động Phật giáo Mạch Tích Sơn (Cam Túc)

Tại hang động Mạch Tích Sơn ở tỉnh Cam Túc - một trong 4 khu hang động Phật giáo lớn nhất của Trung Quốc - các vết nứt đã xuất hiện trên một số hang, và một số tác phẩm điêu khắc và bích họa đang trong tình trạng phân rã do độ ẩm và sự xói mòn tự nhiên.

Một đánh giá có hệ thống đối với sự hư hại của các hang động Mạch Tích Sơn đã được tiến hành cho công việc phục chế.

Hang động Mạch Tích Sơn 1,600 năm tuổi là một Di sản Thế giới UNESCO, gồm khoảng 200 hang và hơn 10,000 tác phẩm điêu khắc Phật giáo.

Việc đánh giá đã phân loại 221 hang của Mạch Tích Sơn thành 3 mức độ nguy hiểm, với khoảng 32 hang trong số đó có mức rủi ro nghiêm trọng nhất như sụp đổ và các bích họa bị rơi.

(NewsNow – October 23, 2017)

Hang động Phật giáo Mạch Tích Sơn (Cam Túc)
Photo: unsualtraveler.com

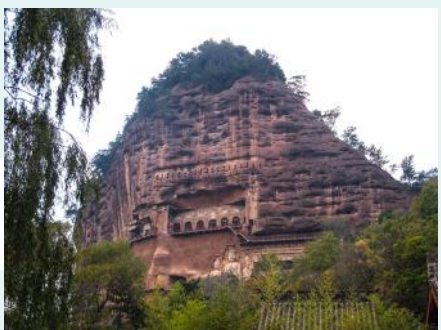

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ẤN ĐỘ: Thư viện Tác phẩm và Lưu trữ Tây Tạng (LTWA) sẽ chuyển hàng nghìn bản thảo Phật giáo cổ đến trung tâm bảo tồn mới

Để bảo đảm việc bảo quản tốt hơn cho các thế hệ tương lai, Thư viện Tác phẩm và Lưu trữ Tây Tạng (LTWA) tại Dharamsala dự định di chuyển khoảng 80,000 bản thảo cổ và các tài liệu hiếm có khác đến một trung tâm bảo tồn mới tại thành phố Bengaluru, bang Karnataka ở nam Ấn Độ.

Trung tâm bảo tồn mới có tên là Trung tâm Nghiên cứu Tây Tạng, sẽ tọa lạc tại khu vực 1.5 hecta của Viện Đại học Đạt lai Lạt ma ở nam Ấn Độ, nơi đã được Đức Đạt lai Lạt ma chính thức khánh thành vào tháng 12-2016.

Nằm tại bang Himachal Pradesh ở bắc Ấn Độ, LTWA hiện đang là một viện nghiên cứu hàng đầu về Phật giáo và Tây Tạng học, thu hút các học giả, các nhà nghiên cứu và sinh viên đến từ khắp thế giới.

(Buddhistdoor Global – October 23, 2017)

Trụ sở của LTWA tại Dharamsala

Bộ sưu tập của LTWA
Triển lãm tranh thangka tại LTWA (Dharamsala, Ấn Độ)
—->
Photos: buddhistdoor.com

HÀN QUỐC: Lễ hội Tam Tạng Kinh điển Cao Ly lần thứ 3 (2017)

Có niên đại từ thế kỷ 13, Tam Tạng Kinh Cao Ly là bộ giáo lý và giáo luật Phật giáo khắc trên hơn 80,000 mộc bản, được tạo ra trong một nỗ lực bảo vệ đất nước chống lại sự xâm lăng của Mông Cổ.

Bộ mộc bản Tam Tạng Kinh hiện đang được lưu giữ tại chùa Haein ở tỉnh Gyeongsangnam-do và sẽ được trưng bày trong lễ hội Tam Tạng Kinh toàn cầu năm nay.

Lễ hội cũng trình bày cách cấu tạo của các mộc bản, và khán giả có thể dễ dàng tiếp cận với bộ sưu tập lịch sử này.

Lễ hội Tam Tạng Kinh Cao Ly lần đầu tiên diễn ra vào năm 2011 để chào mừng kỷ niệm 1,000 năm của bản khắc đầu tiên có từ thế kỷ 11.

Lễ hội năm nay - lần thứ 3 - sẽ được tổ chức cho đến ngày 5-11 tại công viên Chủ đề Văn hóa Nguyên bản ở quận Hapcheon, tỉnh Gyeongsangnam-do.

(Arirang News – October 24, *2017)*

Mộc bản và ấn bản Tam Tạng Kinh của Hàn Quốc
Photos: wikipedia.org

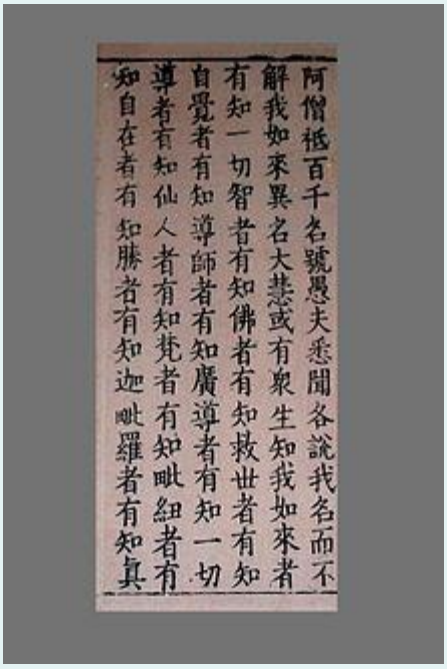

TÍCH LAN: Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ 7 tại Colombo

Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ 7 sẽ được tổ chức từ ngày 2 đến 7-11-2017 tại Chùa Cây ở Colombo, Tích Lan.

Hội nghị năm nay có chủ đề "Phật giáo vì Hòa bình Thế giới", với sự tham dự của khoảng 300 Giáo hội, tăng sĩ, cư sĩ từ 49 quốc gia tham dự.

Lễ Khai mạc của hội nghị vào ngày 2-11 sẽ có sự tham gia của Tổng thống và Thủ tướng Tích Lan, trong khi các cuộc họp bàn tròn sẽ diễn ra vào ngày 3 và 4-11 theo lịch trình.

Lễ Bế mạc sẽ được tổ chức vào ngày 5-11, và ngoài ra còn có 2 tour tham quan lần lượt đến Anuradhapura và Kandy vào ngày 3 và 4-11-2017.

(News Lanka – October 27, 2017)

Biểu trưng của Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ 7
Photo: News Lanka

ẤN ĐỘ: Chư tăng cầu nguyện cho hòa bình thế giới tại Vườn Lộc Uyển (Sarnath)

Vào ngày 1-11-2017, hoạt động 4-ngày của lễ kỷ niệm hàng năm lần thứ 86 của Tịnh xá Mulagandha và 126 năm của Hội Đại Bồ đề Ấn Độ đã bắt đầu với một loạt nghi thức Phật giáo tại Vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật giảng pháp những bài giáo lý đầu tiên của Ngài.

Toàn bộ khu vực Lộc Uyển được trang trí bằng cờ và hoa. Tín đồ và chư tăng đến từ các nước Phật giáo khác nhau đã đến đây để dự lễ. Lễ hội bắt đầu bằng lễ cúng Phật vào buổi sáng.

Chư tăng do sư trưởng của Tịnh xá Mulagandha Kutey dẫn đầu và thư ký chung của Hội Đại Bồ đề Ấn Độ là Thượng tọa Bhante K Meghankar đã cầu nguyện và thắp đèn cho hòa bình thế giới tại Bảo tháp Dhammekh. Sau đó, hàng trăm nhà sư thắp đèn nến và cầu nguyện tại cây bồ đề vào buổi tối và tụng kinh Mahap-aritran vào ban đêm.

(TNN – November 1, 2017)

Chư tăng cầu nguyện cho hòa bình thế giới tại Vườn Lộc Uyển (Sarnath) Photo: Binay Singh

CHÂU PHI: Các Trung tâm Chăm sóc A Di Đà Phật nuôi dạy hàng nghìn trẻ mồ côi châu Phi

Được thành lập bởi Hòa thượng Hui Li, một nhà sư đến từ Đài Loan, các Trung tâm Chăm sóc A Di Đà Phật (ACC) đang nuôi dạy hàng nghìn trẻ em bất hạnh ở một số nước nam Phi. Tại các trung tâm này có nhiều em từ làng mạc vùng xa bị mồ côi do cha mẹ chết vì HIV/Aids.

ACC đầu tiên, hiện có 500 trẻ em, thành lập cách đây 12 năm tại Malawi. Các ACC cũng đã được mở tại các nước châu Phi khác – bao gồm Burkina Faso, Gambia, Leso-tho, Namibia, Swaziland – và dự định mở thêm nhiều hơn nữa trong khu vực này.

Phần lớn ngân sách cho các ACC (70%) đến từ các nhà tài trợ ở Hồng Kông, Mã Lai, Tân Gia Ba và Đài Loan.

Các ACC dạy về văn hóa châu Phi địa phương, văn hóa Trung Hoa và triết lý nhà Phật.

Đến nay, các ACC đã nhận nuôi dạy khoảng 8.000 trẻ cho đến khi các em được 18 tuổi - khi các em đi học đại học hoặc tiếp tục học nghề khác.

(Buddhistdoor Global – November 1, 2017)

Trẻ em châu Phi được nuôi dạy tại các Trung tâm Chăm sóc A Di Đà Phật (ACC)
Photos: Aljazeera.com

TRUNG QUỐC: Khai quật các hiện vật Phật giáo từ con tàu bị đắm cách đây 700 năm

Sau hơn 700 năm, một con tàu bị đắm vào thời nhà Nguyên (1271-1368) đã được phát hiện trong lớp bùn lầy của một lòng sông khô cạn ở tỉnh Sơn Đông, cho thấy một kho báu cổ vật bao gồm một Phật điện và các hiện vật Phật giáo khác.

Các nhà khảo cổ học từ Học viện Văn hóa và Khảo cổ Sơn Đông tin rằng con tàu gỗ dài 21 mét này được sử dụng cho các chuyến đi dọc theo sông Hoàng Hà cho đến khi nó bị đâm phải và chìm, trước khi ngập trong lớp sình bùn của lòng sông.

Tổng cộng có hơn 100 cổ vật đã được khai quật từ cả bên trong con tàu đắm lẫn khu vực xung quanh nó, bao gồm đồ tạo tác bằng sứ, gốm, sơn mài, ngọc bích, đá, sắt, đồng và vàng.

(Buddhistdoor – November 2, 2017)

Hai tượng La Hán cao 8.5 cm và 8.2 cm khai quật được từ con tàu bị đắm cách đây 700 năm tại Sơn Đông, Trung Quốc
Photos: livescience.com

ÚC ĐẠI LỢI: Chùa Phật Quang Sơn ở Maylands tặng Phòng Trưng bày Nghệ thuật bang Tây Úc cuốn Bách khoa Toàn thư về Nghệ thuật Phật giáo

Cuối tháng 10 năm 2017, Chùa Phật Quang Sơn Maylands đã tặng Phòng Trưng bày Nghệ thuật Tây Úc cuốn Bách khoa Toàn thư về Nghệ thuật Phật giáo của mình sau hơn 10 năm sưu tập những tác phẩm xuất sắc nhất của nghệ thuật Phật giáo.

Bách khoa Toàn thư của Chùa Phật Quang Sơn bao gồm 20

chương về kiến trúc, điêu khắc, hang động, điêu khắc trên đá, thư pháp và tranh vẽ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Bắc Hàn, châu Âu, châu Mỹ và châu Úc. Cuốn Bách khoa Toàn thư này có những tác phẩm nghệ thuật được sưu tập bởi Đại sư Hsing Yun của Phật Quang Sơn từ những chuyến đi của ông vào thập niên 1940.

Các nhà biên soạn bắt đầu phiên bản Hoa ngữ trước tiên vào năm 2001, và phải mất 12 năm để biên dịch tất cả các bức ảnh và từ ngữ trước khi 300 học giả nói tiếng Anh dịch nó. Cuốn sách này có hơn 10.000 bài tuyển chọn, hơn 14.000 hình ảnh và khoảng 3.5 triệu từ ngữ.

(tipitaka.net – November 3, 2017)

Các vị chức sắc tham dự lễ trao tặng cuốn Bách khoa toàn thư Nghệ thuật Phật giáo tại Phòng Trưng bày Nghệ thuật Tây Úc
Photo: communitynews.com.au

Ấn Độ: Đức Đạt lai Lạt ma khánh thành khu trường mới của tu viện Namgyal

Dharamsala, Ấn Độ - Ngày 2-11-2017, Đức Đạt lai Lạt ma đã khánh thành khu trường mới thuộc tu viện Namgyal của ngài ở McLeod Gani. Ngoài khu nhà ở cho nhân viên của tu viện, tòa nhà mới cao 6 tầng này có các lớp học và ký túc xá dành cho chư tăng. Đây là dự án hàng chục triệu rupees, được xây dựng xong trong năm nay thông qua các khoản cúng dường của các nhà tài trợ từ Ý, Việt Nam, Đài Loan và Quỹ Đạt lai Lạt ma.

Tromtok Khen Rinpoche, sư trụ trì của tu viện Namgyal đã cám ơn Đức Đạt lai Lạt ma về sự hướng dẫn và giúp đỡ của ngài trong mọi bước đi của khu trường mới này.

Trong số 123 nhà sư tại tu viện Namgyal của Đức Đạt lai Lạt ma, chỉ có hơn 1/3 là người Tây Tạng. Số còn lại đã được ghi danh trong nhiều năm bao gồm những người đến từ Ấn Độ, Mông Cổ, Bhutan.

(Phayul – November 3, 2017)

Đức Đạt lai Lạt ma tại lễ khánh thành khu trường mới của tu viện Namgyal
Photo: Phayul

ẤN ĐỘ: Hội nghị Quốc tế về Phật giáo và Khoa học tại New Delhi

New Delhi, Ấn Độ - Hội nghị quốc tế 2-ngày về Thần kinh học và Tâm lý học Phật giáo đã diễn ra tại Gumohar, Trung tâm Môi trường sống Ấn Độ ở New Delhi vào ngày 4 và 5-11-2017.

Hội nghị có sự tham dự của hơn 130 người, bao gồm sinh viên từ các khoa và trường đại học khác nhau có trụ sở tại New Delhi. Trong số các diễn giả tại sự kiện đặc biệt này có các Tiến sĩ và tăng sĩ nổi tiếng. Tất cả diễn giả đã trình bày bản chất thú vị của các chủ đề tương ứng như là tâm lý học Phật giáo, Thiền Minh sát tuệ: ảnh hưởng đến tâm trí và ý thức não, quan điểm Phật giáo về chữa trị rối loạn tâm lý, thực hành Phật giáo và trị liệu tâm lý…

Hội nghị kết thúc bằng phần giới thiệu các bản trình bày viết về các chủ đề khác nhau của các sinh viên cấp Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân kỹ thuật từ các trường đại học Jawaharlal Nehru, Nalanda, Amity và Delhi.

(tipitaka.net – November 9, 2017)

Hội nghị Quốc tế về Phật giáo và Khoa học tại New Delhi
Photo: TPI

HÀN QUỐC: Seoul sẽ tổ chức Lễ hội Liên Hoa Đăng vào tháng 5 năm 2018

Lễ hội Liên Hoa Đăng có truyền thống lâu đời hơn 1,200 năm và được chính phủ Hàn Quốc chỉ định là Tài sản Văn hóa Phi vật thể Quốc gia số 122.

Năm 2017, có hơn 300,000 người Hàn Quốc bản xứ và 30,000 du khách ngoại quốc dự lễ hội này. Hơn 50,000 tình nguyện viên đã tích cực tham gia làm lồng đèn và rước đèn trong Lễ hội Liên Hoa Đăng năm nay. Số lượng tình nguyện viên cao là một trong các yếu tố độc đáo của lễ hội.

Được khai mạc vào suốt kỳ cuối tuần ngay trước ngày Phật Đản mồng 8 tháng 4 Âm lịch, vì vậy ngày lễ hội Liên Hoa Đăng thay đổi hàng năm. Vào năm 2018, lễ hội sẽ được tổ chức vào ngày 11 (thứ Sáu) đến 13 (Chủ nhật) tháng 5 trên đường Jongno của Seoul, và lễ Phật Đản sẽ diễn ra vào ngày 22 tháng 5.

(PR Newswire – November 9, 2017)

Lễ hội Liên Hoa Đăng tại Seoul, Hàn Quốc
Photo: PR Newswire

Ý NGHĨA ĐỀ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

A. ĐỀ KINH:

1.- DIỆU: là mầu nhiệm không thể nghĩ bàn (Bất khả tư nghì).

2.- PHÁP: là pháp môn để đạt đến sự giác ngộ cuối cùng (Ba la mật).

3.- DIỆU PHÁP: là pháp môn mầu nhiệm của Phật tri kiến (Phật thấy biết), là Chân Tâm mầu nhiệm (Diệu Pháp) và cũng là Linh Giác căn bản (bản giác). Chân Tâm mầu nhiệm này là bản tánh chân thường, là bản thể bình đẳng của tất cả thánh nhân và phàm phu, của tất cả pháp giới. Phật và chúng sanh từ xưa đến nay đều đồng một thể tánh Chân Tâm mầu nhiệm này. Phật là người đã ngộ được thể tánh Chân Tâm mầu nhiệm và chúng sanh là người đã mê lầm thể tánh Chân Tâm mầu nhiệm. Chúng sanh ngộ được thể tánh Chân Tâm mầu nhiệm này thì thọ dụng được bốn đức Niết Bàn (Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, Chân Tịnh). Chúng sanh nào còn mê lầm thể tánh chân tâm mầu nhiệm này thì chạy theo vọng cảnh điên đảo nên bị sinh tử luân hồi.

4.- LIÊN HOA: là thí dụ cho Diệu Pháp sanh nơi đất bùn ô uế mà chẳng bị nhiễm trước, chẳng hôi tanh mùi bùn. Chúng sanh nhờ thí dụ này mà ngộ được Chân Tâm mầu nhiệm. Theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Liên Hoa có ba thí dụ:

a/- Vì có sen nên có hoa,

b/- Hoa nở thì sen hiện,

c/- Hoa rụng thì sen thành.

Liên Hoa sở dĩ có ba thí dụ là vì Diệu Pháp khó giải thích, phải mượn thí dụ để cho dễ hiểu. Hoa sen là biểu tượng cho Nhân (gương sen) và Quả (hoa sen) phát sanh cùng một lúc, cũng như Diệu Pháp là thể hiện Huyền (phương tiện) và Thật (chân thật) đồng một bản thể. Vì thế đức Phật dùng Liên Hoa để thí dụ Huyền và Thật của Diệu Pháp. Ba thí dụ của Hoa Sen được giải thích như sau:

a/- VÌ CÓ SEN NÊN CÓ HOA: gồm hai thí dụ:

1) Dụ thứ nhất là **vì Thật nói Huyền**: *Thật* là pháp chân thật tức là Nhất Thừa và *Huyền* là pháp phương tiện tức là ba Thừa. Sen ở đây là dụ cho Thật và Hoa ở đây là dụ cho Huyền. Thí dụ này là biểu tượng đức Phật vì pháp chân thật của Nhứt Thừa mà thiết lập pháp Huyền (phương tiện) của ba Thừa. Cho nên Kinh Pháp Hoa nói rằng: *"Mặc dù chỉ bày nhiều thứ đạo, nhưng kỳ thật không ngoài Phật Thừa."* (Ba Thừa: Thinh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa).

2) Dụ thứ hai là nơi từ nơi **Bổn Môn** hiển bày **Tích Môn**. *Bổn Môn* nghĩa là chỉ cho Pháp Thân căn bổn của đức Phật Thích Ca đã có từ vô thỉ, đã thành Phật từ lâu xa, cũng gọi là Cổ Phật. *Tích Môn* nghĩa là chỉ cho Hóa Thân của đức Phật Thích Ca sanh vào nước Ca Tỳ La Vệ có dấu tích lịch sử, cũng gọi là Tân Phật. Sen ở đây là dụ cho Bổn Môn (Cổ Phật) và Hoa ở đây là dụ cho Tích Môn (Tân Phật). Thí dụ này là biểu tượng Pháp Thân của đức Như Lai thuộc Bổn Môn đã thành Phật từ lâu xa, nhưng vì muốn độ chúng sanh nên mới sanh vào nơi nước Ca Tỳ La Vệ làm Hóa Thân thuộc Tích Môn. Cho nên Kinh Pháp Hoa nói rằng: *"Đúng ra ta thật sự đã thành Phật từ lâu xa, chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà nói rằng, ta mới xuất gia và chứng đặng Tam Bồ Đề."* (Tam Bồ Đề là tiếng Phạn, nghĩa là chánh đạo).

b/- HOA SEN NỞ THÌ SEN HIỆN: cũng có hai thí dụ:

1)- Dụ thứ nhất là **khai Huyền hiển Thật**. *Khai Huyền* nghĩa là mở bày pháp phương tiện và Hiển Thật nghĩa là thể hiện pháp chân thật. Hoa nở ở đây là dụ cho Khai Huyền và Sen Hiện ở đây là dụ cho *Hiển*

Thật. Thí dụ này là biểu tượng đức Như Lai huyền khai ba thừa để hiển bày pháp chân thật của Nhứt Thừa. Cho nên Kinh Pháp Hoa nói: "Khai phương tiện môn để chỉ bày tướng chân thật."

2)- Dụ thứ hai là **khai Tích hiển Bổn**: *Khai Tích* nghĩa là mở bày Hóa Thân thuộc Tân Phật và *Hiển Bổn* nghĩa là hiển bày Pháp Thân thuộc Cổ Phật. Hoa Nở ở đây là dụ cho khai mở Tích Môn và Sen Hiện ở đây là dụ cho hiển bày Bổn Môn. Thí dụ này là biểu tượng đức Như Lai khai mở dấu tích là ta hôm nay gần thành đạo quả để hiển bày ta vốn đã thành Phật từ lâu xa. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: *"Tất cả thế gian đều cho ta nay mới đắc đạo. Ta thật sự đã thành Phật từ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp cho đến nay."* (Na Do Tha là tiếng Phạn, nghĩa là vạn ức).

c/- HOA RỤNG THÌ SEN THÀNH: cũng có hai thí dụ:

1)- Dụ thứ nhất là **bỏ Huyền lập Thật**: *Bỏ Huyền* nghĩa là phế bỏ pháp phương tiện của ba Thừa và *Lập Thật* nghĩa là thiết lập pháp chân thật của Nhất Thừa. Hoa rụng ở đây là dụ cho bỏ Huyền và sen thành ở đây là dụ cho lập Thật. Thí dụ này là biểu tượng đức Như Lai phế bỏ pháp phương tiện của ba Thừa để kiến lập pháp chân thật của Nhứt Thừa. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: *"Đúng ra xả bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng."*

2)- Dụ thứ hai là **bỏ Tích lập Bổn**: *Bỏ Tích* nghĩa là phế bỏ Tân Phật thuộc Hóa Thân và *Lập Bổn* nghĩa là thiết lập Cổ Phật thuộc Pháp Thân. Hoa Rụng ở đây là dụ cho bỏ Tích (Tân Phật) và sen thành ở đây là dụ cho lập Bổn (Cổ Phật). Thí dụ này là biểu tượng đức Như Lai phế bỏ dấu tích lịch sử cho rằng ta hôm nay gần thành đạo quả để thiết lập bản thể ta vốn đã thành Phật từ lâu xa. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: *"Các đức Như Lai, pháp đều như thế; vì độ chúng sanh, thật sự không hư."*

Tóm lại Hoa sen biểu tượng cho nguyên lý nhân quả đồng thời. Hoa sen có hai phần:

a/- Cánh và Nhụy của hoa thì thuộc về Nhân.

b/- Gương và Hạt thì thuộc về Quả.

Một đóa sen gồm có cánh nhụy và gương hạt đều thể hiện cùng một lúc gọi là nhân quả đồng thời, nghĩa là Quả không ngoài Nhân và Nhân không ngoài Quả. Quả tức là Nhân và Nhân tức là Quả. Từ ý nghĩa này người tu Diệu Pháp là tạo nhân thì Thể Tánh Chân Tâm nhất định hiện bày là quả.

5.- DIỆU PHÁP LIÊN HOA: nghĩa là Pháp Môn mầu nhiệm của Phật tri kiến mở bày (khai) để độ chúng sanh ở cõi ta Bà ác trược này. Pháp Môn mầu nhiệm của Phật tri kiến thật là khó hiểu, khó tin, khó hành trì và khó chứng đắc. Do đó, đức Phật vì lòng đại bi thương xót nên mới ra đời, dùng đủ phương tiện để độ chúng sanh và khiến cho chúng sanh chứng ngộ bằng cách thể nhập được Pháp Môn mầu nhiệm của Phật tri khiến. Đấy là lý do của Phật ra đời.

CHÚ Ý: Đức Phật Thích Ca cũng như các đức Phật khác đều có ba thân: Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Theo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú, quyển 9, phần hạ giải thích rằng: Đức Như Lai có ba thân:

1)- Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Như Lai: Tỳ Lô Giá Na, tiếng Phạn Vairocana, nghĩa là biến khắp tất cả xứ. Pháp Thân này tánh và tướng bản nhiên thường hằng bất biến, chân như bình đẳng bất diệt v.v... Pháp Thân và Quốc Độ thì vô ngại, biến khắp tất cả xứ sở.

2)- Báo Thân Lô Xá Na Như Lai: Lô Xá Na, tiếng Phạn Rocana, nghĩa là thanh tịnh viên mãn. Báo Thân này đã đoạn trừ diệt tận gốc rễ các hoặc và và trở nên hoàn toàn thanh tịnh, muôn đức đều viên mãn. Báo Thân này có hai: một là Tự Báo Thân hay Tự Thọ Dụng Thân và Tha Báo Thân hay Tha Thọ Dụng Thân. (Báo Thân gọi là Bổn Môn).

a)- Tự Báo Thân, nghĩa là thân này ở bên trong dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả chân pháp giới.

b)- Tha Báo Thân, nghĩa là thân này ở bên ngoài dùng ánh sáng của thân chiếu soi và ứng hiện khắp tất cả mọi căn cơ chúng sanh.

3)- Ứng Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Như Lai: Thích Ca Mâu Ni, tiếng Phạn Sàkya-muni, nghĩa là Năng Nhơn và Tịch Mặc. Năng Nhơn là chẳng an trụ nơi Niết Bàn, Tịch Mặc là chẳng trụ vào nơi sanh tử, tuỳ theo căn cơ của tất cả chúng sanh hóa hiện khắp nơi để thuyết pháp lợi sanh. Ứng Hóa Thân có hai loại: Ứng Thân và Hóa Thân. Ứng Thân nghĩa là Phật Thân ứng hiện để gia hộ chúng sanh và Hóa Thân là Phật Thân chuyển hóa sanh vào mọi loài chúng sanh để tùy duyên hóa độ.

6.- YẾU CHỈ CỦA PHẬT PHÁP:

Đức Phật muốn cho chúng sanh đều được thành Phật nên mới mở bày Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Theo ý của đức Phật, chúng sanh thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa muốn được thành quả phải thực hành đúng theo phương pháp chỉ dẫn sau đây:

a/- Hành giả muốn thành Phật thì phải hành trì đúng theo pháp môn phương tiện trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Hành giả không nên chú trọng về sự kiến giải mà không chịu hành trì. Sự kiến giải không đem sự lợi lạc chút nào cho hành giả trên con đường tu tập đạo giác ngộ.

b/- Hành giả phải theo yếu chỉ của kinh và không nên dựa theo lời văn của kinh. Lời văn của kinh không phải là yếu chỉ của kinh. Lời văn của kinh chỉ là những lời khen ngợi, những lời kích động dụ dỗ, những thí dụ mở lối tri kiến qua ngôn ngữ giới hạn không phải Diệu Pháp. Hành giả nào chỉ dựa theo lời văn của kinh là hành theo sự mê tín dị đoan là đi nghịch lại với yếu chỉ của Phật trong kinh.

c/- Yếu chỉ của kinh là muốn hành giả phải phát huy Vô Tác Diệu Lực của Diệu Pháp để tẩy sạch vô minh phiền não và khiến cho sáu căn đều được thanh tịnh. Sau khi sáu căn được thanh tịnh, Pháp môn mầu nhiệm của Phật tri kiến mới có thể hiển lộ. Vô Tác Diệu Lực nghĩa là năng lực mầu nhiệm của Linh Giác Diệu Tâm tự động phát khởi. Vô Tác Diệu Lực của Diệu Pháp Liên Hoa cũng giống như Anh Văn Lực của những người thông thạo tiếng Anh và khiến họ nói tiếng Anh linh hoạt tự nhiên không chút để ý. Nhờ Vô Tác Diệu Lực của Diệu Pháp Liên Hoa, hành giả mới thấy được tri kiến của Phật để tu trì.

HT. Thích Thắng Hoan

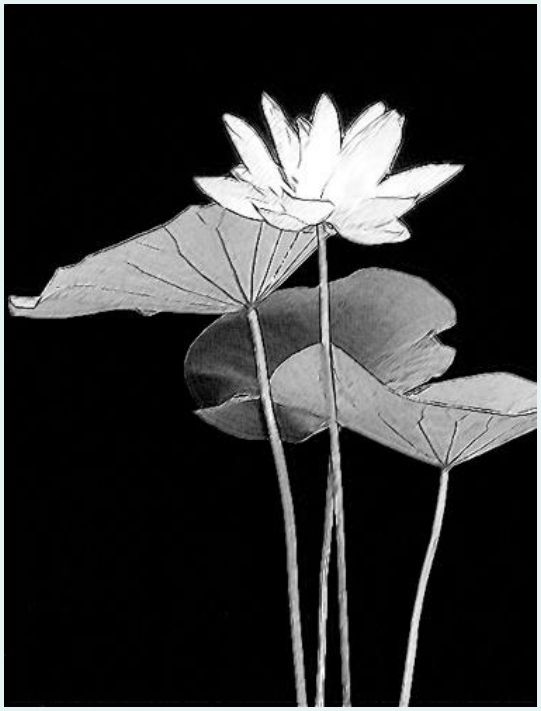

VIỆT KIỀU NỖI KHỔ HAI MANG

Đứng bên nầy trông về cố quận,
Nhìn đồng bào lận đận thiên tai,
Miền Trung lũ lụt tràn đầy,
Cuốn phăng tất cả những gì dựng xây.
Quê hương mình không ngày an lạc,
Chỉ gánh vào tan nát mà thôi,
Chiến tranh kết thúc lâu rồi,
Giang sơn thống nhất chẳng vơi khổ nàn.
Thiên tai giáng tan hoang đổ nát,
Từ mạng người, súc vật cũng tiêu,
Đứng nhìn hoàn cảnh tiêu điều,
Quê hương xứ sở lắm điều gian nan...
Việt kiều gánh hai mang tất tả,
Từ quê hương xứ sở của mình,
Còn thêm bổn phận thâm tình,
Nhận làm xứ sở cho mình ở, an...
Nhưng hỏa hoạn chẳng màng tha thứ,
Thiêu rụi tàn các thứ ra tro,
Con dân Việt chạy có cờ,
Vừa lo sinh sống, vừa lo quê nhà.

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý thu Đinh hợi, Nov. 10, 2017

VÀI NÉT BIỂU TRƯNG CỦA NGƯỜI CƯ SĨ PHẬT TỬ NƠI HẢI NGOẠI

Thích Nguyên Siêu

*Hòa Thượng **Thích Nguyên Siêu***
(Ảnh: Sen Trắng)

Tinh thần tu chứng, cũng như phụng sự tha nhân xây dựng quê hương đất nước, Phật Giáo Việt Nam đã khẳng định sự hiện hữu của mình hơn 2000 năm trên suốt dòng lịch sử của dân tộc Việt. Sự hiện hữu đó đã gây giống nẩy mầm từ khi các Thiền sư đặt bước chân đầu tiên lên mảnh đất Lạc Việt, hay từ thời Trung tâm Luy Lâu được khởi xướng. Xuôi theo dòng lịch sử mở nước, dựng nước và giữ nước ấy Phật Giáo Việt Nam đã không ngừng tài bồi, kiện toàn và phát huy những nét cao đẹp, trong sáng tinh ba của đất nước dân tộc. Lý tưởng giác ngộ giải thoát của Đạo pháp được hưng khởi, giá trị của lòng Từ Bi, thương người cứu vật, tinh thần trong sáng của trí tuệ vượt thoát được nêu cao và hoằng dương một cách sâu rộng đến mỗi người, mỗi nhà hay phổ cập chung cho cộng đồng xã hội. Trong công cuộc **"Hoằng Pháp Thị Gia Vụ, Lợi Sanh Vi Sự Nghiệp"** – Hoằng pháp là việc nhà, lợi sanh làm sự nghiệp – đó có tấm lòng trung kiên với Đạo, có đôi tay cần mẫn hộ trì Phật pháp của người Cư sỹ Phật tử các giới.

Nếu nói rằng, từ thời Đức Thế Tôn còn tại thế đã có bao nhiêu vị Đại thí chủ, bao nhiêu thiện nam tín nữ Phật tử đã phát tâm hộ trì Tam Bảo, bất luận là Vua chúa, Trưởng giả, hay thần dân… xây dựng tinh xá, phát tâm tứ sự cúng dường, học hỏi giáo pháp và ngay cả tinh thần tu tập và chứng đắc quả thánh đương thời cho đến hôm nay thì lịch sử Phật Giáo Việt Nam hơn 2000 năm qua cũng đã có rất nhiều các cư sỹ Phật tử hy hiến đời mình cho Đạo pháp, bảo vệ ngôi nhà Phật Giáo được vững bền và thăng tiến cùng góp mặt chung với Phật Giáo thế giới.

Người cư sỹ Phật tử đã giữ một vai trò quan trọng trên dòng lịch sử Phật Giáo nước nhà, và dòng lịch sử Phật Giáo đó đã tạo thành niềm tin Đạo pháp truyền thống, tiếp nối nhau từ đời này sang đời khác bất tuyệt. Và cũng chính truyền thống Phật Giáo đó đã giữ gìn người cư sỹ Phật tử sống trọn vẹn trong niềm tin Tam Bảo.

Thế nhưng hôm nay, Phật Giáo Việt Nam đã được hoằng truyền qua các quốc gia trên thế giới mà chúng ta gọi là Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại, không phân biệt Mỹ Châu, Úc Châu v.v…. thì người cư sỹ Phật tử có cái nhìn tổng quan Phật Giáo Hải Ngoại và đặt mình đúng vị trí trong vai trò hộ pháp.

1. Khẳng Định Tín Tâm Đối Với Tam Bảo

Khi chúng ta còn sống nơi quê nhà, theo nề nếp tập tục, theo giáo dục lễ nghi và có thể nói là theo truyền thống lâu đời gia đình theo đạo Phật thì con cháu cứ như vậy mà thừa truyền tiếp nối Đạo pháp trong gia đình và ít có ai đổi đạo. Đó là niềm tin cố hữu của người Phật tử Việt Nam tự nghìn xưa. Nhưng hôm nay, chúng ta là người Phật tử Việt Nam sống nơi hải ngoại – một môi trường mới, một sinh hoạt mới, một văn hóa, một quan niệm mới – chúng ta có còn giữ được niềm tin truyền thống, hay chúng ta phải thấy bằng như thật rằng: Tam Bảo là 3 ngôi báu, cao quý trong thế gian mà kiên định tín tâm nơi 3 ngôi báu ấy để không bị lung lạc hay cuốn hút theo những hình ảnh, màu sắc phù phiếm của các ngoại lực và rồi phản bội lại lý tưởng cao đẹp lâu đời của cha ông.

Tín tâm Tam Bảo là bước đầu học Phật của người cư sỹ Phật tử. Nếu chúng ta không có tín tâm kiên cố đối với Tam Bảo thì dù cho chúng ta có sưu tra, nghiên cứu Phật pháp giỏi đến đâu cũng không thể gọi là Phật tử và sẽ bị thối tâm khi niềm tin không định hướng.

2. Thích Nghi Với Môi Trường Hiện Sống Mà Tùy Duyên Hộ Pháp

Con người sống trong một xã hội mà nhu cầu đời sống quá cao, thời gian không đủ để phân bố công việc, như thế giới Tây phương ngày nay. Một người có thể làm hai công việc toàn thời một ngày thì chắc hẳn không còn thời gian cho chính mình để suy tư nghĩ ngợi về đời sống tâm linh. Vì nhu cầu đời sống vật chất, vì sự ràng buộc công việc sở làm mà chúng ta có thể lãng quên hay đánh mất nét đẹp cao quý của tinh thần. Nhưng, nơi đây chúng ta có thể đem những bài học uyên áo giá trị của thế giới Đông phương, áp dụng ngay vào đời sống bận rộn của thế giới Tây phương, nhằm giải tỏa phần nào áp suất những lo âu của cuộc sống cá nhân để tránh bị cuốn hút bởi những nhu cầu vật chất quá cao.

Đó chính là ý thức được giá trị đích thực của sự sống an lành, của niềm bình yên trong tâm hồn, của sự thanh thản trong bận rộn, của sự tri túc trong ý nghĩa thường lạc tự thân. Tinh thần của đạo Phật là tùy duyên để thích nghi với hoàn cảnh, môi trường mà không bị chướng ngại khi mình hiện hữu. Tinh thần của đạo Phật là hòa tan, là uyển chuyển – ở bầu thì tròn, ở ống thì dài – là dung hợp như nước với sữa không có sự ngăn chia.

Người Phật tử có được cái nhìn và một nhân sinh quan như vậy, thì đích thực đã kiện toàn cho sự thích nghi môi trường sống, để từ đó mà tùy duyên hộ trì Tam Bảo trong ý thức tự tồn và nhiệt tâm phụng sự.

3. Phát Huy Tinh Thần Tu Học Phật Pháp Qua Các Phương Tiện:

a. Tham gia các khóa tu học được tổ chức tại các Tự Viện.

b. Nghe băng thuyết giảng.

c. Học Phật pháp trên Internet – Paltalk.

Tham học Phật pháp là bước đầu của người tu Phật. Người Phật tử thông hiểu Phật pháp rồi tu tập Phật pháp tức là làu thông pháp học rồi tiến tới pháp hành thì sự tu tập mới đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Do vậy, sự nghiên tầm giáo điển là năng lực tài bồi, là tiềm năng đẩy người Phật tử đi xa hơn trên con đường thể nghiệm tinh thần giác ngộ. Có thâm hiểu giáo lý thì mới thâm tín Tam Bảo, mà có thâm tín Tam Bảo thì mới phát huy được những giá trị thù thắng Phật ngôn.

Người Phật tử có thấm được hương vị giải thoát của giáo pháp thì mới giữ được lòng trung kiên đối với Đạo. Vì giáo pháp là chiếc bè đưa người qua sông, là hóa thành để chúng ta dừng chân trên con đường dài từ phàm tới thánh, là phương tiện thiện xảo đưa chúng ta tới cứu cánh của thành Niết bàn rốt ráo, hay là những gì đem lại sự lợi ích an vui cho một đời sống thường nhật. Là chất liệu xây dựng mái nhà hạnh phúc chân thật của gia đình. Là ý niệm từ hòa tĩnh lặng trong tận cùng thâm tâm của người học Phật. Vậy sự phát huy tinh thần tu học Phật pháp là điều thiết yếu, là mối quan tâm hàng đầu, là trách vụ chung của mọi người Phật tử chúng ta. Trong những điều kiện khả thể đó, chúng ta có thể:

a. Tham Gia Các Khóa Tu Học Được Tổ Chức Tại Các Tự Viện

Trong quá khứ đã có các khóa tu học Phật pháp được tổ chức tại các tiểu bang hay các Châu. Số lượng Phật tử tham gia tu học rất đáng kể. Trong những khóa tu học này, chúng ta thấy tinh thần tu học Phật pháp của Phật tử rất cao và rất chân thành để nghe giáo pháp. Do vậy, các khóa tu học Phật pháp tổ chức tại các Tự viện tại địa phương để cho các Phật tử được thuận tiện tham gia mà không phải mất nhiều thời gian di chuyển. Từ đó người Phật tử được gần gũi với đạo tràng, với Chùa Viện mà thể hiện tính chất bất khả phân, cũng như có được tài sản giáo pháp cho công trình khai triển đời sống tâm linh ngày thêm hoàn thiện.

b. Nghe Băng Thuyết Pháp

Trở về đôi mươi thập niên trước, chúng ta có bao giờ thấy các bậc Tôn túc thuyết giảng và được ghi âm, hay có những bộ kinh được đọc và thâu lại để phân phát cho các Phật tử nghe? Chắc hẳn là không. Nhưng, ngày nay việc thu băng thuyết pháp đã được phổ biến rất rộng rãi trong giới cư sỹ Phật tử. Hầu hết các buổi thuyết giảng, Phật tử đều có băng ghi riêng và sau đó về nhà nghe lại, truyền bá đến bạn bè thân quen. Đây là cách tham học Phật pháp rất tiện lợi cho tất cả mọi giới, vì có thể nghe thuyết giảng ở nhiều nơi, nhiều chỗ: trong lúc lái xe, khi làm việc trong công sở, hay khi nấu ăn dọn dẹp nhà cửa… thường xuyên nghe thuyết giảng bằng cách này, lâu ngày chầy tháng, tâm hồn người Phật tử được thấm đậm hương vị giáo pháp và thuần hậu trong suối nguồn tĩnh lặng.

c. Hệ Thống Internet – Paltalk

Đây là phương tiện của kỷ nguyên khoa học tiến bộ, rất thích hợp với giới trẻ, và cũng là phương tiện truyền thông nhanh nhất.

Qua những kinh nghiệm thuyết giảng trên hệ thống Internet, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều Phật tử thuần thành, rất kính trọng giáo pháp và tha thiết muốn nghe lời Phật dạy. Khi giảng trên Internet, không riêng gì Phật tử Hoa Kỳ mà khắp thế giới đều có thể nghe được.

Chúng tôi đã nhiều lần được tiếp xúc với các anh chị em trẻ, họ rất nhiệt tình và chân thành trong công việc truyền bá Phật pháp trên Internet. Những người bạn trẻ này với kiến thức khoa học kỹ thuật sẵn có, họ có thừa khả năng hoạt dụng Phật pháp phổ biến rộng rãi đến mọi người nếu chúng ta cùng biết cách cộng tác làm việc.

Sự tiến bộ về khoa học truyền thông ngày nay đã đưa mọi người trên thế giới gần lại với nhau hơn, dễ cảm thông hiểu biết nhau hơn, và trao đổi với nhau những điều cần thiết vượt khỏi giá trị thời gian của nhiều thập niên trước. Vậy thì, với những phương tiện truyền thông thuận lợi như thế, chúng ta có thể dễ dàng hơn trong công việc hoằng truyền Phật pháp. Chúng ta cần quan tâm, nghiên cứu phương tiện kỹ thuật và cập nhật hóa thường xuyên theo đàtiến bộ của nền khoa học hiện đại để khỏi bị lùi dần lạc hậu. Nhất là phổ biến rộng rãi tư tưởng siêu phàm, thanh thoát giác ngộ của Đức Thế Tôn đến thế giới Tây phương.

4. Các Tự Viện Tại Địa Phương Là Ngôi Nhà (Tâm Linh) Phật Pháp Của Chính Mình:

Một ngôi chùa nhỏ có thời khóa tụng kinh thường nhật, thuyết giảng định kỳ, niệm Phật công cứ, thọ bát quan trai đúng ngày trong tháng, vẫn có Phật tử tham gia tu học các thời khóa. Dẫu biết rằng có thể không được đông đảo, nhưng với số lượng người cố định, tham gia sinh hoạt đều đặn, chừng mực, thì cũng đủ để thấy rằng người Phật tử đã tự cho rằng ngôi chùa nhỏ tại làng mình là ngôi nhà tâm linh chung cho những người cùng xóm, hay trong cùng một khu vực, thành phố. Tâm tình của người Phật tử được thể hiện qua rổ khoai đầu mùa đem cúng chùa; chục cam mới hái trong vườn đem dâng cúng Phật, hay đĩa rau lang mới luộc vội bưng qua mời Thầy trụ trì; quả cà, trái ớt đều tưởng nghĩ đến chùa, sốt sắng không quên. Ân nghĩa là nói theo tình đời, còn công đức là nói theo tình đạo. Một tấm lòng đơn sơ cũng đủ nói lên bao nhiêu phước đức đó. Một ngôi chùa nhỏ tại thôn xóm, cách xa thành thị mà duy trì được phải do sự bao dung ấp ủ bằng tấm lòng son của những người Phật tử này. Sự hiểu biết về Phật pháp của họ rất giản dị, mộc mạc: **"để đức cho con cháu về sau"** bằng tâm tình thuần hậu, đơn sơ, nhưng rất trung kiên vì ngôi chùa làng cũng được xem như ngôi nhà "tinh thần" chung cho xóm làng. Ngôi chùa đó có từ bao đời, dường như không ai để ý, chỉ biết lớn lên đã thấy sự hiện diện của chùa. Mái chùa đó đã che chở, dìu dắt đời sống tâm linh của nhiều đời cha ông của họ cho đến hôm nay và còn nhiều đời con cháu sau này. Cứ thế, người Phật tử mặc nhiên thấy mình có bổn phận trông coi, thăm viếng; sớm hương khói cúng Phật, chiều đánh chuông công phu bái sám xem nhưlà công việc gia đình. Ấy chính là tinh thần hộ pháp, được hòa quyện trong tâm tư người Phật tử thân thương qua bao thế cuộc thăng trầm, thịnh suy, thất đắc. Nhưng niềm tin với ngôi chùa làng được gắn liền, bất di bất dịch, từ đời nọ sang đời kia.

5. Gây Ý Thức Và Tạo Dựng Niềm Tin Phật Cho Con Em – Thế Hệ Kế Thừa:

Con em của chúng ta được sinh ra và trưởng thành trong nền văn hóa Tây phương, hấp thụ và học hỏi phong tục tập quán Âu Tây từ người bản xứ. Do vậy, sự hiểu biết về cội nguồn, quê hương dân tộc của các thế hệ trẻ này rất là hạn hẹp nếu không được các bậc phụ huynh gia tâm chăm sóc.

Vì nhu cầu đời sống, nhiều bậc phụ huynh cũng tất bật với công việc không đủ thời giờ chăm sóc dạy dỗ con cái. Đây cũng là một trong những lý do, các em đánh mất tình cảm gia đình, quên dần cội nguồn dân tộc. Lâu ngày chầy tháng, khó lòng uốn nắn, giảng dạy các em ý thức về nguồn, gần gũi với cộng đồng Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tacũng chưa tuyệt vọng vì cũng có nhiều gia đình vẫn giữ được kỷ cương giềng mối. Là một bậc phụ huynh Phật tử,chúng ta lại càng gia tâm giáo huấn con em hơn nữa, hướng dẫn và gầy ý thức cho con em chúng ta có niềm tin Phật pháp. Tạo điều kiện thuận tiện cho những thế hệ sau này gần gũi với ngôi Tam Bảo. Tập làm Phật sự nơi các Tự viện, để quen dần với không khí nhà chùa mà không cảm thấy xa lạ, ngại ngùng khi hữu sự.

Chúng ta có nhiều phương cách gây ý thức và tạo niềm tin cho con em Phật tử như sinh hoạt Gia Đình Phật tử, dẫn con em đi chùa tụng kinh niệm Phật, tham dự các khóa lễ, tham dự các khóa tu học Phật pháp cuối tuần, tìm đưa cho các em đọc những kinh sách song ngữ… để từ đó, gieo vào tâm thức các em, những chủng tử Phật pháp để ý thức Phật pháp được nẩy nở phong phú trong

tâm tư các em. Có được như vậy, thì thế hệ mai sau mới hy vọng tiếp tục hộ trì Phật pháp. Hơn thế nữa, các bậc phụ huynh phải khuyến tấn, khích lệ con em mình xuất gia. Khi đề cập đến vấn đề này có nhiều người sẽ cười và bảo: "Xứ Mỹ này khó có người đi tu." Hay cha mẹ thì trả lời: "Tùy nó" hay khi nào "đủ duyên." Đây là những lý luận để đưa đến kết quả là hơn hai thập niên qua ở hải ngoại, có bao nhiêu phần trăm giới trẻ đi tu? Và Giáo Hội đã đào tạo được bao nhiêu Tăng tài để tiếp nối giềng mối Đạo pháp? Đây cũng có thể là một vấn đề lớn mà chúng ta không thể không quan tâm.

6. Quan Hệ Mật Thiết Giữa Người Tu Sỹ Xuất Gia Và Người Cư Sỹ Tại Gia

Thời Đức Phật còn tại thế, người cư sỹ Phật tử luôn gần gũi với Đức Thế Tôn, cũng như hàng Thánh Chúng. Sự gần gũi này đúng theo tinh thần và ý nghĩa Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Một nam cư sỹ gần gũi với Phật pháp để hộ trì Phật pháp. Người nữ cư sỹ Phật tử gần gũi với Phật pháp để hộ trì Phật pháp. Đó là ý nghĩa cao đẹp và đạo tình thuần hậu của người cư sỹ Phật tử được nuôi dưỡng trưởng thành trong ngôi nhà Phật pháp. Đời sống của người cư sỹ Phật tử không thể tách khỏi chốn Chùa viện, và cũng không thể phân ly với đời sống của chư Tăng. Không khí Chùa viện được sung túc là nhờ bổn đạo Phật tử, khách thập phương lui tới thường xuyên, cúng dường, phát tâm hộ pháp. Từ đó người Phật tử mới cảm thấy có nhu cầu tham dự tu học, lễ lạc, chư Tăng trau dồi kiến thức Phật học để thuyết pháp giảng kinh.

Người cư sỹ Phật tử phải quan hoài đến vị Thầy Bổn Sư của mình, để thể hiện tấm lòng của người đệ tử, biết cung kính, tôn trọng nhớ ơn người hóa độ. Và ngược lại, vị Thầy đã truyền trao giáo pháp, đã thâu nhận đệ tử thì cũng phải có lòng thương tưởng mà khuyến tu, trợ duyên để cho người đệ tử tại gia đó không thối tâm hộ pháp mà luôn luôn tăng tiến trên con đường phụng hành Phật đạo. Hai nếp sống, hai mối tương quan giữa đạo và đời, chẳng thể phân ly.

Đạo Phật có mặt trong thế gian và từ nơi thế gian tu tập để được giác ngộ giải thoát. Phật pháp không thể xa rời khỏi thế gian mà có. Nếu đi tìm giác ngộ giải thoát ngoài thế gian thì giống như đi tìm lông rùa sừng thỏ. Đạo Phật hiện hữu với đời là vì con người, cho con người hay của con người. Con người vì cầu tiến trên lộ trình giác ngộ giải thoát mà con người thừa tự giáo pháp để làm nhơn duyên hoán chuyển địa vị phàm phu thành Thánh giả. Đời sống của tục đế được quyện vào lòng chơn đế để được vận dụng mà thành đạt ý vị nhiệm mầu, siêu nhiên, bất nhị.

Thích Nguyên Siêu

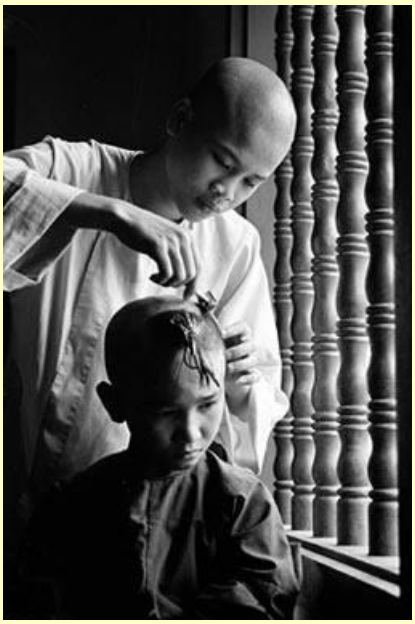

XẢ TÓC

Xả tóc, xả nỗi muộn phiền
Bồ đề ở lại, phược triền ra đi
Đã từ vô lượng kiếp thì
Nhân gian say đắm bởi vì đau thương
Liễu tri đâu hết vô thường
Tóc kia còn mọc che đường thỏng tay.

LẠY

Chắp tay lạy sáu phương trời
Nhân gian mấy cõi nổi trôi phận người
Phương Đông vọng ngưỡng nụ cười
Mẹ cha vất vả cuộc đời cho con
Lạy phương Nam những mỏi mòn
Ơn Thầy tình nghĩa hỏi còn mất chưa?
Kìa phương Tây tình đã vừa
Gối thơm nồng mặn ôm lùa thời gian
Bắc phương bạn những xa gần
Lòng như chắc thật với ngàn sẻ chia
Xin lạy trên ngất cao kia
Lòng từ dội mát đầm đìa thân tâm
Cúi xuống đất thâm trầm
Thương người như thể thì thầm cho nhau.

thơ THỤC ĐỘ

Nơi nào cõi Tịnh?

MẶC KHÔNG TỬ

"Ta hỏi kiến nơi nào cõi Tịnh
Ngoài hư không có dấu chim bay
Từ tiếng gọi màu đen đất khổ
Thắp tâm tư thay ánh mặt trời." (Tuệ Sỹ)

Hành nhân hỏi vu vơ, hỏi để mà hỏi, vì hơn ai hết Người hiểu rõ Bồ-tát hạnh khởi đi từ thực tại khổ đau của con người, của cõi đời này. Cách Người dùng chữ cũng đã gián tiếp trả lời, "ta hỏi kiến nơi nào cõi Tịnh". Bỗng dưng tôi muốn bật cười, cười cho những hành nhân hiu hắt trên con đường Bồ-tát đạo, cười cho chính mình, không biết tự lúc nào tâm tư đã hướng đến lộ trình vô cùng tận ấy. Ừ thì chờ chú kiến kia đi cho hết biên tế vũ trụ rồi về kể lại vậy. Có gần Người ta mới càng thấy thú vị ở cái 'ngẫng' trong câu thơ trên, "ngẫng" trong ngôn từ, "ngẫng" trong đối tượng để hỏi, "ngẫng" như chính đời sống của Người.

"Ngoài hư không có dấu chim bay"

Người đã trả lời rồi đấy! Tìm cõi Tịnh kia cũng như tìm những dấu chim bay ngoài hư không. Nói có thì trật, mà nói không thì cũng sai. Hư không, chim bay, dấu vết là những cụm từ mà con người ta có thể hình dung bằng tưởng tri, nhưng ghép chúng lại với nhau để chỉ về một nơi chốn cụ thể thì cũng như tìm lông rùa, sừng thỏ vậy. Hai câu thơ trên minh thị cho sự hạn chế của các phạm trù đối đãi: có–không, được–mất, hỏi–đáp, v.v… mà ở đó triết học, thi ca ra đời. Như thế, thế giới của thi ca tư tưởng là thế giới của sự đùa chơi với huyễn tượng, chiêm bao; thế giới của những thao thức, trăn trở rất người. Ở đó, đôi khi câu hỏi chính là câu trả lời, và câu trả lời lại chính là vấn đề được đặt ra.

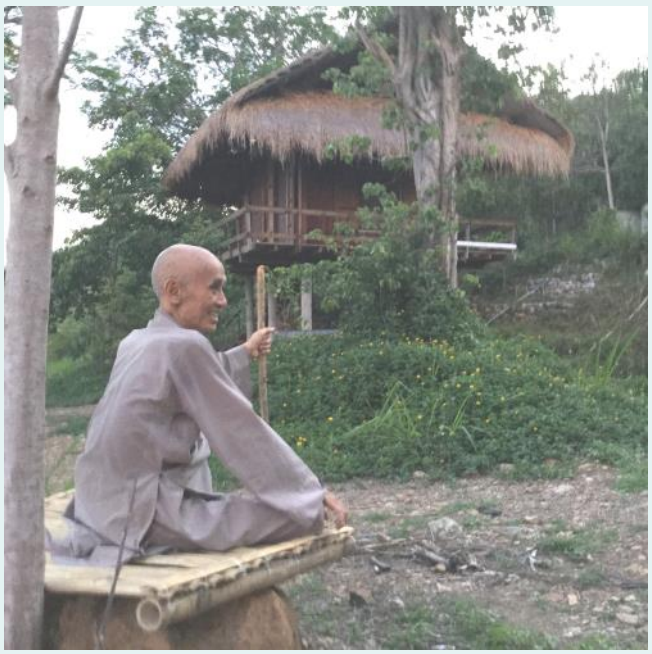

Người đùa vui với những ai đang phát Bồ-đề nguyện, tu Bồ-tát hạnh xíu thôi, chứ Người đã dạy bằng chính đời sống của một hành nhân ngoài 70 tuổi vẫn miệt mài thắp sáng ngọn đèn Tuệ. Lời dạy ấy được cô đọng ở hai câu kết:

"Từ tiếng gọi màu đen đất khổ
Thắp tâm tư thay ánh mặt trời."

Rõ ràng, từ bóng đêm của vô minh, từ tiếng kêu la đau thương của chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ sanh tử, mà một hành giả đang lần theo ánh sáng Tuệ giác để tự cứu mình đã phát bi nguyện "thắp tâm tư thay ánh mặt trời". Hành giả đã không còn chỉ nghĩ cho sự an lạc, yên ổn của tự thân, cũng không còn than van hay oán trách cõi đời này. Từ tâm tư bi luỵ, yếu hèn, mặc cảm tự ti, như gã cùng tử trong kinh Pháp Hoa không tin mình có khả năng kế thừa gia sản của cha, hành giả đã lấy bi tâm 'rộng độ tất cả chúng sanh là cúng dường chư Phật' để soi sáng cho mình và người.

Con đường Bồ-tát, như thế, không còn dài xa với những ai đang mang tâm tư ấy, mà có dài xa thì có nghĩa lý gì đâu với những bậc Đại Bồ-tát vì lợi lạc của chư thiên và loài người mà xuất hiện ở cõi đời này. Phải thế không?

P/S: Vài dòng tản mạn nhân MKT nhận được bài thơ Người viết cho chiều nay, dành tặng những ai đã, đang và sắp bước đi trên con đường ấy.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nối dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trăn trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tấc đất $200 *(để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).*

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thùy từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gởi về:
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Bát Nhã Buddhist Temple
4717 W. 1St St., Santa Ana, CA 92703
Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473
Bank Account #: 325063638819
Routing #: 026009593
BANK OF AMERICA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT TRONG KINH A-DI-ĐÀ

Thích Giác Như

Trong kinh A Di Đà, cũng như nguyện thứ 18, một trong 48 lời nguyện của Phật A Di Đà, Đức Phật A Di Đà phát nguyện tiếp dẫn những chúng sinh tinh tấn chuyên trì danh hiệu của Ngài trong cuộc sống, vãng sinh nước Cực lạc (nguyện 18). Cực lạc, như đối với nghĩa cực khổ, là thế giới cực kỳ hạnh phúc, trong đó mọi chúng sinh không còn kinh quá sự khổ não và chỉ hưởng trọn vẹn sự an vui.

Mặc dù nói là hưởng sự an vui, nhưng mục tiêu của người cầu vãng sinh Cực lạc không phải để hưởng sự an vui đó. Mục tiêu của người cầu vãng sinh Cực lạc là để được giác ngộ trọn vẹn hay thành Phật. Nói cách khác, cảnh giới Cực lạc chỉ là môi trường hay phương tiện tối thắng giúp cho mọi người được vãng sinh "không còn thối chuyển" trên con đường giác ngộ, hay không còn thối chuyển trên con đường đạt đến hạnh phúc thật sự.

1. Thế giới Cực lạc: Phương tiện tối thắng cho sự giác ngộ

Trước hết, được gọi là Cực lạc bởi vì môi trường sống ở đó hết sức tốt đẹp. Đất được làm bằng vàng ròng và tất cả mọi nơi đều được trang hoàng bằng bảy lớp lan can báu, bảy tầng lưới báu, và bảy hàng cây báu. Có vô lượng ao hồ được làm bằng những chất liệu quý giá như: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, v.v…; và nước trong ao hồ tinh khiết, thơm tho. Trong mỗi ao hồ đều có hoa sen tỏa hương sắc vi diệu và rực rỡ. Bầu trời luôn luôn có hoa Mạn-đà-la (Mandarava) rơi xuống và ngày đêm sáu thời thường có nhạc trời hòa tấu. Trong không gian luôn luôn có các âm thanh hòa nhã từ các giống chim xinh đẹp, như Bạch hạc, Khổng tước, Anh võ và Xá lợi (do Phật A Di Đà hóa thân), diễn nói các pháp như Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát Thánh đạo (2).

Ngoài môi trường sống như được mô tả một cách khái quát ở trong kinh A Di Đà như được nêu ở trên, phần chính yếu tạo thành thế giới Cực lạc là sự hiện diện Phật A Di Đà - vị Giáo chủ, cùng vô lượng Thánh chúng và dân chúng. A Di Đà dịch âm từ tiếng Sanskrit Amita, nghĩa là vô lượng - ánh sáng vô lượng (Amitabha) và thọ mạng vô lượng (Amitayus). Đức Phật A Di Đà có hào quang chiếu khắp mười phương và thọ mạng vô biên. Ánh sáng vô lượng biểu tượng cho trí tuệ rộng lớn và thọ mạng vô lượng biểu tượng cho lòng từ bi, vì Phật A Di Đà muốn trụ thế dài lâu để cứu độ chúng sinh. Thánh chúng là những vị được sự giáo hóa và nhiếp thọ của Phật A Di Đà, bao gồm các vị Bồ tát (3) và những vị đã chứng một trong bốn quả Thánh (4).

Dân chúng là những người đang trên tiến trình tu tập, được sự giáo hóa và hướng dẫn của Phật A Di Đà và chư vị Bồ tát. Căn cứ trên 48 nguyện của Phật A Di Đà, mỗi người dân ở cảnh giới Cực lạc đều có 32 tướng tốt (nguyện 3), thân thể cường tráng, không bịnh tật (nguyện 32), thọ mạng vô lượng (nguyện 15), không còn phải lo lắng về đời sống vật chất như ẩm thực và y phục (nguyện 37), và quan trọng nhất là tâm trí của mỗi người dân đều hướng về mục tiêu đạt được giác ngộ (nguyện 12).

Nói tóm lại, thế giới Cực lạc là phương tiện tối thắng giúp cho hành giả "không còn thối chuyển" trên con đường giác ngộ. Phương tiện tối thắng đó là: môi trường tốt đẹp, kinh tế đầy đủ, thân thể khỏe mạnh, có trí tuệ và được thân cận học hỏi thực tập với các vị Thánh tức là Phật A Di Đà và Thánh chúng. Bất cứ ai với tâm trí nỗ lực hướng về một mục tiêu, được sống trong môi trường tốt đẹp, có sức khỏe điều kiện kinh tế ổn định, cùng với sự khích lệ khuyến tấn của bạn hiền, người đó không sớm thì muộn sẽ đạt được mục tiêu như được đề ra.

2. Tín (Saddhā, Confidence): Có thế giới Cực lạc hay không?

Thực có thế giới Cực lạc là phương tiện tối thắng cho sự giác ngộ không? Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và mười phương chư Phật đã nhiều lần nhắc nhở thính chúng trong hội Liên Trì và tất cả chúng sinh nên "tin" có thế giới Cực lạc và những phương tiện tối thắng như đã được trình bày ở trên. Để minh chứng có thế giới Cực lạc, chúng ta phải hiểu rõ ràng ý nghĩa chữ "Tín". Chữ "Tín" theo nghĩa đích thật nhất trong Phật giáo là tin Phật, tin Pháp

và tin Tăng. Theo kinh Vīmamsaka, để xóa tan sự hoài nghi và để thiết lập niềm tin vững chãi trong việc tu tập, Đức Phật cho phép các vị Tỳ kheo nghi vấn và tìm hiểu một cách cẩn thận về sự giác ngộ trọn vẹn của Ngài. Sau đó, Đức Phật khuyên các vị Tỳ-kheo nên an trú niềm tin như sau: "Tôi đặt niềm tin ở Đấng Đạo Sư: Ngài là bậc đã giác ngộ trọn vẹn, Giáo pháp được Ngài khéo thuyết giảng và chư Tăng là những vị đang thực tập hạnh giải thoát" (5).

Và Đức Phật còn nhấn mạnh rằng niềm tin này phải dựa trên nhận thức và lý trí (6). Niềm tin như đã được Đức Phật dạy ở trên liên hệ như thế nào với niềm tin có thế giới Cực lạc? Tin có thế giới Cực lạc là dựa trên căn bản tin Pháp, tức là tin vào lời dạy của Phật và tin những lời Phật dạy tức là tin giáo lý Nhân quả, Nghiệp báo, Duyên sinh (hay Vô thường, Khổ và Vô ngã). Nói một cách khác, chúng ta tin vào giáo lý Tứ đế (7).

Dựa trên giáo lý Nhân quả và Nghiệp báo mà chúng ta tin hay biết được có thế giới Cực lạc. Luật Nhân quả là luật phổ biến, không những tác động trong nhiều giới mà còn trong lãnh vực đạo đức con người. Liên hệ đến lãnh vực đạo đức, nếu chúng ta tạo nghiệp ác, năng lực của nghiệp ác dẫn dắt chúng ta vào thế giới ác và ngược lại. Nếu chúng ta tạo nghiệp nhân cực ác thì thế giới chúng ta đến là thế giới cực khổ như địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; và ngược lại, nếu chúng ta tạo nhân cực thiện thì thế giới chúng ta đến là thế giới Cực lạc. Nhân cực thiện đây tức là tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, cùng với hoạt động của thân và khẩu dựa trên căn bản lòng từ bi phù hợp với bản chất của Phật A Di Đà.

Như vậy, chúng ta tin hay biết được có thế giới Cực lạc là dựa trên luật Nhân quả và Nghiệp báo, và luật Nhân quả và Nghiệp báo là quy luật phổ biến mà tất cả chúng ta ai cũng có thể nhận thức và kinh nghiệm được trong đời sống. Đây chính là ý nghĩa chữ "Tín" - dựa trên nhận thức và lý trí - được Đức Phật nói trong kinh Vīmamsaka, như được trích dẫn ở trên.

Ở đây, có một câu hỏi quan trọng phải được nêu lên, đó là, nếu có thế giới Cực lạc dựa trên niềm tin, Nhân quả và Nghiệp báo rõ ràng và dễ hiểu như vậy, tại sao ở phần cuối trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca nói rằng đây là "Kinh pháp khó tin"? Chữ "khó tin" ở đây phải được hiểu là "không sống, hay không thực tập".

Mặc dù chúng ta hiểu lý Nhân quả và Nghiệp báo bằng óc, nhưng chúng ta lại không chịu sống hay thực tập nó bằng trái tim. Những gì chúng ta biết, nhưng chúng ta không thích sống với sự hiểu biết đó, thì điều đó gọi là "khó tin". Phần lớn chúng ta thích tin và sống ở những gì? Phần lớn chúng ta thích tin vào hạnh phúc vĩnh cửu từ tiền bạc, danh vọng, tiện nghi vật chất đem đến, và sống với chúng bằng trái tim. Trong thực tế, những thứ như tiền bạc, danh vọng, tiện nghi vật chất là vô thường và không thể mang lại hạnh phúc vĩnh cửu cho con người.

Một điều khác khá quan trọng cần phải được nêu lên ở đây là, phần đông Phật tử tu pháp môn Niệm Phật đã dựa vào một số lý luận và kinh nghiệm cá nhân để tin có sự hiện hữu của thế giới Cực lạc. Những lý luận và kinh nghiệm cá nhân này cần phải được giải thích và bổ túc(8) qua ánh sáng giáo lý Nhân quả và Nghiệp.

Đối với người có trí tuệ lớn, nếu siêng năng tinh tấn niệm Phật, họ sẽ có những sở đắc tâm linh – ví dụ, đạt được định lực hoặc niệm Phật tam muội (Samàdhi). Đối với những người bận rộn với công việc gia đình và những công việc sinh kế, nếu tinh tấn niệm Phật, họ sẽ được "đới nghiệp vãng sinh."

3. Phát nguyện và Thực hành

Theo kinh A Di Đà, để được vãng sinh vào thế giới Cực lạc, ngoài sự thiết lập lòng tin có thế giới Cực lạc với những phương tiện tối thắng của nó, hành giả phải phát nguyện và thực hành niệm Phật. Phát nguyện đây tức là nguyện vãng sinh về cõi Cực lạc. Đây là điều hết sức quan trọng mà trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và chư Phật mười phương đã nhiều lần khuyên chúng sinh phải thực hiện. Phát nguyện vãng sinh Cực lạc tức là xác định điểm đến và lý tưởng của mình. Điểm đến là thế giới Cực lạc và mục tiêu tức là thành Phật hay đạt được sự giác ngộ trọn vẹn.

Nếu có người niệm Phật A Di Đà mà không phát nguyện vãng sinh Cực lạc - mặc dù có phước đức lớn do niệm Phật - người đó sẽ không được vãng sinh nước Cực lạc. Điều này có thể ví như một người đang làm một công việc mà không biết mình làm công việc này để làm gì, hay một người đang đi trên con đường mà không biết mình sẽ đi về đâu.

Song song với sự thiết lập niềm tin và phát nguyện vãng sinh, hành giả phải thực hành niệm Phật A Di Đà. Niệm (Sati, Mindfulness) nghĩa là chú tâm theo dõi và ghi nhận. Hành giả chú tâm theo dõi và ghi nhận bằng cách niệm to, niệm nhỏ, niệm thầm, hoặc niệm trong tâm danh hiệu Phật A Di Đà. Trong kinh

A Di Đà, Đức Phật Thích Ca dạy rằng:

"Nếu có người con trai lành hoặc con gái lành nào muốn sinh về cõi Cực lạc, thì người ấy phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà với một lòng không tạp loạn, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày hoặc bảy ngày. Người ấy, đến khi lâm chung sẽ thấy được Phật A Di Đà và các vị Thánh chúng hiện ra trước mắt. Trong giờ phút ấy, tâm của người ấy được an trú trong định, không có điên đảo và tán loạn; do đó người ấy sẽ được vãng sinh ngay về nước Cực lạc".

Như vậy, điều quan trọng trong sự thực hành niệm Phật A Di Đà để được vãng sinh đòi hỏi hành giả phải nhất tâm. Để có được kết quả là nhất tâm, hay một lòng không tạp loạn, hành giả phải tinh tấn nỗ lực niệm Phật và xem niệm Phật như là một sự nghiệp chính trong đời sống. Nói cách khác, tâm của hành giả phải thường niệm A Di Đà và thể hiện tâm niệm này qua hành động và lời nói bằng cách ăn chay, bố thí, cúng dường Tam bảo, ái ngữ, không tà hạnh và sống đời sống có tiết độ (giữ Năm giới hoặc Mười giới). Trong đoạn kinh trên nói rằng hành giả niệm Phật A Di Đà hoặc một ngày hoặc hai ngày v.v… đây chỉ là con số thời gian tiêu biểu.

Thực tế trong đời sống, rất hiếm có người suốt đời không niệm Phật mà có thể nhất tâm niệm Phật hoặc một ngày, hoặc hai ngày, trước khi lâm chung. Do vì xem niệm Phật A Di Đà như là sự nghiệp chính của đời sống, tâm của hành giả thấm đẫm với bản thể A Di Đà, tức từ bi và trí tuệ, và kết quả tất yếu là tâm này sẽ dẫn hành giả vãng sinh Cực lạc sau khi lâm chung. Điều này được xác quyết dựa trên giáo lý Nhân quả và Nghiệp. Cái được gọi "Đới nghiệp vãng sinh" hay mang nghiệp vãng sinh cũng được giải thích theo nguyên tắc này. Mang nghiệp vãng sinh nghĩa là tâm của hành giả niệm Phật vẫn còn những phiền não tham, sân, tật đố, ích kỷ, nhưng vẫn được vãng sinh Cực lạc, do vì hạt giống A Di Đà trong tâm hành giả đó quá mạnh. Nghiệp nào mạnh, nghiệp đó sẽ dẫn người tạo nghiệp vào thế giới tương ứng với nghiệp đó.

Lẽ dĩ nhiên, những hành giả đới nghiệp vãng sinh, so với những hành giả niệm Phật đã đạt được định (Samādhi, Concentration) phải bỏ thời gian dài hơn để tu tập Giới, Định, Tuệ (hay Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát Thánh đạo) để được giác ngộ.

4. Niệm Phật và Thiền

Chữ "Niệm" như được giải thích ở trên là chú tâm theo dõi và ghi nhận. Niệm Phật là chú tâm theo dõi, ghi nhận danh hiệu, hình tượng và đức tính của Phật. Niệm Phật A Di Đà là tưởng nhớ, chú tâm theo dõi và ghi nhận danh hiệu, hình tượng và đức tính của Phật A Di Đà. Mục đích của hành giả niệm Phật A Di Đà, theo pháp môn Niệm Phật, là để thành A Di Đà; hay nói cách khác, để đạt được giác ngộ với trí tuệ vô lượng và từ bi vô lượng như Phật A Di Đà.

Những ai được vãng sinh và sống trong cõi Cực lạc mà chưa được giác ngộ thì những người đó phải tinh tấn niệm Phật, hay nói cách khác họ phải thực tập Giới, Định, Tuệ cho đến khi được giác ngộ như Phật A Di Đà.

Thiền (Dhyāna, Meditation), theo đúng nghĩa trong Phật giáo là phương pháp huấn luyện hay thanh lọc tâm, bao gồm hai phần tương quan mật thiết; Định (Samādhi, Concentration) tức là tập trung tâm lại; và Niệm (Sati, Mindfulness) chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng thiền quán.

Tập trung tâm lại và chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng (là những chủ đề của thiền quán như hơi thở, quán thân bất tịnh, v.v…) để trực nhận được bản chất của đối tượng là duyên sinh, hay vô thường và vô ngã. Khi trực nhận được (khả năng của trí tuệ) bản chất của đối tượng là duyên sinh, hay vô thường và vô ngã, tâm của hành giả xả ly lòng tham ái và bám víu về những gì mình yêu thích và mong chúng được tồn tại vĩnh cửu. Những khổ đau, buồn rầu, lo âu, thất vọng và sợ hãi của con người trong cuộc sống là kết quả phát sinh từ lòng ước vọng về những gì mình yêu thích được vĩnh cửu.

Nhưng cuộc đời là vô thường; do đó, ước vọng về những gì mình yêu thích được vĩnh cửu sẽ không bao giờ đạt được. Hậu quả tất yếu của sự ước vọng vĩnh cửu này là sự thất vọng, buồn rầu, đau khổ và sầu muộn. Thấy được bản chất của đối tượng thiền quán là vô thường tức thấy được tính vô thường của con người và cuộc đời. Do thấy được như vậy, tâm của hành giả an lạc tự tại, không còn bị buồn rầu, khổ đau, lo âu và sợ hãi chi phối trong cuộc sống. Giác ngộ hay thành Phật, nói một cách đơn giản, là sự nhận chân (từ khả năng của trí tuệ) được bản chất duyên sinh, hay vô thường và vô ngã của con người và cuộc đời qua phương pháp thiền định.

Nhìn từ phương pháp thực tập và mục tiêu giữa pháp môn Niệm Phật và Thiền, chúng ta thấy cả hai đều giống nhau: dùng Định và Niệm như là phương pháp tu tập để đạt được mục tiêu giác ngộ. Ngoài ra, niệm Phật còn là một trong sáu chủ đề thiền quán (9), Nếu có sự khác biệt giữa pháp môn Niệm Phật và Thiền thì sự khác biệt này chỉ là sự khác biệt về "duyên" hay những điều kiện thuận lợi giúp cho sự tu tập.

So với hành giả tu pháp môn Thiền, hành giả niệm Phật có được thắng duyên là môi trường Cực lạc để giúp cho sự tiến tu bất thối, và tâm niệm của hành giả niệm Phật luôn luôn được an ổn vì có được Phật A Di Đà hộ niệm. Đây là một trong những lý do chính giải thích tại sao pháp môn niệm Phật A Di Đà phù hợp với tất cả mọi trình độ và được phổ biến tại các nước có Phật giáo Đại thừa như Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản và Hàn Quốc...

5. Cực lạc và Tịnh độ

Sau cùng có một điểm nhỏ cần phải được nêu lên ở đây là sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ, Cực lạc và Tịnh độ. Cực lạc (Sukhāvatī) là thế giới của Đức Phật A Di Đà làm Giáo chủ. Tịnh độ (Pure land) là từ ngữ được dịch thoáng từ chữ "Phật độ" (Buddhaksetra), hay là thế giới do một vị Phật làm Giáo chủ. Nếu hiểu theo nghĩa này, thì từ ngữ Cực lạc và Tịnh độ có thể dùng thay thế lẫn nhau, nghĩa là chúng ta có thể gọi cõi Cực lạc hay cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà.

Tuy nhiên, nếu hiểu ý nghĩa từ ngữ Tịnh độ là đất trong sạch do sự phản chiếu của tâm trong sạch "Tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh" như trong kinh Duy Ma nói, thì có sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ. Trước hết, bất cứ ai đạt được giác ngộ, hay tâm được thanh tịnh, không còn tham, sân, si, thì chỗ ở hay thế giới của người đó được gọi là Tịnh độ. Hiểu theo nghĩa này, nếu có người ở cõi Ta bà, tức thế giới chúng ta đang sống (Ta bà được dịch âm từ chữ Sanskrit Saha, nghĩa là khổ đau hay kham nhẫn) tâm được thanh tịnh, không còn bị tham sân chi phối, thì cõi Ta bà tức Tịnh độ. Quan trọng hơn nữa, Cực lạc thế giới dù có tồn tại lâu bao nhiêu đi nữa, thì cũng là thế giới hữu hình. Đã hữu hình, lẽ tất nhiên, phải bị chi phối của vô thường.

Ngược lại, Tịnh độ là cõi thường hằng thanh tịnh, do sự phản chiếu của tâm thanh tịnh. Cụm từ "thường hằng thanh tịnh" ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là môi trường, hoàn cảnh hay cuộc sống không có khả năng chi phối, làm cho tâm hành giả tham đắm, vui buồn, sợ hãi, lo âu, v.v… vì tâm của hành giả đã được thanh tịnh hay giác ngộ.

Do đó, nếu có người nào ở cõi Ta bà tâm được thanh tịnh, hay đã đạt được giác ngộ, thì đây là cõi Tịnh độ. Vì sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ đó mà người viết cố ý dùng chủ đề là "Pháp môn Niệm Phật" thay vì "Pháp môn Tịnh độ."

6. Lợi ích của pháp môn Niệm Phật

Pháp môn niệm Phật A Di Đà cầu vãng sinh Cực lạc giúp hành giả không còn thối chuyển trên con đường giác ngộ. Thẳng tiến trên con đường giác ngộ tức là thẳng tiến trên con đường đạt đến hạnh phúc thật sự. Thối thất trên con đường giác ngộ đồng nghĩa với kinh nghiệm khổ đau, sầu muộn, lo âu và sợ hãi.

Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca đã biểu thị hai thế giới tương phản, thuận duyên và nghịch duyên cho chúng sinh trên con đường thực tập giác ngộ: Một bên là thế giới Cực lạc với những phương tiện tối thắng như đã trình bày ở đề mục 1 và một bên là thế giới Ta bà đầy khổ đau và nghịch cảnh: kiếp sống ô trược, nhận thức sai lạc, đầy phiền não tham, sân và si, vạn vật vô thường và mạng người ngắn ngủi (Ngũ trược). Nhìn vào bản chất của

Ngũ trược thì chúng ta sẽ thấy sự lợi ích cấp thiết của thế giới Cực lạc cho người tu tập như thế nào rồi.

Kế đến, pháp môn niệm Phật A Di Đà là pháp môn phổ biến và bất cứ thành phần nào trong xã hội - từ nông dân, thương gia, cho đến giới trí thức - đều cũng có thể thực hiện được. Điều này nói lên được tính chất khế lý và khế cơ tuyệt diệu mà chúng ta thấy chỉ có pháp môn niệm Phật mới có được. Do tính phổ biến, cũng như khế lý và khế cơ của nó, pháp môn Niệm Phật mở cửa giác ngộ cho mọi thành phần.

Đối với người có trí tuệ lớn, nếu siêng năng tinh tấn niệm Phật, họ sẽ có những sở đắc tâm linh – ví dụ, đạt được định lực hoặc niệm Phật tam muội (Samàdhi). Đối với những người bận rộn với công việc gia đình và những công việc sinh kế, nếu tinh tấn niệm Phật, họ sẽ được "đới nghiệp vãng sinh."

Cước chú:

(1) Pháp môn (Dharma-Door): Cửa đi vào Phật pháp, hay là phương pháp tu tập để đạt giác ngộ.

(2) Ngũ căn (five faculties): Căn nghĩa là gốc hay thành phần cơ bản, gồm có: Tín căn: nghĩa là tin Phật, Pháp và Tăng; Tấn căn: siêng năng; Niệm căn: chú tâm theo dõi và ghi nhận; Định căn: tập trung tâm lại và Huệ căn: khả năng thấy được bản chất của các pháp là vô thường và vô ngã. Khi năm căn này được khởi động tu tập thì gọi là Ngũ lực, vì nó sẽ tạo thành sức mạnh giúp hành giả tiến đến giác ngộ. Thất Bồ đề phần (The seven limbs of enlightenment): Bảy chi phần hay yếu tố giác ngộ, gồm có Niệm: nghĩa là chú tâm theo dõi và ghi nhận; Trạch pháp: truy tầm và tìm hiểu bản chất của các pháp; Tinh tấn: siêng năng; Hỷ: vui mừng; Khinh an: trạng thái thư thái của thân và tâm; Định: tập trung tâm lại và Xả: không bị tác động bởi những tâm lý vui, buồn. Bát Thánh đạo (The Noble Eightfold Path): Con đường bao gồm tám nhánh liên

hệ được "bước qua" hay thực hành bởi các vị thánh. Nói cách khác, đây là con đường hay phương pháp đoạn tận khổ đau.

- Chánh kiến: Thấy rõ được bản chất của con người và cuộc đời là vô thường, khổ và vô ngã.
- Chánh tư duy: Tâm không bị tham, sân và si chi phối.
- Chánh ngữ: Không nói láo, không nói lời độc ác và thêu dệt.
- Chánh nghiệp: Không giết hại, không trộm cắp và không tà dâm.
- Chánh mạng: Không làm những nghề độc ác để sinh sống.
- Chánh tinh tấn: Tinh tấn đoạn trừ những việc ác đã sinh và ngăn ngừa những việc ác chưa sanh. Tinh tấn phát triển những điều thiện chưa sinh, và tinh tấn làm những điều thiện đã sinh.
- Chánh định: Giữ tâm trí tập trung, không bị vọng niệm.
- Chánh niệm: Chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng thiền quán.

(3) Bồ tát (Bodhisattva): người phát tâm giác ngộ và trải qua nhiều đời kiếp tu tập để đạt được quả vị giác ngộ. Theo các kinh Đại thừa, Bồ tát là vị có mục đích là mong cầu giác ngộ để cứu giúp chúng sinh. Thông thường, Bồ tát được chia làm hai hạng, những vị đã giác ngộ và phân thân hóa độ chúng sinh như: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát... và những chúng sinh phát tâm giác ngộ - như chúng ta – đang tu tập để đạt được mục tiêu ấy.

(4) Bốn quả Thánh: (i) Tu đà hoàn (Sota- āpanna, stream – enterer): Dự vào dòng thánh để đạt được quả vị này, hành giả phải đoạn trừ thân kiến, nghi và giới cấm thủ và phải tái sinh lại bảy lần nữa trong cõi Người hoặc cõi trời Dục giới. (ii) Tư đà hàm (Sakad- āgāmin, once-returner): Quay trở lại một lần nữa. Ở quả vị này, tâm tham dục và sân của hành giả được hạ giảm và lắng dịu. Hành giả phải tái sinh một lần nữa trong cõi trời Dục giới. (iii) A na hàm (Anāgāmin, non-returner): Không còn quay trở lại. Trong giai đoạn này, hành giả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục và sân. Hành giả không còn tái sinh nữa, mà chỉ an trụ trong cõi trời Sắc giới. (iv) A la hán (Arahant, the Enlightened One): Không còn bị nghiệp lực dẫn dắt tái sinh nữa. Ở quả vị này, hành giả đã đoạn tận tham ái về cõi trời sắc giới và vô sắc giới, lòng kiêu mạn và vô minh. Đây là quả vị giải thoát rốt ráo.

(5) "I placed confidence in the Teacher thus: "The Blessed One is fully enlighted, the Dhamma is well-claimed by the Blessed One, the Sangha is practicing the good way". Majjhima Nikāya. Trans. Bhikkhu Nanamoli and Bhikkhu Bodhi. Boston: Wisdom Publications, 1995. P.418.

(6) "Bhikkhus, when anyone's faith has been planted, rooted and established in the Tathagata through these reasons, terms and phrases, his faith is said to be supported by reasons, rooted in visions, firm". (Như kinh đã dẫn ở trên).

(7) Tứ đế (Cattāri ariya-saccāni, the Four Noble Truths): Bốn chân lý chắc thật, cao cả: Dukkha; Nguyên nhân của Dukkha; Sự đoạn tận Dukkha; Con đường dẫn đến sự đoạn tận của Dukkha.

(8) Phần lớn những người tu pháp môn Niệm Phật A Di Đà tin có thế giới Cực lạc dựa trên lý luận rằng Đức Phật Thích Ca luôn luôn nói lời chân thật. Tin Đức Phật luôn luôn nói lời chân thật là tin vào nhân cách của Phật, và tin vào nhân cách của Phật, nghĩ cho kỹ, cũng là do phát xuất từ lòng tin Pháp, hay những lời dạy của Ngài. Do vậy, không có gì sai trái khi những người đó tin có Cực lạc dựa trên nhân cách của Đức Phật. Tuy nhiên, lý luận này chỉ phù hợp với những người cùng là Phật tử và cùng tu pháp môn niệm Phật A Di Đà. Đối với những người tu các pháp môn khác, và nhất là đối với những người không phải Phật tử, việc dựa vào nhân cách của Đức Phật để cho rằng có thế giới Cực lạc thì rất là khó thuyết phục. Do đó, chỉ có giáo lý Nhân quả và Nghiệp báo - tức là tin Pháp - là cơ sở lý luận vững chãi nhất để giúp cho tất cả mọi người biết được có thế giới Cực lạc. Có một số người khác tin có thế giới Cực lạc qua sự chứng kiến những hiện tượng cát tường của những người tu pháp môn Niệm Phật khi sắp lâm chung hoặc sau khi lâm chung, như hương thơm, hào quang, nhạc trời v.v… Đây là những hiện tượng kỳ diệu giúp tăng tín tâm cho những người tu tập pháp môn Niệm Phật; tuy nhiên, những hiện tượng kỳ diệu này chỉ là kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng không thể được xem là nguyên tắc căn bản hay kinh nghiệm phổ biến để giúp cho mọi người biết có thế giới Cực lạc.

Ngoài ra, khoảng chừng 20 năm trở lại, ngành Thiên văn học đã phát triển một cách đáng kể. Theo bảng kê khai từ trang web Wikipedia.org/exoplanet, có khoảng 650 ngoại hành tinh (exoplanets) đã được phát hiện, trong đó có những hành tinh có bầu khí quyển và nhiệt độ như hành tinh của chúng ta; thí dụ như hành tinh Gliese 581e. Cũng theo trang web Wikipedia, trong thời gian gần đây, Giáo sư ngành Thiên văn Matthew Bailes tại Swinburne University of Technology ở Melbourne đã khám phá ra một hành tinh bằng kim cương (vốn do từ những phản ứng của hóa chất hữu cơ Carbon hình thành). Hành tinh quay chung quanh ngôi sao trung hòa tử (Neutron star) và cách hành tinh chúng ta khoảng 4.000 light years. Sự phát hiện về hành tinh kim cương này làm chúng ta liên tưởng đến thế giới Cực lạc với đất làm bằng vàng, kim cương và những chất báu khác. Mặc dầu những sự phát hiện về những ngoại hành tinh của các nhà thiên văn hiện đại giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn về sự hiện hữu vô lượng vô biên thế giới – điều mà Đức Phật Thích Ca đã nói cách đây hơn 2.500 năm – Điều này cũng không thể được xem là bằng chứng thuyết phục để kết luận rằng có thế giới Cực lạc.

(9) Lục niệm: Sáu đề mục thiền quán được Đức Phật dạy trong các Nikàya và được giải thích chi tiết trong "Thanh tịnh Đạo luận" (The Path of Purification). (i) Niệm Phật: Suy niệm về Phật là vị đã thấy được chân lý; xứng đáng được cúng dường bởi mọi loài chúng sinh; có trí hiểu biết cùng khắp; trí tuệ và đức hạnh vẹn toàn; đã đạt được hạnh phúc chân thật; biết giải tỏa những khúc mắc của thế gian; tối thượng; điều phục những kẻ đáng được điều phục; vị thầy của trời và người; vị giác ngộ trọn vẹn. (ii) Niệm Pháp: Suy niệm về lời dạy của Đức Phật, bao gồm giáo lý Nhân quả, Nghiệp, Duyên sinh hay Vô thường, Khổ và Vô ngã. Nói chung là giáo lý Tứ diệu đế. (iii) Niệm Tăng: Suy niệm về những vị thực hành lời dạy của Phật và giới luật để được giác ngộ. (iv) Niệm giới: Suy niệm về giới luật của Phật có khả năng ngăn chặn tội lỗi của thân và tâm. (v) Niệm thí: Suy niệm về sự bố thí để giúp đỡ những kẻ nghèo khó, và ngăn chặn lòng tham. (vi) Niệm thiên: Suy niệm về những điều kiện để sanh về cõi Trời như giữ giới, bố thí, tin Tam bảo.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Tu viện An Lạc – 901 S. Saticoy Ave., Ventura, CA 93004 – U.S.A. | Tel.: (808) 222-0909 | (714) 902-4873
Email: missionanlac@yahoo.com

THÔNG TƯ

V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO DAMREY TẠI VIỆT NAM

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng - Ni,

Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Tin tức từ báo chí và các nguồn tin từ các trang mạng Việt Nam toàn cầu cho biết bão Damrey (bão số 12) quét qua khu vực Nam Trung Bộ Việt Nam, vào rạng sáng ngày 04.11.2017 khiến cho 69 người bị thiệt mạng và nhiều người khác còn mất tích, hơn 116.000 nhà cửa bị phá hủy hoặc hư hại do nước lũ.

Bão Damrey đã làm cho hàng nghìn ngôi nhà bị tốc mái, hàng nghìn trụ điện bị gẫy đổ khiến nhiều thành phố mất điện, ngưng trệ các sinh hoạt và người dân phải sống trong bóng tối mấy ngày đêm liên tục.

Cùng lúc với bão, mưa tầm tã suốt nhiều ngày, lại thêm các đập thủy điện phải xả lũ để tránh vỡ đập, đã khiến cho nhiều tỉnh bị lũ lụt, hàng chục ngàn mẫu lúa và hoa mầu bị ngập úng trong nước, nhiều đoạn đường của quốc lộ và thành phố bị ngập nước, không thể thông thương. Ở ven biển thì nhiều tàu cá bị chìm, hư hỏng; các lồng bè nuôi trồng thủy sản, hải sản đều bị tổn thất.

Các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, cho đến Kon Tum và Đắc Nông trên cao nguyên… đều có người tử vong và mất tích. Tổn thất nhân mạng và kinh tế rất lớn, chưa thể thống kê được; nhưng nỗi khổ của nạn nhân khắp các tỉnh sau cơn bão lụt thật đáng thương tâm, có thể thấy rõ và cảm nhận được.

Trung tuần tháng 10.2017, lũ lụt cũng đã tàn phá tỉnh Thanh Hóa, khiến nhiều nhà bị cuốn trôi, nhiều người thiệt mạng, gia súc gia cầm chết vô kể. Cán sự của Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Hoa Kỳ đã cấp thời góp phần cứu trợ $10,000 USD (sẽ có báo cáo sau). Nay trước thảm cảnh nhiều gia đình vừa trắng tay vừa phải lo tang chế cho người thân, nhiều gia đình không nơi trú thân, nước lũ ngập lênh láng những xóm làng, và ruộng vườn, hoa mầu hư nát, Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội thiết tha kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào phật-tử hãy cùng lắng lòng, quán niệm Từ Bi, thương nghĩ đến các nạn nhân khổ đau hoạn nạn tại quê nhà, tùy hỷ lạc quyên tại địa phương của mình hoặc đóng góp tịnh tài, chi phiếu, xin đề TU VIỆN AN LẠC, gửi về địa chỉ sau đây: ***Tu Viện An Lạc: 901 S. Saticoy Ave., Ventura, CA 93004*** (Phần Memo xin vui lòng ghi: "Cứu Trợ Bão Lụt Việt Nam").

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Hoa Kỳ sẽ cử người đến ủy lạo cứu trợ tại các tỉnh miền Trung Nam Bộ Việt Nam trong những ngày sắp tới.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Ventura, ngày 6 tháng 11 năm 2017

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội
Tổng Vụ Trưởng,

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI
HOA - KỲ

Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HẢI

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

NĂNG LỰC CỦA TÂM

Thích Viên Thành

(Cảm tác sau khi bức tranh có chữ Tâm được treo lên trong Trai Đường Tổ Đình Pháp Hoa, trong mùa an cư kiết hạ 2017)

Đức Phật dạy: "*Tất cả Pháp từ Tâm tưởng sanh, Tất cả Pháp từ Tâm tưởng diệt,*" "*Tâm an vạn sự an, Tâm bình thế giới bình.*" Tất cả mọi việc trên thế gian này đều do Tâm tạo. Tâm sinh ra, trưởng dưỡng cũng như trong thâm sâu, thực hiện mọi suy nghĩ, lời nói và việc làm của chúng ta.

Ngoài thế gian có những câu thơ về "bệnh Tâm = Tâm lệch lạc" cũng rất đáng suy nghĩ! *"Khi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét trái bồ hòn cũng méo"* hay *"cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ."*

Tâm chúng ta là dòng tư tưởng, ý thức, phân biệt, luôn biến dịch thay đổi, như vượn chuyền cành. Hai tác phẩm: "Câu Chuyện Dòng Sông" và "Cửa Tùng Đôi Cánh Gài" (1) đã nói lên rõ điều nầy. Tâm chúng sanh bất thường, nên chúng ta không thể tin tưởng vào Tâm của ta được, khi ta chưa chứng A La Hán!

Tâm có thể dẫn ta lang thang mãi, trong sáu nẻo luân hồi, nhưng Tâm cũng có thể đưa ta đến, quả vị Thánh Hiền hay thành Phật, Bồ Tát.

Nếu ta cứ mãi cho Tâm 'hướng ngoại tìm cầu' để phải chạy theo "ngũ dục," cho việc chiếm hữu được nhiều tiện nghi vật chất, với danh lợi cao sa là sự thành đạt của đời người, thì sẽ mãi mãi bị luân hồi sanh tử, trôi lăn trong vòng trầm luân khổ lụy, xa rời đường giải thoát, giác ngộ.

Còn nếu biết hướng vào nội tâm, để mà xét nét từng suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình, đó là bổn phận sự cũng vừa là công việc hằng ngày của người tu. Vì có quán chiếu nội tâm được như vậy, ta mới thấy rõ được những khuyết điểm của mình mà khắc phục, sửa chữa, tránh đi những thị phi, phiền não, những đau thương khổ lụy cho xã hội, đặc biệt thấy được những điều hay, tốt của mình mà phát huy, làm thăng tiến bản thân và lợi ích cho đời.

Trong Phật Giáo có từ "chiêu cảm." Tâm ta như thế nào thì sẽ 'chiêu cảm' những điều như thế ấy đến với ta, Tâm ta tham lam, khổ đau, sân hận sẽ 'chiêu cảm' cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tâm ta an lạc thanh thoát sẽ 'chiêu cảm' cảnh thiên đường, hạnh phúc. Ngoài đời có những thành ngữ: "*Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*" cũng tương tự như 'chiêu cảm.' Ai thích uống rượu sẽ tìm đến với những người uống rượu, hoặc ngược lại những người uống rượu sẽ tìm đến với người đó, ai thích yên tịnh tu hành sẽ tìm nơi thanh vắng, hoặc khiến mình gặp những cảnh lan nhã tịch tịnh!

Trong Kinh Pháp Cú, phần mở đầu, câu số 1, Phật cũng đã dạy rất kỹ về Tâm: *"Trong các pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả! Nếu nói năng hoặc hành động với Tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến, như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe*

Trong các pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả! Nếu nói năng hoặc hành động với Tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình." (Hòa thượng Thiện Siêu dịch từ Hán ngữ)

Tâm lăng xăng, ngã mạn đó là "tâm bệnh," "tâm phân biệt, đố kỵ, tội lỗi" không muốn ai hơn mình, mọi suy nghĩ đều sai lệch, méo mó theo ngã kiến của mình, "*thương ai thương cả đường đi, ghét ai ghét cả tông ti họ hàng*" bắt mọi người phải theo ý của mình, nhìn đời theo cặp kính màu mình đang mang *"khi thương nước đục cũng trong, khi ghét nước sạch giữa dòng cũng dơ."* Do vậy khi Tâm mình chưa tốt, thì sẽ nhìn đời bằng những việc chưa tốt, nói những việc không hay và làm những điều không đẹp. Từ đó suy ngược lại, khi ta nghe những điều không hay, thấy những việc làm không đẹp, biết rằng người đó "Tâm bệnh hoạn" đang hoành hành, hãy thương cảm và tìm cách giúp họ mau tỉnh thức!

"Vạn Sự Do Tâm

- Tâm lệch lạc thì cuộc sống nghiêng ngã đảo điên.

- Tâm gian dối thì cuộc sống bất an.

- Tâm ghen ghét thì cuộc sống hận thù.

- Tâm đố kỵ thì cuộc sống mất vui.

- Tâm tham lam thì cuộc sống dối trá…"

Trong kinh Di Giáo Phật đã dạy: "*Chế Tâm nhứt xứ, vô sự bất biện.*" Giữ Tâm một chỗ, mọi việc đều được giải quyết một cách thông suốt, vì lúc đó Tâm đã được định, trí tuệ sẽ phát lộ, để nhìn, đánh giá và giải quyết mọi sư việc một cách hoàn hảo. Tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền… cũng nhằm mục đích giúp cho Tâm được an định! Trong pháp sám hối cũng có câu nói về Tâm: "*Tội từ Tâm khởi, đem Tâm sám, Tâm được tịnh rồi, tội liền tiêu, tội tiêu Tâm tịnh thảy đều không, thế mới thật là chơn sám hối.*"

Tâm quan trọng như vậy, cho nên, ta không những đem Tâm của mình đặt ngay trên ngực để yêu thương, mà còn đem Tâm:

- Đặt trên tai để biết nghe lời than trách, góp ý của người khác.

- Đặt trên vai để biết chịu trách nhiệm và chia sẻ trách nhiệm với anh chị em.

- Đặt trên tay để giúp đỡ người khác.

- Đặt trên mắt để nhìn thấy nổi khổ của tha nhân.

- Đặt trên chân để mau mắn chạy đến với người cùng khổ.

- Đặt trên miệng để nói lời an ủi với người bất hạnh.

Thân xác không tim thì thân xác chết, làm người không có Tâm thì cuộc sống chỉ có hận thù."

Tu là tu ngay ở Tâm mình, chứ không tu ở đâu xa, tu làm sao cho Tâm bớt lăng xăng, không ngã mạn, vì Tâm lăng xăng, ngã mạn sẽ khiến cho chúng ta sống không thật, luôn bất an, nghi ngại, vì làm quấy hoặc nghĩ, nói và có hành động không tốt về người, nên cứ nơm nớp lo sợ nhân quả đáp trả, từ đó ám ảnh, nhìn "gà hóa cuốc," đánh giá và giải quyết sự việc một cách áp đặc, chủ quan, không được chính xác, nên kết quả không được như ý, mà có khi rất đau thương, tồi tệ vì do "Tâm bất an" chiêu cảm những điều bất như ý đến vậy.

"Tâm chưa tốt," chỉ thấy và lấy cái xấu của người để che đậy cái xấu của ta, như vậy chỉ gây phiền não, tội lỗi, làm xấu thêm tình hình cho ta và người, cũng như gây oan trái chất chồng cho nhau mà thôi!

Tâm ta tốt thấy cuộc đời đều đẹp
Người thương người sống chia sẻ khiêm cung
Chân-Thiện-Mỹ nguyện thực hiện đến cùng
Biến trần gian trở thành nơi tịnh cảnh

Sống có Tâm tức là sống biết quan tâm đến tha nhân, sống vì tha nhân, cũng là sống có Đức, có hậu, "*có Đức mặc sức mà ăn*" kia mà! "*Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức thị tiểu nhơn,*" chắc ai ai cũng muốn mình là người quân tử có Đức, để được hướng thượng, mọi người tôn kính, hơn là phải bị xem thường, chịu cười chê, biếm nhẻ và hậu quả xấu sẽ xảy ra thì thật khó lường!

Chân thành dùng Tâm Đức cung kính, mà

đối đãi với nhau, lúc đó mọi người mới "*Tâm phục, khẩu phục*" mà quy thuận, ta mới thống nhiếp đại chúng được lâu bền, đúng pháp. Đừng dùng tài trí, uy quyền bắt buộc người khác phải theo, để rồi "*bằng mặt chứ không bằng lòng*" thì chỉ tạm thời được trong giai đoạn ngắn mà thôi, sau đó "cạn phước, hết thời" phải chịu trả quả thảm thương!

"*Tâm tức Phật, Phật tức tâm.*" Tâm ta là Phật, mọi người chung quanh ta cũng là Phật sẽ thành kia mà, nên ta phải có Tâm khiêm cung, trân quý lẫn nhau.

Tâm từ, bi, hỷ, xả, bao dung, rộng mở, tha thứ, để nhiếp hóa tất cả thành người tốt, đó mới chính là Tâm của người tu. Lúc đó mọi người sẽ quy kính, sức cảm hóa sẽ lan tỏa, giúp ta và mọi người cùng hướng đến con đường chân-thiện-mỹ, có được một cuộc sống thư thái, lợi ích, nhiều ý nghĩa và đầy an lạc. Do đó chúng ta hãy sống thương yêu với nhau, "*người yêu người, sống để thương nhau*" kia mà, sao phải cố chấp, hơn thua, đố kỵ, hận thù… làm chi, để phải gây khổ đau cho nhau?

Đức Phật dạy rằng: "*Người có Tâm nhu hòa, nhẫn nhục sẽ được đẹp đẽ và kẻ có Tâm sân hận sẽ chịu xấu xí,*" hay "*Tâm như thái hư, lượng châu sa giới*" phải có Tâm rộng lớn mới dung chứa được tất cả, bèn không sẽ "chiêu cảm" những điều nhỏ hẹp mà thôi! Hoặc "*Tâm bình thường là đạo*" đừng vọng tưởng, phân biệt, chấp thủ mà sái với đạo, gây đau khổ cho mình và cho người. Trong cuốn sách Nhân tướng học, tác giả Hy Trương cũng đã viết: "*Tướng tùy Tâm sinh, tướng tùy Tâm diệt*", cũng đã chứng minh lời Phật dạy là chân lý, từ đó nói lên tất cả mọi sự cũng từ nơi Tâm. Nguyễn Du cũng có thơ: *"Thiện căn vốn tại lòng ta, chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài."*

Năng lực và giá trị của Tâm có sức mạnh siêu tuyệt và quan trọng là như vậy, nên người tu phải biết quay về với Tâm để "*tu Tâm, dưỡng Tánh.*" Tu trong Tâm là tu đúng theo chánh đạo, tu ngoài Tâm tức là tu theo ngoại đạo vậy! Sự thăng tiến của người tu thể hiện ở Tâm tốt, để suy nghĩ, nhìn thấy và nói ra những lời tốt đẹp, đối nhân xử thế thanh cao, hầu xưng tán, tôn kính, nuôi dưỡng Phật tánh lẫn nhau, nhân những điển hình tốt nhiều lên,

trồng hoa thay cỏ, cho vườn hoa Tâm có nhiều hương sắc, không thấy những điều xấu, che mờ đi những dơ uế, "*ẩn ác, dương thiện,*" cho cuộc đời nầy thêm thoải mái, tươi đẹp, cùng hướng thượng mà xây dựng một "Tịnh độ giữa trần gian nầy" thì còn đẹp và lý tưởng nào bằng!

Dùng "Tâm Đức" độ đời là chánh pháp
Còn "trí tài" xử dụng tạm thế gian
Ai muốn tu đạt đến cảnh niết bàn
"Tâm và Đức" vị tha nhân phục vụ.

Kỷ niệm mùa An Cư năm Đinh Dậu – 2017,
Tại Tổ Đình Pháp Hoa-Nam Úc
Thích Viên Thành

Ghi chú (1):

Câu Chuyện Dòng Sông - Tác Giả: Hermann Hesse:

*Qua Câu Chuyện Dòng Sông, Hermann Hesse cho ta thấy! Sự sống đang diễn ra với mọi hình thái trong vũ trụ, muốn thấu hiểu bản chất của đời sống, con người cần phải có trí tuệ hoặc phải trải nghiệm mới thấy rõ được. "Sự sống" đó là "dòng sông" của Siddhartha mà chàng đã biết lắng nghe. Cuối cùng Siddhartha đã ngộ ra rằng "sự thật nào cũng có đối nghịch của nó và điều đối nghịch này cũng thật không kém". Khi đã trải nghiệm và biết quán chiếu tự tâm, lắng nghe mọi hình thái của sự sống, chàng đã tự siêu việt chính mình, vượt lên thiện - ác, tốt - xấu. Đó là tư tưởng Bát nhã, nói theo cách của Hermann Hesse. (*Nguyễn Tường Bách)

Cửa Tùng Đôi Cánh Gài- Tác giả TS Thích Nhất Hạnh:

Qua tác phẩm nầy, tác giả đã mô tả tiến trình tâm lý của mỗi chúng ta rất xác thực, khởi đầu nồng nhiệt, tâm niệm rất tốt "thay Trời hành đạo", nhưng dần về sau, vì quá tự mãn, bản ngã lớn dần lên, không thúc liễm thân tâm, sống mất chánh niệm, tưởng rằng mình đang "hành hiệp giang hồ, diệt bạo trừ gian" hiu hiu tự đắc, đầu ngờ dòng tâm thức đã dẫn ta đi xa, để trở thành "yêu tinh, có răng nanh" lúc nào không hay. Để rồi khi trở về lại Chùa, thì hai Cánh Cửa Tùng đã gài kín, không thể vào được."Lang thang làm kiếp phong trần, quê nhà ngày một muôn lần dặm xa" là chỗ nầy. Đó là một sự diễn tiến như quy luật mà ít ai tỉnh thức để tránh khỏi; vượt qua, trong quá trình tu tập Nếu không quan tâm (bỏ quên) Bảo Kiếm (Trí Tuệ) và xa rời Mê Ngộ Cảnh (Tâm thanh tịnh / chánh niệm) thì ắt sẽ rơi vào hố sâu mê muội và tâm sẽ điên đảo, thác loạn, xấu ác của loài yêu quỷ.

Đây là hai cuốn sách mà "vọng tâm" đã làm chủ, dẫn dắt ta đi khắp nơi. Là người tu, cần nên đọc, suy nghiệm luôn quán chiếu tự tâm và luôn giữ chánh niệm, để sống với "chân tâm." "Chăn tâm" như đang chăn trâu, không để cho trâu lang thang ăn lúa mạ nhà người, tránh khỏi phải bị dòng tâm thức cuốn trôi vào đường "danh, lợi, tình" để rồi phải chịu trôn lăn mãi, vào vòng xoáy của luân hồi sanh tử, lúc nào không hay biết.

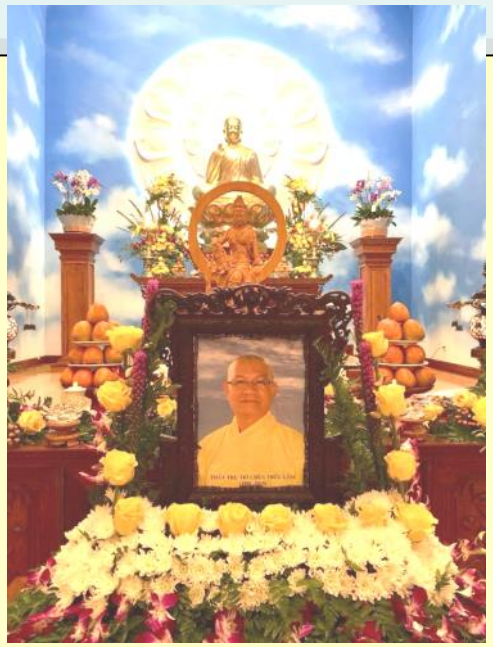

NHỚ THẦY

Trời thu lạnh lòng con vàng nhớ
Bóng dáng Thầy từ thuở ra đi
Về bỉ ngạn thoát ly sinh tử
Phật sẽ thành giữ hạnh từ bi.

Lễ đại tường dâng hương kính nguyện
Thầy hóa sanh thị hiện cứu đời
Cõi trần thế muôn loài đau khổ
Biển trầm luân dẫn độ Thầy ơi.

Thuyền bát nhã vớt người chìm nổi
Vì vô minh gây tội sát sanh
Tham sân si lợi danh chiếm đoạt
Biết bao giờ tâm khởi niệm lành??

thơ Đệ tử TRÍ BẢO

(Trúc Lâm Chicago 05/11/2017)

Lễ Đại Tường tưởng nhớ Cố Hòa Thượng Thích Hạnh Tuấn .
Đệ tử kính dâng nén hương lòng tưởng nhớ Thầy và nguyện cầu Thầy đăng quang Phật Quốc sớm hóa sanh về cõi ta bà cứu độ chúng sinh. Nam Mô A Di Đà Phật!

Một đời phát nguyện tu hành
Gieo nhân tạo phước hạnh lành từ bi
Thuận duyên Thầy đã ra đi
Phúc âm để lại con ghi khắc lòng!

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

CHRISTMAS HUMPHREYS (1901-1983)

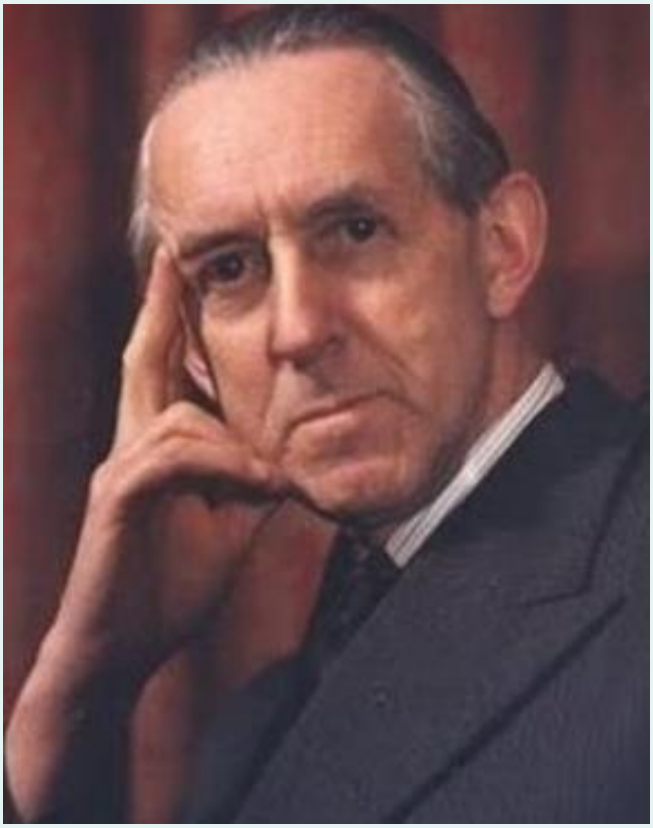

Christmas Humphreys sinh ngày 15-2-1901 tại London (Anh quốc), con của ông Travers Humphreys và bà Zoe Marguerite Humphreys. Thân sinh và cả gia đình ông phần lớn đều hành nghề luật sư và Christmas Humphreys cũng vậy. Lúc nhỏ năm 1907 ông được gửi vào học chung với 150 em bé gái của một trường nữ mẫu giáo gần nhà. Năm 1911 ông bắt đầu vào học trường tiểu học Ascham St. Vincents. Đây là một trường tư và sau này trở thành trường dự bị của Eastbourne College. Năm 1916, ông rời Ascham đến học trường Malvern College vào lúc cuộc thế chiến thứ nhất (1914-1918) bùng nổ.

Năm 16 tuổi, ngày 01-10-1917 một chuyện buồn xảy đến khi ông hay tin người anh của ông bị tử thương vì một quả đạn trái phá nổ tại trận chiến ở nước Bỉ (Châu Âu).

Biến cố này là một khúc quanh trong cuộc đời, ảnh hưởng đến ý hướng tìm hiểu Phật Giáo của ông sau này. Sự ra đi vĩnh viễn của người anh thân yêu khiến ông bắt đầu nghĩ đến kiếp người thực mong manh, cuộc sống là vô thường và sau khi chết con người đi về đâu là những thắc mắc lớn lao hiện trong đầu mà ông ước mong muốn tìm câu giải đáp. Vào lúc ấy, Humphreys đang là một tín đồ Thiên Chúa ngoan đạo rất kính yêu Chúa Giê-Su. Nhưng Sau cái chết bất ngờ của người anh, ông tự hỏi phải chăng đó là ý muốn của đức Chúa Trời toàn năng. Humphreys không tin như vậy, ông đâm nghi ngờ những lời Chúa dạy trong Thánh Kinh. Từ đó, ông quyết tâm nghiên cứu các sách tôn giáo để tìm câu hỏi đáp.

Tình cờ, một hôm ghé vào một tiệm sách trên đường Great Russell ở Luân Đôn (London), ông tìm thấy cuốn "Buddha and the Gospel of Buddhism" (*Đức Phật và Triết Lý Phật Giáo*) của tác giả Ananda Coomaraswamy, xuất bản năm 1916 tại Anh quốc. Đây là cuốn sách viết về giáo lý đức Phật và so sánh Phật Giáo với Bà La Môn và Thiên Chúa Giáo. Humphreys đã thích thú say sưa đọc tác phẩm Phật Giáo đầu tiên ông tìm thấy này. Từ đó về sau ông bắt đầu chú tâm nghiên cứu nhiều hơn về giáo pháp của đức Thế Tôn như tứ diệu đế, bát chánh đạo, vô ngã; đặc biệt ông thích nhất lịch sử truyền bá Phật Giáo không có chiến tranh hay sự kỳ thị ngược đãi, đàn áp bắt người khác phải theo tôn giáo của mình trước họng súng, lưỡi lê v.v...

Năm 1919, Humphreys đến Cambridge, tại đây ông viếng thăm trụ sở của Hội Thông Thiên Học (*Lodge of the Theosophical Society*). Thời gian này ông được đọc tác phẩm "The Secret Doctrine" (*Giáo Pháp Huyền Bí*) của bà H.P. Blavatsky (người Nga). Cuốn sách dã giúp ông hiểu rõ về các thuyết nhân quả, nghiệp báo, luân hồi của Phật Giáo. Tâm ông cảm thấy phần nào an lạc khi nghĩ rằng bởi do

nghiệp nhân gây ra trong quá khứ mà hiện tại anh của ông đã phải nhận chịu cái quả như vậy và ông hy vọng sẽ được gặp lại anh của ông trong kiếp tương lai vì theo Phật Giáo chết không phải là hết mà thần thức con người sẽ luân hồi tái sinh trở lại.

Tháng 4 năm 1923, cùng với vài người bạn, Humphreys thành lập tại Luân Đôn (London) cư xá thanh niên của Hội Thông Thiên Học (*Youth Lodge of the Theosophical Society*) làm nơi hội họp của giới trẻ ham thích nghiên cứu thông thiên học và Phật Giáo. Hè năm 1924, ông xây dựng trung tâm Phật giáo (Buddhist Centre) của Hội Thông Thiên Học và đổi sang Niệm Phật Đường (*Buddhist Lodge*) của hội này vào mùa thu năm ấy. Ngày 19 tháng 11 năm 1924, Humphreys được các Phật tử bầu làm hội trưởng, tổng thư ký là cô Aileen Faulkner (có biệt danh là Puck) và ông Jinarajadasa, một Phật tử Tích Lan, giữ chức phó hội trưởng.

Trong thời gian này, có nhiều học giả Phật tử đến giúp Humphreys. Họ là những thành viên cũ của "Hội Phật Giáo tại Anh quốc và Ái Nhĩ Lan" (*Buddhist Society of Great Britain and Ireland*) thành lập năm 1907 nhưng ngừng hoạt động từ năm 1924. Đó là bà Rhys Davids, người mà ít lâu sau đã kế vị chồng giữ chức hội trưởng Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn và Dr. Ernest Rost là nhân vật đã giúp Đại Đức Ananda Metteyya năm 1908 từ Rangoon (Miến Điện) truyền bá Phật Giáo vào Anh quốc v.. v.. Tin tức sinh hoạt của Niệm Phật Đường (*Buddhist Lodge*) bấy giờ được loan truyền đến nhiều quốc gia Phật Giáo trên thế giới.

Tháng 10 năm 1925 Hội cho ấn hành tờ "Niệm Phật Đường Nguyệt San" (*The Buddhist Lodge Monthly Bullentin*) gồm 24 trang. Sau khi phát hành được sáu số, tờ báo này đổi thành tập san "Phật Giáo Anh Quốc" (*Buddhism in England*). Tháng 12 năm 1927, Humphreys làm lễ thành hôn với Puck (cô Aileen Faulkner) và kể từ đó, cả hai cùng chung tham gia tích cực đóng góp cho Phật sự địa phương. Gần 20 năm qua, ông bà Humphreys đã phát tâm dùng căn nhà đang ở để làm trụ sở sinh hoạt của Niệm Phật Đường này. Năm 1943, Humphreys mua được một cơ sở gồm có nhiều phòng xây cất từ thế kỷ 18 tọa lạc trên đường Great Russell gần Viện Bảo Tàng (British Museum) và ông ta đã dời trụ sở cũ về địa điểm mới. Từ đó, Niệm Phật Đường (*Buddhist Lodge*) đổi thành Hội Phật Giáo (The Buddhist Society) và tờ "Phật Giáo Anh Quốc" (*Buddhism in England*) cải đổi thành tạp chí "Trung Đạo" (*The Middle Way*) với cái bìa mới do Puck trình bày, ấn hành 3 tháng một lần và tiếp tục ra đều đặn cho đến ngày nay.

Sau khi cuộc thế chiến thứ hai (1939-1945) chấm dứt, quân đội Nhật đầu hàng phe đồng minh, tháng 01 năm 1946 Humphreys được mời tháp tùng trong phái đoàn luật sư của Anh quốc sang Nhật để tham dự phiên tòa án quốc tế xét xử các tội phạm chiến tranh. Chuyến đi này giúp ông có dịp tìm hiểu nghiên cứu sự phát triển Phật Giáo tại Nhật và các quốc gia Á Châu, đồng thời ông cũng trình bày cho thế giới biết về sinh hoạt Phật Giáo tại Anh quốc và Châu Âu. Humphreys mang theo tập sách nhỏ "The Twelve Principles of Buddhism" (*Mười Hai Nguyên Tắc Sống Hòa Hợp giữa các Tông Phái Phật Giáo*) do chính ông soạn thảo và đã được hội Phật Giáo tại Luân Đôn chấp thuận trong kỳ đại hội năm trước đó.

Một tháng sau khi tới Nhật, Humphreys đến gặp thiền sư Dr. D. T. Suzuki tại chùa Đan Giác (*Engakuji*) ở Kamakura và đưa cho ông ta đọc tập "*Mười Hai Nguyên Tắc.*" Dr. Suzuki liền dịch tài liệu đó ra tiếng Nhật và gửi đi phổ biến khắp các chùa tại Nhật. Sau đó, các tiểu ban gồm chư Tăng Nhật Bản được thành lập ở To-kyo và Kyoto để nghiên cứu về bản "Mười Hai Nguyên Tắc" nói trên. Ngày 22-06-1946 tại hội trường chùa Tây Bổn Nguyện (*Nishi-Hong-wanji*) ở Kyoto, 32 đại biểu đại diện cho 17 tông phái Phật Giáo khắp nước Nhật sau khi thảo luận, toàn thể đã nhất trí thông qua và chấp thuận bản "Mười Hai Nguyên Tắc" của Humphreys, và đây là một thành công to lớn mà ông đã gặt hái được trong chuyến đi qua thăm Nhật lần đầu tiên này. Vào ngày thứ hai tuần kế tiếp, Humphreys được mời nói chuyện ở đại học Otani về "*Phật Giáo tại Anh Quốc*" (Buddhism in England) qua sự thông dịch của Dr. Suzuki. Vài tuần sau, trước đại hội gồm nững nhà lãnh đạo, thiền sư và viện chủ các chùa thuộc phái thiền Lâm Tế (*Rinzai*) khắp nước Nhật, Humphreys thuyết trình một tiếng đồng hồ về đề tài "*Phật Giáo Tây Phương và Khả Năng Đóng Góp của Phật Giáo cho Tương Lai Nhân Loại*" (Buddhism in the West and the Potential Place of Buddhism in the Future of Mankind). Bài giảng của Humphreys rất hấp dẫn và được hàng nghìn thính giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Tháng 9 năm 1946 trên đường về Anh quốc, Humphreys viếng Thái Lan một tuần lễ và đệ trình bản "Mười Hai Nguyên Tắc" lên cho Vua Sải (Tăng Thống) duyệt xét trong đại hội gồm các nhà lãnh đạo Tăng Già Thái Lan tại chùa Bovornives ở Bangkok. Sau khi thảo luận nó được toàn thể đại hội chấp thuận. Tuy nhiên, tại Miến Điện, Ấn Độ và Tích Lan bản "Mười Hai Nguyên Tắc" của Humphreys không được Hội Đồng Tăng Già các quốc gia đó chấp nhận liền mà một vài nơi họ cho biết là sẽ nghiên cứu và trả lời sau. Năm 1956, Hum-phreys hướng dẫn một phái đoàn đại diện Hội Phật Giáo tại Anh qua tham dự đại hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới (*The World Fellowship of Buddhists*) lần thứ tư tổ chức tại Kathmandu (Nepal) và sau đó sang Delhi (Ấn Độ) tham dự lễ kỷ niệm 2500 năm đức Phật Thành Đạo (*Buddha Jayanti*) do lời mời của chính phủ Ấn Độ.

Năm 1959, Trung Cộng xâm lăng Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama) cùng

với 75.000 chư Tăng và dân chúng Tây Tạng đã phải bỏ nước sang tị nạn tại Ấn Độ, Nepal và Sikkim. Ít lâu sau, Humphreys cùng với các vị Lạt Ma đứng ra thành lập Hội Phật Giáo Tây Tạng (Tibet Society) tại Luân Đôn (Anh Quốc). Năm 1961, đức Đạt Lai Lạt Ma gửi thư yêu cầu Humphreys giúp đỡ tìm đối sách chống lại hành động xâm lăng Tây Tạng của Trung Cộng. Năm 1962, Humphreys với tư cách phó hội trưởng Hội Phật Giáo Tây Tạng và hội trưởng Hội Phật Giáo tại Anh sang New Delhi (Ấn Độ) viếng thăm Dr. Radhakrishnan, đương kim tổng thống Ấn Độ, nhờ ông cho biết ý kiến về lời yêu cầu của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Nhân dịp này Humphreys đã đến thăm các trại tị nạn của dân chúng Tây Tạng tại Ấn Độ và Sikkim.

Năm 1972, nữ tiến sĩ Irmgard Schloegl, sau 12 năm tu học tại một ngôi chùa thiền Lâm Tế ở Tokyo (Nhật Bản) trở về Luân Đôn (London), Humphryes đã khuyến khích giúp đỡ bà ta mở lớp thiền hướng dẫn cho các hội viên của Hội Phật Giáo Anh Quốc. Năm 1975, Puck (vợ của Humphreys) qua đời và tám năm sau (1983), Humphreys cũng theo vợ, từ giã cõi trần, hưởng thọ 82 tuổi.

Sự vĩnh viễn ra đi của nhà Phật Học Humphreys là một mất mát to lớn không riêng cho Hội Phật Giáo tại Luân Đôn mà còn chung cho nền Phật Giáo tại Anh Quốc. Dưới đây là cảm nghĩ của một số nhân vật Phật Giáo tên tuổi đã bày tỏ sự tiếc thương sau khi nghe tin học giả Humphryes từ trần.

Lama Anagarika Govinda đã phát biểu: "*Đạo hữu Humphreys là một trong những người đầu tiên truyền bá Phật Giáo ở thế giới Tây Phương và không ai thực hiện Phật sự này có kết quả và thành công hơn người bạn đạo đã qua đời của chúng ta. Bởi nhờ công đức của ông mà ngôi nhà Phật Giáo đã được xây dựng ở thế giới dùng ngôn ngữ tiếng Anh. Tôi rất tiếc đạo hữu Humphreys đã từ giã cõi đời, nhưng tôi hy vọng tấm gương sáng của ông sẽ khích lệ cho những người còn sống tham gia tích cực phục vụ cho lý tưởng Phật Giáo*" (Mr. Humphreys was one of the first people to propagate Buddhism in the Western World and nobody dedicated himself to this task more thoroughtly and succcessfully than our departed friend. It was mainly due to him that Buddhism has found a home in the English speaking world. I deeply regret his passing away but I hope that his example will inspire all those whom he leaves behind with a new zeal for the ideals of Buddhism).

Thượng Tọa Sumedho đã bày tỏ: "*Đạo hữu Humphreys là một nhân vật rất nổi tiếng... Tôi nghe danh ông ta từ lâu trước khi tôi đến Anh Quốc. Những tác phẩm của ông thường được liệt kê trong thư mục cùng với thiền sư D. T. Suzuki, Dr. Edward Conze và nhiều văn nhân, học giả cũng như các nhà thông bác khác về Phật Giáo*" (Mr. Christmas Humphreys was a very famous man... I had heard of him long before I came to England. His books were always listed in bibliographies along with D. T. Suzuki, Dr. Edward Conze and the great galaxy of writers, scholars and experts on Buddhism).

Nữ học giả Imrgard Schloegl viết: "*Nên luôn luôn ngay thẳng, thành thật, đó là châm ngôn của gia đình đạo hữu Christmas Humphreys và chính ông ta đã thể hiện đức tính đó. Đạo hữu đem lòng thương yêu, giúp đỡ mọi người vì ông nghĩ rằng tất cả nhân loại đều là anh em... Đạo hữu biết quên mình, hy sinh cho kẻ khác, và với lòng từ bi hiếm có này của ông, đã cảm hóa hướng dẫn nhiều người quay về với Phật Giáo. Ông không bao giờ biết nói xấu ai. Thử hỏi có bao nhiêu người làm được như thế? Cho nên đạo hữu Humphreys thực sự là một con người cao cả. Ông qua đời là sự mất mát to lớn đối với chúng ta, và chúng ta cũng khó mà quên ơn của ông. Cầu mong lòng thương nhớ và sự biết ơn của mọi Phật tử đối*

với đạo hữu Christmas Humphreys sẽ còn giữ mãi nơi tâm hồn chúng ta. Tưởng nhớ ông, mong rằng chúng ta hãy tiếp tục hành trì, đi theo con đường Phật dạy vì lợi ích của mọi chúng sanh".

Những Đóng Góp Của Christmas Humphreys Cho Nền Văn Hóa Phật Giáo.

Christmas Humphreys là bút giả của hơn 20 cuốn sách Phật Giáo. Dưới đây là một số tác phẩm chính:

1. What is Buddhism? (*Phật Giáo Là Gì?*), xuất bản năm 1928.
2. Concentration and Meditation (*Sự Tập Trung Tư Tưởng và Thiền Định*), xuất bản năm 1935.
3. Studies in the Middle Way (*Nghiên Cứu về Trung Đạo*), ấn hành năm 1940.
4. Karma and Rebirth (*Nghiệp Báo và Luân Hồi)*, xuất bản năm 1943.
5. Zen Buddhism (*Thiền Phật Giáo*), xuất bản năm 1949.
6. Budddhism (*Phật Giáo*), xuất bản năm 1951. Tác phẩm này đến nay đã phát hành hơn 1 triệu cuốn.
7. The Way of Action (*Con Đường Thực Hành*), xuất bản năm 1960.
8. Zen Comes West (*Thiền Đến Tây Phương*), ấn hành năm 1960.
9. The Wisdom of Buddhism (*Trí Tuệ của Phật Giáo*), xuất bản năm 1960.
10. A Popular Dictionary of Buddhism (*Tự Điển Phật Giáo Phổ Thông*), ấn hành năm 1963.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

Tiếu ngạo giang hồ

TOẠI KHANH

Họ muốn giết sạch những sinh mạng mà họ xem là hạ cấp, thừa thãi hay nguy hiểm để tái tạo những thế hệ mới vừa ý hơn, cao cấp hơn, tiến bộ hơn, một thứ người thượng đẳng, đỉnh cao trí tuệ. Nhưng sau cái chết của hàng triệu người, đâu lại vào đó. Và chuyện duy nhất mà họ làm được, tổng kết lại, chỉ là sự phá sản, phá hoại. Họ làm bậy và được hàng triệu người đồng tình, trung thành đến chết. Cái đệ nhất vô lý đó đi ra từ một nguyên do duy nhất: Hiểu lầm! Người thì tưởng lầm là mình có thể dàn xếp càn khôn, và kẻ thì tưởng lầm là người kia nghĩ đúng!

Hãy là người BIẾT CHUYỆN trước khi dựng lên hay phá đổ một thứ gì đó. Vận mạng nhân loại và cả trái đất này tùy thuộc vào việc mấy người nắm quyền lực có nhớ được nguyên tắc tối thiểu đó hay không. Trong sự thiếu hiểu biết, việc xây dựng hay đập đổ đều có nghĩa là phá hoại, nghĩa là đều nguy hiểm như nhau.

Sáng nay ngồi xem một chương trình TV, tôi bỗng chột dạ nhớ lại một kết quả nghiên cứu đọc được ở đâu đó rằng, hơn một nửa năng lực của nhân loại,gồm tiền bạc, công sức và thời gian – là dành cho chuyện ruồi bu! Người ta thường nặng lòng cho cái mình thích hơn là cái mình cần. Thị hiếu lúc này đã lấn lướt nhu cầu. Thay vì kêu gọi sự chiêm ngắm bản chất của đời sống để nuôi lớn trí tuệ, sống trách nhiệm để nuôi lớn từ tâm, xóa bỏ kì thị để mở rộng biên giới giao tiếp, thực tập sống thanh thản để trường thọ một cách lành mạnh thì người ta đã đốt tiền, nướng thời gian cho những thứ ngược lại. Thế giới cứ vậy mà ngày một thê thảm. Rồi thì thỉnh thoảng có một người nắm bắt được chút ít nhược điểm tâm lý của thiên hạ, nói hay viết chút gì đó có tác dụng của một ngón tay gãi ngứa đại chúng, lập tức được phong thánh. Những tiêu pha nhảm nhí lại được tái hiện. Tình trạng thế giới hôm nay giống hệt một người bệnh ghẻ nặng. Càng ngứa càng gãi, càng gãi càng lở, càng lở càng ngứa, càng ngứa thì càng gãi! Một vòng lẩn quẩn tròn vo, không có lối thoát!

Trong cái gọi là thiên hạ ấy, đúng là luôn có vô số bộ óc trác việt, nhưng tôi nghĩ có lẽ hầu hết chúng ta có mẫu số chung là tham sống sợ chết, ham sướng sợ khổ; nên thỉnh thoảng có ai lợi khẩu, biện tài, hay giỏi tổ chức thì chỉ cần một củ cà-rốt với khúc gỗ ngắn cũng đủ đưa thiên hạ vào một cuộc chơi trẻ con. Ai thường đọc sử Tàu hẳn còn nhớ Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn. Nhân vật này cũng chủ trương thờ Chúa, nhưng đã truyền đạo bằng một tốc độ và hiệu quả, mà trong cả hai ngàn năm tồn tại trên đời, tòa thánh Vatican chưa bao giờ làm nổi. Hôm nay xét lại, toàn bộ cương lĩnh chính trị và tôn giáo của Hồng Tú Toàn chưa đầy một cuốn vở học sinh. Nghĩa là còn ngắn hơn cả cuốn Mein Kamft của Adolf Hitler. Người ta theo vì tự thấy thích, nhưng có trường hợp ly kì mà cũng thường thấy, là vô số kẻ đi theo ai đó chỉ vì sức hút từ đám đông. Họ không có khả năng phán đoán, giám thức, nên cho là cứ theo thiên hạ thì chắc ăn. Họ hồn nhiên cho rằng không lý gì cả một biển người như vậy lại sai lầm hết được sao! Họ quên rằng người ta có thể tuyên truyền cái hiểu sai cho người khác, nhưng khi gặp chuyện thì không ai có thể gánh vác giùm ai những nỗi đau. Khổ ai nấy chịu. Tôi nhớ đã nghe hay đọc đâu

đó rằng một chuyện đã sai lầm thì dù có bao nhiêu người chấp nhận cũng vẫn là sai lầm. Và nếu điều đó là sự thật thì dù chỉ có một người biết đến hay thậm chí không ai biết đến thì nó vẫn cứ là sự thật.

Tôi được biết những đồn đại về quái vật hồ Ness ở Tô-cách-lan hay chuyện dĩa bay cũng giống vậy. Người tận mắt nhìn thấy cái gì đó thì không bao nhiêu, nhưng kẻ tin lời hoặc thấy bằng ảo giác thì nhiều vô số. Thì ra cái gọi là trí tuệ, kiến thức hay sự tỉnh táo của mỗi người có lẽ phải xét lại. Dĩ nhiên là chính ta làm chuyện đó tốt hơn người khác. Hãy bắt đầu từ bây giờ trước khi quá muộn. Vì từ đầu, tôi đã bắt đầu bằng những u mê chết người của ai đó, và thiên hạ đã trót yêu mê những tuyên truyền cao tay nên đã cùng dẫn nhau vào những cánh đồng chết, những trại tập trung. Chưa hết, còn có một cái chết thê thảm khác là đôi khi người ta ít nhiều đã mơ hồ thấy ra cái sai của mình, nhưng vì tiếc công hay tự ái nên tiếp tục bảo vệ cái mà chính mình đã dày công theo đuổi dù đang ngày một mất niềm tin. Cái xui cho thiên hạ là dù được bảo vệ bằng bất cứ lí do nào, những ngộ nhận luôn có một tác dụng duy nhất là độc hại.

Tôi viết một mạch rồi đọc lại, chợt lấy làm lạ khi nãy giờ không hề nhắc gì đến chữ Phật, chùa, tu hành, Niết-bàn, giải thoát. Ô hay, nói như ai đó, Phật pháp bất ly thế gian pháp. Cạm bẫy ngoài đời hay trong đạo xem chừng cũng hệt nhau, khác chăng là hình dáng miếng mồi mà thôi: Miếng thịt hay miếng tàu hũ và đều được chiên giòn thơm ngát!

VỀ QUÊ

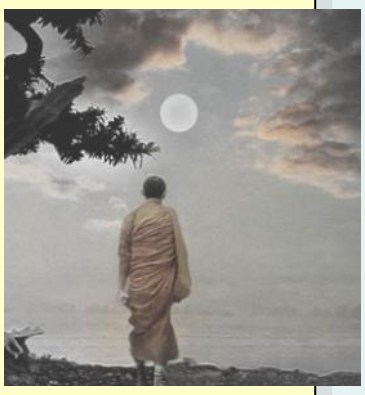

Về sau bao năm rong chơi
Lòng trần nào nghe chơi vơi
Cha ơi! Con hư về rồi
Kìa! Ai còn ngồi trên nương
Chùa chiều quê mờ trong sương
Ngân lên hồi chuông chào mừng
Chừng đèn hoa sen hừng hừng
Soi niềm vui đang rưng rưng
Người về từ trong vô minh
Người về lòng thơm trang kinh
Hoa đăng lung linh trong hồn
Bên me cha không bồn chồn
Đàn chim tung trời hương thôn
Chùa nào đìu hiu im câm
Người về trang hoàng thân tâm
Trên con đường lìa mê lầm
Đèn tâm soi bừng trăm năm
Hành trình về quê thong dong
Nghe mình đưa mình sang sông.

TRỞ VỀ

Trên lưng trâu mãi tìm trâu
Phù sanh huyễn hóa tìm đâu đâu là…
Trầm luân sáu nẻo đường tà
Bỏ quên kho báu cha già để riêng
(Công đức trí tuệ vô biên)
Càng đi càng dạt xa miền cố hương
Giữa cơn ác mộng đêm trường
Sóng tâm gió nghiệp khôn lường bỗng ngưng.
Trở về quê cũ ngập ngừng
Vén mày mở mắt sáng bừng hư linh
Đâu là thực thể vô minh
Phát tâm thanh tịnh tự mình xả ly
Thế nhân ơi! Mãi chấp mê
Lấy gì đánh đổ bánh xe luân hồi
Kiến phật liễu sanh tử. Ôi!
Mây tan nguyệt rực khắp trời cố hương
Rong chơi ba cõi sáu đường
Thong dong tri kiến vô thường bạn ơi!
Trò như huyễn hạnh ta chơi
Nhìn sinh lão bệnh tử cười an nhiên…

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

ĐỊNH HƯỚNG CUỘC ĐỜI

*(**Câu Chuyện Dưới Cờ** — bài viết hàng tuần của GĐPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)*

Trường học, gia đình, đoàn thể, tổ chức tôn giáo, có mục đích khai mở cho tuổi trẻ và con người có hướng đi sáng đến chỗ lợi lạc hữu ích rồi mới dần lên thánh vị.

Khi thuyền đời đã được định hướng thì phải đem hết tâm can ý lực để thực hành hầu thành tựu được mục đích.

Kẻ ý không thành, chí không quyết, lòng không bền thì chẳng bao giờ đạt được chí nguyện. Cuộc sống chỉ là chuỗi ngày phù du vô bổ.

Trong kinh có câu chuyện. Lúc Phật còn tại thế ở vùng thượng lưu sông Hằng xứ Ấn Độ, có một đạo sĩ Bà La Môn thần thông biến hóa khôn lường, tính tình kiêu ngạo. Một hôm Phật và môn đồ của ngài đi qua đó, vốn không ưa và ganh ghét cái uy danh của Đức Phật mà theo ông là không thực có, nên ông đã đón Phật và môn đồ của ngài ngạo nghễ hỏi rằng:

"Tôi nghe danh ngài đã nhiều, nay gặp nhau đây thật là vạn hạnh. Xin ngài cho biết ngài có thể qua lại dòng sông này trên mặt nước được không?"

Phật đáp:

"Tôi không đi được. Còn ngài?"

"Ta thì có thể du lưu đó đây không ngại."

"Ồ thế thì tuyệt quá, ngài có thể cho thầy trò chúng tôi xem thấy để mở rộng tầm mắt không?"

Đạo sĩ khoan khoái trả lời:

"Có gì đâu, ta rất sẵn lòng."

Thế rồi đạo sĩ tay cầm chiếc lá miệng đọc lâm râm, không mấy chốc ông đã qua lại nhiều lần. Phật khen ngợi:

"Thật là tuyệt diệu thế gian. Dám hỏi ngài tu luyện môn nầy bao nhiêu lâu?"

"Sơ sơ mới có mười ba năm."

Phật gật gù.

"Giỏi thì có giỏi, nhưng lâu quá!"

Đạo sĩ hỏi:

"Thế ông thử luyện xem có mau hơn không?"

"Có chứ, ta chỉ tốn mười lăm hai chục phút là cùng!" (1 khắc thời gian)

"Lý thuyết ai cũng nói được, thử thực hành xem sao?"

Phật gật đầu rồi nói nhỏ với ông Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất tách chúng ra đi. Phật quay qua ngài đạo sĩ trầm ngâm một khắc rồi bảo:

"Ngài hãy xem tôi sắp thực hành đây."

Liền lúc ấy, Xá Lợi Phất và con thuyền cập bến. Phật và môn đồ xuống thuyền. Xá Lợi Phất ra lịnh cho chủ thuyền tách bến rồi cứ thế qua lại trên dòng sông được hai lần.

Khi bước lên bờ, người đạo sĩ đã ân cần đảnh lễ Phật và xin xuất gia, làm môn đồ của người.

Bởi cái đích mà ta muốn đến là cõi hằng có vô sanh. Đó là tánh Phật toàn giác. Thần thông, pháp thuật công danh địa vị rồi cũng bỏ lại đời khi nhắm mắt xuôi tay. Nó có nhưng không thật nên gọi là huyễn. Theo Phật là bỏ huyễn mà tìm chân, là hướng đi của thuyền đời vậy.

(Trích *52 Câu Chuyện Dưới Cờ*— Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)

ĐẠO PHẬT LÀ TRIẾT HỌC HAY LÀ MỘT TÔN GIÁO?

(***Phật Pháp Thứ Năm*** — *tài liệu tu học của GĐPTVN*)

Đạo Phật là gì? Là một triết học, một khoa học, một luân lý, hay là một tôn giáo? Cho đến bây giờ vẫn còn rất nhiều người thắc mắc về vấn đề nầy.

Trước mắt tôi là một quyển sách. Nếu bạn hỏi rằng vì sao tôi thấy được cuốn sách đó, tôi sẽ trả lời: vì tôi có đôi mắt. ''Vì có đôi mắt'' lý ấy ai cũng công nhận. Câu trả lời tuy không sai, nhưng cũng chưa đúng hẳn. Phải muốn thấy được cuốn sách, ta cần phải có đôi mắt, nhưng đồng thời cũng cần có ánh sáng, có không gian, và ít ra, cuốn sách đó không có cái gì ngăn che lại... Bao nhiêu điều kiện cần thiết để tôi có thể thấy được cuốn sách! Những điều kiện ấy tương hợp để giúp tôi có thể thấy được một sự vật.

Khi bạn hỏi tôi rằng đạo Phật có phải là một triết học không, một tôn giáo không... tôi sẽ trả lời bạn rằng: ''Chẳng quan hệ gì lắm những cái tên gọi ấy, bởi vì đạo Phật không phải chỉ là một triết học, hay là một tôn giáo, một khoa học...''

Đạo Phật không phải chỉ là một siêu hình học, dù đạo Phật có đề cập đến những thắc mắc siêu hình. Siêu hình chỉ là một phương diện của đạo Phật, và ngoài phương diện ấy, đạo Phật còn có nhiều phương diện khác nữa. Đạo Phật có phải là một triết học không? Phải. Có phải là một huyền học không? Phải. Có phải là một luân lý học không? Phải. Đạo Phật là tất cả; cái gì cũng có trong đạo Phật. Nhưng nếu chỉ nghiên cứu sâu xa về một mặt mà bảo rằng đạo Phật chỉ là triết học hoặc chỉ là một luân lý hay một tôn giáo, thế là đã nhìn đạo Phật một cách phiến diện.

Câu chuyện năm người mù rờ voi giúp chúng ta hiểu thêm về vấn đề nầy. Người rờ chân, bảo voi là cái cột nhà. Người rờ đuôi, bảo voi là cái chổi. Nhưng thực ra, voi không phải như cái cột nhà, dù nó có bốn chân giống như bốn cột nhà, không phải như cái chổi, dù nó có cái đuôi giống như cái chổi. Cũng như thế, người chú trọng đến phương diện triết học sẽ cho đạo Phật là triết học, kẻ chú trọng đến phương diện tôn giáo sẽ cho đạo Phật là tôn giáo... Kỳ thực, đạo Phật không phải chỉ là triết học hoặc tôn giáo, hay luân lý. Đạo Phật bao gồm tất cả triết học, luân lý, tôn giáo, huyền học.

Có người sẽ bảo rằng đạo Phật tuy không phải chỉ là một triết học, một luân lý, nhưng có thể gọi là một tôn giáo, bởi vì có hình thức đầy đủ của một tôn giáo. Nhưng có nhiều người - mà nhất là người Tây Phương - thấy đạo Phật không thờ phụng một đấng tạo hóa nào, thì lại chủ trương ngược lại rằng Phật giáo không phải là một tôn giáo mà chỉ là một triết học. Họ nói ''Nếu đạo Phật là một tôn giáo (une religion) thì có gì minh chứng rằng đạo Phật là một chân lý thần khải (une révélation)? Nguyên lý thần quyền nào làm nền tảng cho sự thành lập tôn giáo này?''

Câu hỏi đó thường được nêu ra luôn trong giới học giả Tây Phương. Nhưng thực ra, chẳng có gì quan hệ. Dù ta có gọi đạo Phật là một tôn giáo hay một triết học đi nữa thì đạo Phật cũng vẫn là đạo Phật, đạo Phật không vì thế mà thay đổi đi chút nào. Tiếng ''tôn giáo'' là một tiếng mới. Trong tam tạng kinh điển ngày xưa, ta không thấy một tiếng nào có nghĩa tương đương.

Người đặt ra nghi vấn trên cho rằng ''Tôn giáo thì phải có thần khải, phải có yếu tố thần quyền, thiêng liêng.'' Định nghĩa này có vẻ tạm thời quá. Chúng ta thử mở một cuốn sách từ điển ra, và sẽ thấy ''Tôn giáo = sự liên lạc giữa người ta với một thượng đế hữu ngã.'' Nhưng không phải ai cũng công nhận như thế. Nếu ta đem hỏi một nhà triết học, một tư tưởng gia, một nhà huyền học... thì ta sẽ thấy mỗi người định nghĩa tôn giáo một cách khác tùy theo sự suy nghĩ và sự hiểu biết của họ. Và trong số các lối định nghĩa, sẽ có những định nghĩa không bắt buộc rằng tôn giáo phải là một sự thần khải, phải thờ một đấng Thượng Đế, hay phải có một yếu tố linh thiêng.

John Stuart Mill bảo: ''Sự chủ yếu của tôn giáo là hướng tất cả mọi xúc cảm và mọi ước muốn của mình một cách nhiệt thành về một đối tượng lý tưởng được xem như siêu tuyệt nhất'' (L'essence de la religion est la direction forte et zéleé des émotions et des désirs vers un objet idéal reconnu comme de la plus haute excellence).

Voltaire cho rằng tôn giáo là ''một thứ vô lý đặt ra để bắt đa số phục tùng.'' Một cuốn tự điển của Nga bắt chước theo quan niệm của Voltaire, cho rằng ''Tôn giáo là sự tin tưởng vào

thần linh, một sự tin tưởng không căn cứ trên nền tảng khoa học nào cả.'' Auguste Comete cho rằng: ''Tôn giáo là sự thờ phụng nhân loại.” Whitehead bảo: ''Tôn giáo là sự sinh hoạt của cá nhân trong đơn độc vắng lặng. Nếu anh không sinh hoạt trong vắng lặng đơn độc thì anh không phải là người có tôn giáo.”

Và Aldous Huxley bảo: ''Tôn giáo là một lối giáo dục nhờ đó mà con người có thể tự giới'' (la religion est un systéme d'éducation par le moyen duquel les étres humains peuvent se discipliner).

Vậy thì không có một công thức nhất định nào cả. Và lối định nghĩa nào cũng có lý riêng của nó. Ta có quyền nhận hay không nhận định nghĩa của kẻ khác, tùy theo ý ta. Nếu bạn muốn dùng định nghĩa của Voltaire hay của cuốn tự điển Nga thì tùy ý bạn, nhưng người khác như tôi thì lại không nhận được định nghĩa đó. Miễn là bạn đừng bắt mọi người phải nhận định nghĩa bạn là đúng và cho tất cả các định nghĩa khác là sai.

Ý tưởng thần khải là một ý tưởng có từ rất lâu. Không những kinh Vệ Đà được xem như là thần khải mà khoa y dược ngày xưa của Ấn Độ, của Trung Hoa cũng được xem là thần khải nữa.

Văn phạm Sanscrit, dân Ấn Độ tin rằng cũng là một thứ thần khải. Chính trong hiện thời, ở Ấn Độ và ở Trung Hoa cũng còn nhiều người tin rằng khoa y dược là một khoa do thần nhân truyền dạy. Cho đến phép cấy lúa, bói toán cũng là do thần nhân chỉ bảo. Ý tưởng thần khải, như thế, đã là một ý tưởng rất xưa và rất sơ khai. Vậy thì có quan hệ gì lắm đâu ở chỗ ''thần khải'' hay không ''thần khải''? Nếu một tôn giáo mà tôi không có sức hiểu và thực hành theo được, nếu tôn giáo ấy không có ảnh hưởng và hậu quả gì đến tôi, thì dù nó có thần khải hay không, đối với tôi nó vẫn là vô nghĩa.

Trái lại, nếu một ''tôn giáo'' không có thần khải mà tôi hiểu được, thực hành được, có thể đem lại cho tôi nhiều ảnh hưởng tốt và những hậu quả tốt thì tôi vẫn tôn thờ phụng sự như thường.

Vậy ta không cần thắc mắc ở chỗ thần khải hay không thần khải, đạo Phật là tôn giáo hay không là tôn giáo. Ta phải vượt ra ngoài những loại định nghĩa kia, như thế mới hiểu được đạo Phật là gì. Ta cũng có thể gọi Đạo Phật là một triết học, một tôn giáo, nếu ta muốn, nhưng không phải vì thế mà ta biến cải được đạo Phật. Đạo Phật là đạo Phật, hoặc nói rõ hơn, đạo Phật là những giáo lý của Phật dạy.

Gs. Thạc Đức

(Tài liệu của GĐPTVN, Bậc Chánh Thiện)

RỪNG TRĂNG SƯƠNG KHÓI

thời trẻ tuổi tôi sống ở ven rừng triền núi
phố nhỏ buồn tênh chiều xuống mịt mù sương
đường ngã ba chìm sâu trong mây khói
quán một bàn vắng lặng sầu thương

thành phố nhỏ nhịp đời qua lặng lẽ
suối đôi giòng đổi nhịp không người hay
mùa hoa đào hồng lên mầu núi biếc
không ai hoài chi chuyện của cỏ cây

trăng có buổi trầm mình trong sương bạc
gió có đêm quằn quại giữa than van
chiều có khi bàng hoàng sườn non vắng
mây lạc hồn ngơ ngẩn quên nhân gian

rừng u uẩn chôn sâu lòng thảm thiết
trăng nhạt nhòa ảo não nỗi thê lương
sương mù mịt xóa nhòa đường hai ngả
khói mơ hồ che giấu những đau thương

tôi như kẻ mộng du ngoài trời đất
đến ven rừng triền núi hóa cỏ cây
ngày nối tháng giữa mịt mù sương khói
thả buông đời tan biến với mây bay

thơ BÙI NGỌC TUẤN

SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

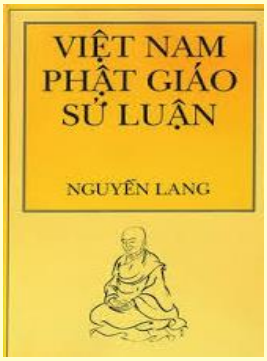

Kỳ 3
(Tiếp theo số trước)

TƯ TƯỞNG THIỀN CỦA CHÂN NGUYÊN

Theo Chân Nguyên, đóa sen mà Phật đưa lên cho đại chúng ở hội Kỳ Viên xem, đóa sen đã làm cho Ca Diếp mỉm cười, là tượng trưng cho tính giác ngộ có tính trong sáng tròn đầy (trạm viên) của tất cả chư Phật và tất cả chúng sinh. Giác ngộ thành đạo tức là phát hiện được tự tính đó: tự tính này hiện hữu một cách bình đẳng nơi mọi loài và mọi vật, không phân biệt trong ngoài trên dưới:

Thuở xưa hội cả Kỳ viên
Bụt cầm một đóa hoa sen giơ bày
Ca Diếp trí tuệ cao tay
Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm cười
Trần trần sát sát Như Lai
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen
Hoa là vốn tính trạm viên
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng (50)

Khi một bậc giác ngộ muốn diễn tả nói năng, thì chính đóa hoa ấy của tâm (tâm hoa) ứng miệng nói ra chứ không phải là do ta vận dụng tri thức, quan niệm và ngôn ngữ thông thường:

Hậu học đã biết hay chăng
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời (51)

Như vậy đối với Chân Nguyên, tất cả những điều nói năng không phát xuất trực tiếp từ kinh nghiệm về tự tính đều là những điều trống rỗng. Phương pháp của thiền khác với phương pháp của giáo. Thiền là sự trao truyền của tâm qua tâm, còn giáo là sự trao tuyền bằng kinh bằng lục:

Giáo là kinh lục kể bày
Giấy mực văn tự chất đầy hà sa
Tông là nguyên tự tính ra
Vốn vô nhất vật, lặng hòa hư linh (52)

Đọc kinh thì lâu lắm mới hiểu được đạo, trong khi chiêm nghiệm theo lời chỉ dẫn của tổ thì có thể chứng ngộ trong giây phút:

Xem kinh Bụt thuyết còn xa
Nghiệm cơ tổ bảo sát na biết rồi (53)

Chân Nguyên lại khuyên độc giả đừng ngại ngùng khi nghe những mẩu vấn đáp có tính cách kỳ lạ giữa các tổ và môn đệ của họ. Những mẩu vấn đáp này đích thị là ngôn ngữ Thiền, nhằm đối trị các trường hợp cao thấp thuận nghịch khác nhau, là những phương tiện đập vỡ thói quen và thành kiến để đưa người ra khỏi sự bế tắc:

Ngộ tính không tịch thì thôi
Chẳng lạ chỉ lời vấn đáp tiêu hao
Cơ quan thuận nghịch thấp cao
Những sự huyễn trí chiêm bao đặt làm
Đại vi thuyết pháp chỉ nam
Cho ta ngộ đảo kẻ đàm kinh lâu (54)

Ngôn ngữ này lắm khi chỉ là sự giữ lặng thinh, hoặc là giương mắt, hoặc là nhíu lông mày, hoặc là hét lên một tiếng vang dội như sư tử lớn:

Hoặc là nghiễm tọa vô vi
Hoặc là thuấn mục, giương mi giao thuần
Hoặc hiện sư tử tấn thân
Quát thét một tiếng xa gần vang uy
Ai khôn xem đấy sá nghì
Hội ngộ tự tính, tức thì chứng nên (55)

Nhưng lối truyền thông mà Chân Nguyên ưa nói nhất là nhìn thẳng vào hai mắt cả người mình đối thoại. Ta nhớ hồi còn tu học với Minh Lương, Chân Nguyên vì được Minh Lương nhìn thẳng vào hai mắt mình mà trong phút giây giác ngộ. Cho nên ông đã dùng hình ảnh này nhiều lần trong Thiền Tông Bản Hạnh:

Tam thế chư Phật tổ sư
Tứ mục tương cố thị cừ thiền cơ
Tứ mục tương cố là bốn mắt nhìn nhau.
Tứ mục tương cố nhãn đồng
Thầy tớ trao lòng đăng chúc giao huy.

Thầy tớ trao lòng là sự truyền tâm giữa thầy và trò, còn đăng chúc giao huy là đèn đuốc nối sự sáng cho nhau.

Hóa Phật thọ ký vô biên
Tứ mục tương cố mật truyền tâm tông

Ông lại cũng dùng những hình ảnh này trong tác phẩm Ngộ Đạo Nhân Duyên nữa:

Đèn tâm mắt Phật mới vừa sinh
Tâm ấn truyền nhau, bốn mắt nhìn
Tiếp nối đèn kia về bất tận
Thiền lâm thắp mãi ánh quang minh.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

(Nhất điểm tâm đăng Phật nhãn sinh
Tương truyền tứ mục cố phân minh
Liên phương tục diệm quang vô tận
Phổ phó thiền lâm thọ hữu tình)

Về vấn đề ngôn ngữ Chân Nguyên viết: "Sử dụng ngôn thuyết là việc bất đắc dĩ phải dùng phương tiện để đối trị vọng tưởng của chúng sinh. Nếu không tùy trường hợp mà đối trị những vọng tưởng ấy, tức là không thể có giáo pháp. Mà không có giáo pháp nghĩa là không có Phật cũng không có tăng. Tam bảo đã không thì không có người thuyết pháp, cũng không có pháp được thuyết. Giáo pháp đã từ nhân duyên mà có thì cũng chỉ là phương tiện để làm trẻ con nín khóc mà thôi, đâu có chân thực. Người ngu phu thì cần nhiều kinh điển, nhiều giáo pháp; bậc thượng trí thì chỉ cần một tiếng hét hay một nụ cười cũng có thể đốn ngộ tự tính"

Chân Nguyên rất hâm mộ đoạn nói về ngôn ngữ thiền trong kinh Lăng Già và thường hay trích dẫn kinh này trong các tác phẩm của ông. Ông nói:

Ai chưa tín thọ còn ngờ
Thinh kinh Lăng Già quyển nhị hòa trông (56)

Công án mà Chân Nguyên đã sử dụng nhiều nhất trong thiền tập có lẽ là công án mà Bách Trượng ngày xưa đã trao cho Hương Nghiêm: "Hãy nói cho tôi nghe về mặt mũi của chính ông khi mà ông chưa được cha mẹ sinh ra". Công án này có liên hệ tới pháp hiệu Chân Nguyên của ông. Chân Nguyên là nguồn gốc chân thực. Công án ấy ông đã diễn tả trong sách Thiền Tông Bản Hạnh:

Thuở xưa trời đất chưa sinh
Cha mẹ chưa có thật mình chân không
Chẳng có tướng mạo hình dung
Tịch Quang phổ chiếu viên đồng thái hư.

Thì ra mặt mũi ấy là chân không. Chân không cố nhiên không phải là hư vô -hư vô là giả chứ không phải là cái không chân thực. Cái không chân thực vượt ra ngoài có và không. Nó là thực tại không thể diễn ra bằng tướng mạo hình dung. Ông lại còn diễn tả cái thấy của ông về công án này trong hai bài kệ gọi là ChânNguyên Trạm Tịch nghĩa là "Chân Nguyên vốn là trong sáng và lặng lẽ" Đọc bài này ta đừng quên rằng hai tiếng chân nguyên vừa có nghĩa là "nguồn gốc chân thật" Vừa có nghĩa "ông thầy tu Chân Nguyên"

Thiên địa phụ mẫu vị sinh tiền
Tịch quang viên trạm thị chân nguyên
Tự giác giác tha danh viết Phật
Từ bi thuyết pháp lợi nhân thiên.

(Khi đất trời và cha mẹ chưa sinh, thì chân nguyên lặng yên, chiếu sáng tròn đầy, trong trẻo. Nếu cái nguồn gốc chân thật ấy mà hiển lộ được thành hành động tự giác, giác tha thì được gọi là Phật, có thể đem từ bi tâm thuyết pháp để làm lợi cho cõi người và cõi trời).

Vạn pháp không hoa giai bất thực
Vị độ quần sinh giả lập quyền
Liễu liễu bản lai vô nhất vật.
Chân nguyên trạm tịch phục hoàn nguyên

(Mọi hiện tượng đều như hoa đốm giữa hư không, không có thực chất. Vì muốn độ quần sinh cho nên tạm đề cập tới chúng. Giác ngộ được rằng xưa nay không một hiện tượng đã từng hiện hữu thì Chân Nguyên vắng lặng trong trẻo trở về nguồn cội của nó).

Về phương diện phương pháp hành đạo, Chân Nguyên chủ trương rằng chìa khóa của sự đạt đạo là nuôi sáng ý thức mình về sự hiện hữu của tự tính "trạm viên", nguồn gốc chân thật của mình. Ý thức được như vậy thì mọi ý nghĩ, mọi hành động của ta tự nhiên đi vào con đường giác ngộ, và không cử chỉ nào của ta mà không phải là mầu nhiệm thần thông: mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc và ý nghĩ. Đó là sự "vận dụng của lục căn" trên căn bản ý thức về tự tính giác ngộ. Chân Nguyên nhắc lại điều này nhiều lần. trong Thiền Tông Bản Hạnh:

Hậu học đà biết hay chăng?
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời.
Thiêng liêng ứng khắcp mọi nơi
Lục Căn vận dụng trong ngoài thần thông.

Và trong bài kệ Thị tịch:

Hiển tích phân minh thập nhị thì
Thử chi tự tính nhậm suy vi
Lục căn vận dụng chân thường kiến
Vạn pháp tung hoành chính biến tri.

Nhưng dù sao, diễn tả cái thấy của mình vẫn là chuyện khó khăn; Chân Nguyên biết điều đó, cho nên một lần ông ta viết bài thơ này, coi như bài thơ đẹp nhất của vị thiền sư đã từng làm cho phát triển chấn hưng vào cuối thế kỷ thứ mười bảy:

Nói ra là bị kẹt
Không nói cũng chẳng xong
Vì anh đưa một nét
Đầu núi ánh dương hồng.

(Hữu thuyết giai thành báng
Vô ngộ diệc bất dung
Vị quân thông nhất tuyến
Nhật xuất lĩnh đông hồng.

NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ XUẤT SẮC CỦA CHÂN NGUYÊN

Chân Nguyên có nhiều đệ tử xuất sắc, trong đó Như Hiện và Như Trừng là hai người nổi bật nhất. Thiền sư Như Hiện được tiếp nối y bát của truyền thống Trúc Lâm, còn thiền sư Như Trừng lập được một thiền phái lấy tên là Liên Tông. Cả hai phái ấy sau này nhập lại làm một, và tăng sĩ của cả hai phái đều đóng góp tích cực vào việc phục hồi những tác phẩm đời trần.

Thiền sư Như Hiện

Hiệu là Nguyệt Quang, ông sinh ở làng Đường Hào ở Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Ông xuất gia năm mười sáu tuổi, tại chùa Long Động ở Yên Tử. trước khi Chân Nguyên mất, ông được trao y bát Trúc Lâm, kế thế cho chùa Long Động, Quỳnh Lâm và Nguyệt Quang, Năm 1730, các chùa Quỳnh Lâm và Nguyệt Quang dưới sự chăm sóc của ông được chúa Trịnh Giang trùng tu. Chúa cùng dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh góp sức vào việc xây dựng lại các chùa này. Gần mười ngàn người làm việc trong suốt một năm mới xây dựng xong hai ngôi chùa lớn của phái Trúc Lâm. Dân chúng ở ba huyện kể trên được miễn sưu dịch trong một năm, bảy năm sau, chúa Trịnh Giang lại cho đúc một pho tượng Phật rất lớn để thờ tại chùa Quỳnh Lâm.

Năm 1748, Như Hiện được vua Lê Hiển Tông ban chức tăng cương, và năm 1757 được sắc phong là Tăng Thống Thuần Giác Hòa Thượng. Ông dạy trên 60 đệ tử xuất gia. Thiền sư Tính Tĩnh là vị đệ tử được ông trao truyền y bát Trúc Lâm và kế thế các chùa Long Động, Quỳnh Lâm và Nguyệt Quang(57). Ông mất ngày mồng sáu tháng chín năm Ất dậu (1756).

Thiền sư Như Trừng

Tự là Lân Giác, hiệu là Cứu Sinh thượng sĩ, ông vốn là một vị vương công họ Trịnh. Ông tên là Trịnh Thập, con của Phổ Quang Vương, sinh ở tỉnh Thanh Hóa năm 1696. Lớn lên ông được vua Lê Hy Tông gả công chúa thứ tư cho. Ông có tư dinh tại phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương. Sau tư dinh là một cái đồi rất cao. Một hôm ông bảo người nhà đào hồ trên ấy để thả cá vàng; người nhà đào được một cọng sen lớn vào trình ông. Ông cho đó là điềm xuất gia, liền đổi làm nhà chùa, đặt tên là Viện Ly Trần, chùa Liên Tông, bắt đầu ăn chạy, học đạo, ngồi thiền. Sau đó ông dâng sớ xin xuất gia. Được vua chấp nhận ông lên thẳng núi Yên Tử làm lễ thiền sư Chân Nguyên tại chùa Long Động. Lúc đó Chân Nguyên đã tám mươi tuổi. Ông nổ lực học tập, sau đó được thụ giới, đắc pháp với Chân Nguyên và trở về tĩnh tu tại chùa Liên Tông. Trong thời gian hoằng hóa, ông có lập thêm chùa Hộ Quốc ở phường An Xá (cũng tại Thọ Xương) và chùa Hàm Long ở Quế Dương (Bắc Ninh). Hồi còn làm sa di pháp hiệu là Như Như tại chùa Long Động, ông có viết các bài

Ngũ Giới Quốc Âm và Thập Giới Quốc Âm bằng thơ Nôm lục bát. Ông tịch năm 1733, lúc mới được ba mươi bảy tuổi, có để lại bài kệ sau đây:

Gốc bắt nguồn từ nơi không gốc
Từ vô vi mà đến
Lại đi về vô vi
Ta không đến không đi
Tử sinh làm sao hệ lụy được?
(Bản tòng vô bản
Trong vô vi lai
Hoàn tòng vô vi khứ
Ngã bản vô lai khứ
Tử sinh hà tằng lụy?)

Thiền sư Tính Dược đệ tử ông, được chỉ định trú trì chùa Liên Tông, còn thiền sư Tịnh Ngạn trú trì chùa Hàm Long. Ngoài hai vị đệ tử lớn này, ông có nhiều đệ tử cao tăng khác: Tình Tuyền, Tịch Dự, Vũ Hoa, Chính Tâm, Phổ Toán và Thông Vinh. Tính Tuyền được ông gửi sang Trung Hoa du học và thỉnh kinh. Vị này lưu học tại chùa Khánh Vân núi Đỉnh Hồ ở Quảng Châu sáu năm(58), khi về có thỉnh theo được ba trăm bộ kinh và luật, cả thảy hơn một ngàn cuốn. Gần hai trăm bộ kinh đã được khắc bản và in lại để phổ biến trong xứ. Nhiều bản gỗ còn được chứa cất tại chùa Sùng Phúc và Kiến An.

Chùa Liên Tông sau này cũng được gọi là chùa Liên Phái, trung tâm của hệ phái do thiền sư Như Trừng thành lập. Các chùa Hộ Quốc, Hàm Long, Sùng Phúc, Nghiêm Xá, Thiên Quang, Phúc Ân, Vân Trai, v.v... đều là những tổ định thuộc phái này.

(còn tiếp)

---

(50) Thiền Tông Bản Hạnh
(51) Thiền Tông Bản Hạnh
(52) Thiền Tông Bản Hạnh
(53) Thiền Tông Bản Hạnh
(54) Thiền Tông Bản Hạnh
(55) Thiền Tông Bản Hạnh
(56) Đây là đoạn văn liên hệ dịch từ Kinh

Lăng Già:

"Này, Đại Tuệ, không phải trong mọi thế giới đều có sự sử dụng ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tác động vào tai. Ở nhiều nước Phật, người ta giáo hóa bằng nét mặt, hoặc bằng cách nhướng mắt, hoặc nhíu lông mày, hoặc mỉm cười, hoặc đằng hắng, hoặc nháy mắt, hoặc tư duy trầm lặng, hoặc dao động thân thể. Này Đại Tuệ, như các cõi Chiêm Thị và Hương Tích, cõi của Phổ Hiền Như Lai, người ta chỉ cần sử dụng cái nhìn mà cũng đủ làm cho các vị bồ Tát chứng được Vô Sinh Pháp Nhẫn (Anutpattikadharmakshanti), và các quả Tam Muội lớn lao khác. Phật lại bảo Đại Tuệ: Xem ngay trong thế giới này, ta cũng thấy các loài như ong, kiến, không hề dùng tới ngôn ngữ mà vẫn cũng có thể thi hành với nhau được bao nhiêu việc."

(57) Thiền sư Tính Tĩnh họ Trần, sinh năm 1692 ở Đông Khê. Sau khi đắc pháp với Như Hiện, ông trú tại chùa Nguyệt Quang.

(58) Tính Tuyền sinh năm 1674, xuất gia tại chùa Liên Tông năm 12 tuổi. Qua Trung Hoa năm 22 tuổi, ông học Phật và Thụ giới với Thiền sư Kim Quang Đoan tại chùa Khánh Vân. Ngày ông xuất dương, thiền sư Như Trừng có làm bài kệ sau đây để tiễn đưa:

Gương cổ thiền lâm bụi bám đầy
Vị Pháp quên mình đã mấy ai?
Tham vấn gương xưa còn nhắc nhở
Tám lần hành cước gắng hôm mai!

(Thiền lâm cổ kính cửu mai trầm
Vị pháp vong thân kỷ hứa nhân
Ngũ thập tam tham kim cổ tại
Bát tuần hành cước đã tân cần

Khi ông về nước thì Như Trừng đã viên tịch. Ông bèn lập đạo tràng tại chùa Càn An, tăng ni khắp chốn đến xin cầu học và thụ giới. Ông có công phục hồi phong thái thiền môn, khích lệ các tự viện chỉnh đốn việc nghiêm trì giới luật; nhờ đó nếp sống thiền gia trở nên có quy củ trở lại và đức tin của quần chúng nơi tăng đoàn tăng gia gấp bội. Ông tịch năm bảy mươi tuổi, vào năm 1744. Tháp ông được xây tại chùa Sùng Phúc và Hàm Long. Ông có để lại bài kệ sau đây:

Đạo lớn không lời
Vào cửa bất nhị
Pháp môn vô lượng
Ai người thừa kế?

(Chí đạo vô ngôn
Nhập bất nhị môn
Pháp môn vô lượng
Thùy thị hậu côn?)

(còn tiếp)

ĐIỀU ĐÁNG LO NHẤT

Vua Ba Tư Nặc nước kia
Một ngày bà mẹ chợt lìa trần gian
Nhà vua cùng với các quan
Cử hành tang lễ vô vàn trang nghiêm
Trong lòng vua rất buồn phiền
Nên vua cùng các tôi hiền ghé sang
Viếng thăm tịnh xá Kỳ Hoàn
Xin vào lễ Phật và hàng chư Tăng.
Ôn tồn Phật hỏi thăm rằng:
"Đại vương sao mặc áo tang thế này?"
Nhà vua buồn bã cho hay
Mẹ già, bệnh nặng, vừa đây qua đời.
*

Phật bèn an ủi đôi lời:
"Bốn điều lo ngại của người trần gian:
Sống thời thiếu thốn mọi đàng,
Già thời khô héo suy tàn tấm thân,
Bệnh thời đau đớn muôn phần,
Chết thời ly biệt. Có ngần ấy thôi!
Vô thường vạn vật muôn nơi
Luôn luôn chuyển biến không đời nào ngưng
Mạng người cũng tựa nước sông
Ngày đêm chảy mãi xuôi dòng trôi xa
Nào ai trong cõi người ta
Cùng dòng sông tắm được qua hai lần.
Đại vương hiếu thảo vô ngần
Hãy làm việc thiện cho dân được nhờ
Rồi đem công đức vô bờ
Một lòng hồi hướng về cho mẹ hiền
Khiến người siêu thoát cõi trên,
Ngài nơi trần thế cũng thêm phước lành
Khỏi vòng quanh quẩn tử sanh
Tương lai giải thoát tạo thành từ đây!"
*

Mặt rồng như tỉnh cơn say
Tràn lòng hoan hỉ, tan mây u sầu
Thấm nhuần giáo lý thâm sâu
Nhà vua hy vọng phép mầu tương lai
Giúp phần giải thoát mẹ ngài
Giúp vua quét sạch u hoài, lo âu
Bốn điều suy nghĩ từ lâu:
"Sinh, Lão, Bệnh, Tử" tiếp nhau xoay vần.

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO
(thi hóa phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

KẺ ĂN XIN TRONG SẠCH

Quảng Tánh

Sa-môn trên đường trì bình khất thực - Ảnh: Huyền Không Sơn Thượng

Một trong những định nghĩa Tỳ-kheo là khất sĩ, nghĩa đen là người hành khất, kẻ ăn xin. Về hình thức thì mọi kẻ ăn xin đều giống nhau ở chỗ là không làm lụng để tự nuôi sống mà xin vật thực từ người khác bố thí cho. Chỉ khác là, khất sĩ thì nguyện làm những kẻ ăn xin trong sạch. Trong sạch từ ngoài vào trong; ngoài thì khất thực với uy nghi và cách thức đúng như pháp, trong thì luôn giữ tâm ý thanh tịnh. Nên nguyện làm kẻ ăn xin trong sạch cũng chẳng phải dễ dàng!

"Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

- Ngươi từ đâu lại?

Xá-lợi-phất đáp:

- Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại.

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

- Hôm nay ngươi nhập vào thiền nào mà an trú?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trú thiền Không tam-muội.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay ngươi đã nhập thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vầy:

Khi vào thành, khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: "Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ân ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?". Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khất thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khất thực trụ.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 236)

Nhân Tôn giả Xá-lợi-phất cho biết vừa nhập an trú thiền Không tam-muội, Thế Tôn tán thán đó là thiền trú của bậc thượng tọa, và dạy các Tỳ-kheo trẻ, muốn thành tựu thiền chứng cao quý ấy, trước nên thực hành 'an trú khất thực thanh tịnh,' nguyện làm kẻ ăn xin trong sạch. Nghĩa là thiền không hẳn chỉ có ngồi yên nơi thanh vắng mà cần hành thiền khắp mọi lúc, mọi nơi, trong tất cả oai nghi đi-đứng-nằm-ngồi. Quan trọng nhất là sự tự chủ với chánh niệm cao độ, giữ tâm ý trong sạch khi đối duyên xúc cảnh trong lúc vào làng xóm, phố phường hóa duyên khất thực.

Cốt tủy của lời Phật dạy là giữ vững chánh niệm khi đối duyên xúc cảnh. Sáu căn duyên sáu trần, vừa ý thì thức sinh ái nhiễm; không vừa ý thì sinh tâm sân hận chối bỏ. Tiếp xúc càng nhiều cảnh trần đẹp đẽ, vừa ý thì ái niệm càng sâu nặng, dính mắc càng khó dứt trừ. Khi nhận ra tâm có ái nhiễm thì "phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm" quyết không mất chánh niệm. Việc này xảy ra bên trong tâm ý của mỗi người, chỉ tự mình biết mà thôi. Tuy nhiên không vì vậy mà dễ duôi, phải nỗ lực và gấp rút như "cứu lửa dữ đang cháy trên đầu" thì mới giữ vững tâm ý. Ngược lại, khi đối duyên xúc cảnh mà thức không sinh đắm nhiễm cũng rõ biết tâm ý của mình để an trú trong tịnh lạc. Được như vậy, Thế Tôn gọi là "Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khất thực đã được thanh tịnh," cũng là thiền trú của bậc thượng tọa.

NGÀY Ý THỨC VỀ CĂNG THẲNG

Nguyên Giác

Chữ "căng thẳng" là dịch sát nghĩa của chữ "stress" trong tiếng Anh. Ai cũng biết rằng căng thẳng là cội nguồn của rất nhiều tai họa. Căng thẳng ở tầm mức quốc tế sẽ dẫn tới, nặng là chiến tranh, nhẹ là cấm vận. Căng thẳng ở tầm mức xã hội là biểu tình, là rút dao, nổ súng. Căng thẳng ở tầm mức gia đình hễ nặng bạo lực gia đình, nhẹ sẽ là bể chén dĩa, và khi bất khả hòa giải là sẽ ly tan, chỉ hại cho đàn con.

Căng thẳng cũng có thể gây nhiều bệnh nguy hiểm. Theo Mayo Clinic, hội chứng căng thẳng có thể tác động vào cơ thể của bạn, vào suy nghĩ của bạn, vào cảm thọ của bạn, và vào cả thái độ của bạn. Căng thẳng không hóa giải được sẽ gây bệnh, như cao huyết áp, bệnh tim mạch, bệnh mập phì và bệnh tiểu đường.

Đó là lý do có một ngày được chọn là Ngày Quốc Tế Ý Thức Về Căng Thẳng. Ngày này trong năm 2017 là mới hôm Thứ Tư ngày 01 tháng 11/2017. Cũng là ngày để các bác sĩ nhắc nhở mọi người cảnh giác về các sát thủ tàng hình đang len lén bước theo các cảm xúc căng thẳng khó đối trị.

Ngày Ý Thức Căng Thẳng theo truyền thống là Thứ Tư đầu tiên trong tháng 11 hàng năm. Do vậy, ngày này tuần tự trong các năm là ngày 1 tháng 11/2017, sẽ là ngày 7 tháng 11/2018, sẽ là ngày 6 tháng 11/2019, sẽ là ngày 4 tháng 11/2020.

Nhưng ý thức là một chuyện, còn khi căng thẳng tới bằng đôi cánh sát thủ tàng hình dĩ nhiên là khó đối trị. Có biết bao nhiêu chuyện trên đời này làm chúng ta căng thẳng. Thí dụ, ra đường, đụng xe. Chạy nhanh một chút, bị cảnh sát phạt. Buổi sáng nổ máy xe, thấy chết bình điện, phải gọi xe kéo tới tiệm sửa xe. Hay khi nghe tin một người thân từ trần. Hay khi nghe chuông điện thoại, nhấc lên nghe, biết tin quê nhà bão lớn, khu phố mấy đứa em đang ở bị ngập lụt, chờ ghe tới cấp cứu. Và vân vân…

Cõi này tất nhiên là bất như ý. Vấn đề là, làm sao kham nhẫn?

Đối phó căng thẳng không khéo là sẽ bệnh. Theo trang WebMD, căng thẳng là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới bệnh, và rồi bệnh liên hệ căng thẳng đó chiếm tới 90% toàn bộ các chuyến đi tới phòng mạch để khám bệnh của dân Mỹ. Trong đó, căng thẳng tính chung làm kinh tế Mỹ trung bình mất 600 tỷ đôla/năm.

May mắn vô cùng tận, Đức Phật có phương thuốc thần diệu: Đạo Phật là để nhận ra khổ, và bước vào con đường thoát khổ.

Do vậy, sá gì căng thẳng trong xã hội đời thường… Trí thức quốc tế đã nhận ra sức mạnh tuyệt vời của Phật Giáo, và từ đó Thiền tỉnh thức (Mindfulness) được dùng như công cụ hiệu lực để đối trị căng thẳng.

Vâng, cả các chính trị gia cũng nhận ra như thế. Như bên Anh quốc: hẹn nhau dự một hội nghị thượng đỉnh cấp Bộ Trưởng và Dân Biểu, tới ngồi bên nhau, cùng lim dim mắt, thở phì phò…

Báo Anh quốc The Guardian, số báo ngày 13/10/2017, với bài viết nhan đề "'Way ahead of the curve': UK hosts first summit on mindful politics" (Đi trước vòng cung: Anh quốc tổ chức hội nghị thượng đỉnh đầu tiên về chính trị tỉnh thức)…

Một số Bộ Trưởng chính phủ Anh quốc và Sri Lanka (Tích Lan), một dân biểu trong Đảng Likud của Israel, nhiều chính khách từ hai nước trên và Thụy Điển cùng với chính khách từ 15 quốc gia cùng tới tòa nhà Hạ Viện Anh Quốc tuần sau đó để thảo luận xem có Mindfulness có thể giúp được gì cho các nền chính trị quốc tế và cấp quốc gia. Chính khách cao cấp nhất của chính phủ Anh quốc dự thượng đỉnh này là Bộ Trưởng Thể Thao Tracey Crouch.

Đặc biệt, thượng đỉnh về Thiền tỉnh thức này có tham dự của Dân biểu Hoa Kỳ Tim Ryan, người viết sách và tích cực quảng bá Thiền này từ lâu và dự kiến sẽ là ứng cử viên Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2020. Và cũng đặc biệt, có tham dự của Giáo sư y khoa

Jon Kabat-Zinn, người ứng dụng Thiền Phật Giáo để trở thành phương pháp Tỉnh thức để giảm căng thẳng MBSR nhằm chữa các bệnh kinh niên.

Thực tế, MBSR khi ứng dụng để giảm đau tại các bệnh viện, rồi dùng luyện tâm trong quân đội, thư giãn trong công ty, giữ bình lặng trong giáo dục... đã được sửa đổi cho thích nghi với nhiều thành phần ở nhiều môi trường khác nhau. Và có khi các phiên bản Thiền tập mới lại mang tên khác nhau.

Theo The Guradian thống kê, từ năm 2013, đã có 145 dân biểu Anh quốc tham dự một khóa dài 8 tuần lễ để thực tập Thiền tỉnh thức.

Nếu muốn tu giải thoát, sẽ rất là gian nan, cần tận lực không ngừng. Nhưng sẽ rất đơn giản hơn, nếu bạn chỉ muốn giảm căng thẳng, hay giảm đau, hay chữa một vài bệnh.

Sau đây là một số hướng dẫn thực tập căn bản về Thiền tỉnh thức, tổng hợp từ nhiều trang y tế. Bạn có thể chọn cách nào thích nghi, hay xoay chuyển, hay tuần tự thay đổi. Và nên tập suốt ngày, nghĩa là, bất cứ khi nào nhớ tới. Tới khi quen rồi, chỉ cần vài hơi thở, bạn sẽ thấy nhẹ nhàng và các bực dọc sẽ bay biến rất nhanh. Tuy cội nguồn từ Phật giáo, nhưng khi ứng dụng vào y khoa đã gỡ bỏ các yếu tố tôn giáo để thích nghi cho mọi thành phần.

Nếu bạn đang ngồi làm việc trong hãng, hay đang ngồi học ở bệnh viện, có thể ngồi thẳng lưng, mắt chỉ hé mở hướng về phía trước, hơi thở dịu dàng, hướng tâm vào hai lòng bàn chân đang áp sát mặt đất. Giữ hơi thở như thế vài phút sẽ thấy nhẹ nhàng, giúp tăng trí nhớ, lòng vui hơn. Hướng tâm vào dưới hai lòng bàn chân là lời khuyên của nhiều bác sĩ, hẳn là có diệu dụng về sức khỏe.

Nếu bạn đang nằm, thí dụ, sắp ngủ, có thể nằm duỗi người ra, hình dung bắp thịt từ dưới ngón chân lên đỉnh đầu buông xả hết theo hơi thở nhẹ nhàng, cứ như người chết.

Khi bạn ngồi, hay đang đi bộ ngoài hành lang, hãy hít thở sâu, hơi thở nhẹ nhàng, hơi thở tự nhiên, thư giãn toàn thân, không cố gắng gì, thở dài biết thở dài, thở ngắn biết thở ngắn.

Khi bạn đang đi đứng nằm ngồi, hãy cảm nhận về không khí chung quanh, lạnh hay ấm, có ảnh hưởng làm ấm hay lạnh tới làn da và cơ thể của bạn hay không, hãy đón nhận cảm thọ đó, đừng bực dọc, và đừng ưa thích, chỉ để tự nhiên nhận ra.

Khi bạn đi đứng nằm ngồi, hãy nhận ra các niệm khởi trong tâm, lặng lẽ nhận ra như thể bạn đang lùi ra xa để nhìn về sân khấu, nhận ra khi niệm khởi và nhìn cho tới khi niệm biến mất… và rồi tương tự với tất cả niệm. Dần dần, niệm sẽ giảm, tâm bạn sẽ dịu dàng, lặng lẽ…

Bạn có thể cảm thấy khó chịu nơi nào đó trong thân, hãy chú ý về nơi đó của cơ thể, hãy nhận ra nơi đó cảm thọ (như ngứa, nhức, đau, tê…) khởi lên, nhận ra cảm thọ biến đổi (nhiều hơn, hay giảm bớt) và nhận ra cảm thọ biến mất; và có thể bạn cần có hành động thích nghi, thí dụ gãi nhẹ, hay xoa bóp nhẹ nơi đau nhức đó. Hay đơn giản làm việc khác.

Bạn không nên phản ứng tức khắc khi gặp một tình hình bất chợt xảy ra. Hãy tỉnh thức, ngưng giây lâu, suy nghĩ tìm giải pháp. Thí dụ, nhấc điện thoại lên, bị người bên kia đầu dây mắng xối xả… Bạn chớ phản ứng gấp, hãy tỉnh giác, từ từ nghe và suy tính…

Có những khi căng thẳng, bạn tập thể dục hay chạy bộ vài phút, cũng đủ để bình lặng trở lại.

Hãy giữ tâm tỉnh thức với hiện tại; chớ luyến tiếc hay bực dọc gì về quá khứ; chớ mơ tưởng lạc quanhay bi quan về tương lai.

Đôi khi, hãy lặng lẽ lắng nghe hay ngửi mùi hương, chớ phê phán gì, chỉ nghe là nghe và chỉ ngửi là ngửi. Bạn sẽ nhận ra những giây phút tỉnh thức và hạnh phúc khác lạ, nhưng chớ giải thích gì làm chi, cũng chớ níu kéo hay xua đẩy các cảm thọ buồn/vui, ưa/ghét.

Hãy tỉnh thức với từng cử chỉ đang làm trong hiện tại, và giữ tâm thư giãn, sống với "tâm đang là" chớ không phải sống với "tâm phải là" và cũng chớ sống với "tâm cần là."

Hãy ý thức về các thức ăn thích nghi với cơ thể, và khi ăn hãy nhai thật chậm, tỉnh thức.

Có khi bạn ngồi, hay nằm, hãy thở nhẹ nhàng, và hướng tâm scan cơ thể, hướng tâm rất chậm nghĩ về từng nơi trên cơ thể, chậm chậm từ chân hướng lên đầu. Chỉ cảm thọ từng nơi thôi.

Có những ngày, không đối trị được căng thẳng, vì trong đời có khi bạn phải hứng chịu những sân si vô lý từ người khác (kể cả người mà bạn quý trọng hay yêu thương), bạn hãy đứng dậy đi bộ vài phút ngoài trời, quan sát cảm thọ trên từng làn da.

Tập Thiền tỉnh thức một thời gian, bạn sẽ cảm thấy dễ tập trung tư tưởng hơn, dễ giữ tâm bình lặng thư giãn hơn, tự biết cách đối trị căng thẳng. Lúc đó, hãy tìm kinh sách Phật giáo để đọc, để hiểu tận tường hơn về giáo lý giải thoát – và bạn sẽ thấy hạnh phúc vô cùng tận trong từng khoảnh khắc một.

Như thế, trong khi thế giới chỉ có một Ngày Ý Thức Về Căng Thẳng trong một năm, bạn sẽ có trọn năm toàn bộ tới 365 Ngày Hạnh Phúc Với Tỉnh Thức.

KHI LUYỆN VÀNG, KHÔNG ĐƯỢC NGHĨ TỚI CON KHỈ

LÂM THANH HUYỀN
Minh Chi dịch

Lấy thái độ gì để đối xử với tình dục? Có hay không một phương pháp giản đơn, có thể dùng được để cho người tu tại gia có thể chuyển hóa được tình dục, không để cho tình dục gây trở ngại cho sự tu hành.

Có một chuyện xưa Ấn Độ, có thể giúp khai thông vấn đề, ngày xưa ở vùng Bắc Ấn Độ, gần chân núi Hi Mã Lạp Sơn (Himalaya) có một làng rất nghèo, người dân trong làng rất thiếu thốn tiền. Một ngày, có một cụ già từ xa đến, mang trên vai một cái nồi và một chiếc gậy sắt. Cụ già chọn một nơi trống, trải một miếng vải ra rồi nằm ngủ. Vì làng này nhỏ và ở xa, rất ít người ngoài đến, cho nên dân làng tò mò, chú ý theo dõi cử động của cụ già.

Cụ già, sau khi nghỉ ngơi một lát, bèn thức dậy, bắc nồi châm lửa, rồi lấy gậy sắt khua trong nồi. Khua mãi, khua mãi, không ngừng tay. Dân làng tụ tập xung quanh nhìn. Một người hỏi: "Thưa cụ, cụ khua cái gì trong nồi?" Cụ già trả lời: "Ta đang luyện vàng." Người làng nhao nhao hỏi: "Luyện vàng thế nào nhỉ?" Cụ già nói: "Cứ xem thì khắc biết." Nói xong lại tiếp tục khua, khua mãi và cuối cùng lấy ra một cục vàng. Dân chúng trong làng nhốn nháo cả lên và chạy về nói cho nhau biết về chuyện đó.

Buổi tối cụ già ngủ, nhưng cả làng đều thức. Và thảo luận với nhau về câu chuyện kỳ lạ đó. Kết quả cuộc thảo luận là người làng quyết tâm phải học cho được thuật luyện vàng, trước khi cụ già rời khỏi làng, để cho dân làng trở nên giàu có. Họ bèn quyết định thu thập tiền của tất cả người làng lại, để mua cho được thuật luyện vàng của cụ già. Ngày hôm sau, dân làng cử một vị trưởng lão đại diện đến gặp cụ già.

Sớm ngày thứ hai, cụ già lại luyện vàng. Mọi người thấy cụ già lại lấy gậy sắt khua nồi, và luyện ra được một cục vàng nữa. Người làng bái phục cụ già sát đất. Vị trưởng lão đại diện cho làng bèn đề nghị cụ già dạy cho thuật luyện vàng. Cụ già nói: "Không được. Thuật này rất khó học." Người làng đồng thanh nói: "Không can chi, chúng tôi đều muốn học, và xin nộp tiền để cụ dạy cho." Cuối cùng, cụ già cũng đồng ý. Cụ thu tiền và giao lại cái nồi và cây gậy sắt cho vị trưởng lão, và nói với trưởng lão rằng: "Luyện vàng rất dễ, chỉ cần lấy gậy sắt nầy khua trong nồi thì lập tức có vàng, nhưng cần đặc biệt chú ý một điều, là khi khua nồi, không được nghĩ tới con khỉ. Nếu nghĩ tới con khỉ thì sẽ không có vàng xuất hiện."

Trưởng lão nói: "Thực là quá dễ." Bèn ngồi xuống luyện vàng. Nhưng không biết vì sao, vị trưởng lão một mặt khua nồi, một mặt cứ nghĩ tới con khỉ, cho nên khua nồi mãi không ra vàng. Tuyệt vọng bèn thôi không khua nồi nữa. Ngày thứ hai, giao cho người khác khua nồi, và nhắn lại người này rằng: "Chỉ cần khua nồi, sẽ có vàng nhưng không được nghĩ tới con khỉ..."

Kết quả là người thứ hai cũng thế. Một mặt khua nồi, một mặt nghĩ tới con khỉ.

Người cả làng thay nhau luyện vàng, nhưng không có người nào thành công, vì người nào cũng vừa khua nồi vừa nghĩ tới con khỉ.

Câu chuyện xưa rất có ý nghĩa. Nó cho thấy rất khó khống chế được ý nghĩ của mình. Người có thể khống chế được hoàn toàn ý nghĩ của mình thì sẽ luyện ra vàng ngay!

Đoạn trừ tình dục, thì sẽ lăn lộn trong tình dục. Hãy thử đấu sức với tình dục, sẽ không khác gì người dân làng luyện vàng muốn khống chế ý nghĩ của mình cố gắng không nhớ tới con khỉ.

(trích TIN TỨC TỪ BIỂN TÂM)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC
THIỀN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
1105 Hind Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
DT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

THÔNG BẠCH (SỐ 1)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng - Ni
Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Được sự ủy nhiệm của Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, thừa lệnh tăng sai, trên tinh thần "Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bổn hoài". Và để Chư Tôn Đức Tăng Ni và Thiện nam tín nữ Phật Tử khắp nơi có cơ duyên cùng được câu hội về một trú xứ huân tu đạo nghiệp, góp phần làm cho mạng mạch Phật Pháp được trường lưu, tứ chúng hoà hợp cộng tu, trưởng dưỡng đạo tâm ngõ hầu thắp sáng lên ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ giữa bóng đêm vô minh phiền não khổ đau. Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 năm tới - 2018 sẽ do Thiền Viện Chân Không - Hawaii đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:

- *Địa điểm*: **ALA MOANA HOTEL**
  410 Atkinson Drive, Honolulu, Hawaii 96814
- *Thời gian*: **Từ Thứ Năm đến Thứ Tư, ngày 13-19 tháng 9 năm 2018.**
  (Chương trình tu học sẽ được ghi rõ trong Thông Bạch Số 2)

Chúng con kính trình lên Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni chứng minh, cầu thỉnh quý Ngài gia tâm cầu nguyện và nhất tâm kiền thỉnh quý Ngài hoan hỷ quang lâm chứng minh yểm trợ cho Khoá Tu Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 này được thành tựu viên mãn. Đồng thời, kính thông báo đến Quý Phật Tử cùng biết để sắp xếp thời gian và công việc gia đình ghi danh tham dự Khóa Tu, thể hiện tinh thần quý trọng Pháp Bảo hiện có mà chúng ta được phước duyên để tu học.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu, đạo thọ miên trường, mãi mãi là bóng đại thọ che mát cho hàng hậu học. Kính chúc quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, Bồ đề tâm kiên cố để nỗ lực thăng tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Hoa Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 2017
TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HẢI

ĐƯỜNG MÂY XANH CUỘC LỮ

* Tặng anh Huỳnh Hồng Quân

Tôi nghe anh kể chuyện đời anh
Vó ngựa đòi phen dậy sóng thành
Dù đã một thời cao mộng ước
Lòng còn vời vợi dưới trời xanh.

Nát lệ, đã đành cuộc bể dâu
Nỗi niềm thế sự đến ngàn sau
Dù mai sau nữa, lòng ta vẫn…
Theo bước thời gian, cứ ngẩng đầu!

Tôi cũng bao phen vầy gió bụi
Ngược xuôi, thành bại… thế nhân ơi!
Nhưng bờ chiến tuyến trong tâm tưởng
Giữ vẹn lòng son với cuộc đời.

Dẫu biết hôm qua nỗi buồn kiếm khách
Máu lệ bao mùa đổ xuống quê hương
Đâu nhân nghĩa, đâu rạch ròi ác quỷ!?
Non nước ngàn năm, từng khúc đoạn tang thương.

Đời ta cũng một thời nơi quê mẹ
Mấy buồn vui, áo mẹ bạc vai gầy
Lòng cõng nắng mưa, đá mòn đất nẻ
Vẫn trọn bốn mùa xuân xứ sở mầy.

Ai biết đâu, ngày mai mây theo cuộc lữ
Dành cho ta vùi giấc mộng sông hồ
Nhưng đâu phải tâm hồn ta loài lau sậy,
Sớm chiều lụy kiếp giữa hoang sơ.

Có những đêm nghe rừng xa vọng lại
Tiếng ma hời rờn rợn giữa canh thâu
Tiếng cú lạnh, buốt bên trời hoang tái
Tiếng sói lang tru gọi nát cung sầu…

Ta viễn xứ,
Nhưng lòng không viễn xứ
Đời tha hương, vẫn giữ nếp quê nhà
Thời gian có bạc phai lên màu áo cũ
Dễ đâu bạc nguồn đạo lý của ông cha.

Bây giờ như bóng nắng tà
Bên thềm thế kỷ cỏ hoa tự tình
Bây giờ mình lại ngắm mình
Vẫn xanh cuộc lữ đăng trình hoàng hôn.

(New Orleans)

SAO BẰNG…

Dù có bao nhiêu lụy sóng thành
Sông còn sâu đó, núi còn xanh.
Đã qua giấc mộng sương tan nắng
Lại thấy niềm đau mây rũ mành.
Những nghĩ hoài mơ màu cẩm tú,
Mà sao chưa vẹn nét đan thanh.
Ô hay, mới biết đời trăm ngả,
Biết ngả nào đây giữa bại thành!

Giữa bại thành, ta vẫn một trời
Sá chi phương ngoại nước mây trôi.
Sắt son những lúc nên thân ấy,
Cơm áo đôi khi nát chữ rồi.
Mộng tưởng đêm về trăng chếch bóng
Hư danh chiều xuống lệ rưng ngươi.
Sao bằng nghĩa cử Nhơn-Trung-Hiếu
Cho cả tình quê, cả cuộc đời.

(South Dakota, tháng 10.2017)

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CHỈ LÀ MỘT NẮM TRO

Ni sư Thích Nữ Hạnh Chiếu

"Chỉ là nắm tro" không phải là một bài kinh trong kho tàng Phật điển, mà nó là một thực tế. Thực tế ấy tôi đã chạm mắt, đã sờ mó được. Từ đó tôi có một cảm nhận riêng, xin được chia sẻ với tất cả các bạn đồng tu nắm tro này.

Vì là nữ nên Hòa thượng sắp xếp ở thiền viện ni tức Linh Chiếu. Cụ lớn tuổi nên không nhập chúng, mà ở cái thất trong khuôn viên thiền viện do Hòa Thượng cất cho. Vì thế chúng tôi xem cụ như một thiền sinh ni của viện. Cụ rất siêng tu, không bao giờ lơi lỏng, tự lực lo cho mình mọi việc, ít làm phiền đến chư Ni. Năm 91 tuổi cụ vẫn tự quét nhà, rửa chén, giăng mùng, không phải nhọc nhằn ai, sáng suốt minh mẫn và rất dễ thương. Đến 92 tuổi cụ mất, ra đi hết sức nhẹ nhàng, không giật mình giật mẩy, không làm kinh động đến đại chúng.

Khi được tin cụ yếu, tôi sang thăm. Cụ nhìn tôi quá đỗi hiền lành rồi khép nhẹ đôi mắt, đi hồi nào tôi không hay. Thiền viện lo hết chuyện hậu sự. Hỏa táng xong, buổi chiều tôi cùng chư ni đi lấy cốt. Phần xương cho vào hủ đem về nhập tháp Liên Hoa tại Thường Chiếu, còn lại phần tro quý cô hốt vô bao ni lông đem đến cầu Long Sơn - Bà Rịa.

Tại đây tôi được chư huynh đệ chỉ cho dãy núi Long Sơn thật trầm mặc nằm sâu lắng bên trong. Dòng sông trước mắt cũng trôi chảy yên ả quá chừng, làm như không có chuyện gì phải buồn phải vui. Sạch và trong văng vắt. Tôi thật bất ngờ về một miền đất gần gũi với mình. Ở đó có một dòng sông tinh khiết, yên tĩnh, như không hề bận tâm tới chuyện phố thị rộn ràng bên ngoài.

Huynh đệ chia nhau nắm tro sau cùng của người pháp lữ cao niên rải xuống dòng sông. Nắng chiều óng ánh chiếu xuống màu áo lam, màu xám tro, màu sông nước, màu trái tim huynh đệ lần chia tay. Đẹp và cảm động vô cùng. Khi tôi bốc nắm tro rải xuống, bụi tro bay bay trong hư không, từ từ tan loảng rồi hòa vào sông nước. Về đến thiền viện, ngồi lặng lẽ trong phòng, tôi như ngộ ra một điều: **đời người chỉ là nắm tro.**

Thật ra chuyện này chúng ta ai cũng biết. Tôi cũng biết. Nhưng mãi đến khi chính bản thân mình cầm nắm tro của bà cụ, mà trước đó mình ngồi một bên, còn nhìn, còn nói, còn cười gọi tên… bây giờ lại là nắm tro, cũng do chính tay mình đem gởi xuống dòng sông. Bỗng dưng tôi cảm nhận sâu sắc về một đời người, chung cuộc của chiếc thân tứ đại, ai cũng như ai, chỉ là nắm tro. Đã là nắm tro thì không có nắm tro nào sang hơn nắm tro nào, không có nắm tro nào vinh quang hơn nắm tro nào, không có nắm tro nào ti tiện hơn nắm tro nào. Tự nhiên bao nhiêu muộn phiền, toan tính trong lòng rớt xuống. Bởi vì mình đã là nắm tro thì không có lý do gì đi phiền não các nắm tro khác.

Chúng ta ít nhiều đã đánh mất cả một quãng đời của mình trong phiền lụy, khổ đau. Cuối cùng tứ đại này không mang theo được vì nó chỉ là nắm tro, chỉ mang theo nghiệp mà thôi. Sao ta không tự hỏi vì cái gì mà ta tạo nghiệp, vì ai mà ta tạo nghiệp? Vì nắm tro mà tạo nghiệp! Có vô lý không. Phải chi vì vàng vì ngọc mình tạo nghiệp cũng được đi, nhưng vì nắm tro mà tạo nghiệp thì oan uổng quá. Tạo nghiệp để mưu cầu hạnh phúc, không ngờ lại chuốt quả khổ đau. Bởi vì ranh giới giữa hạnh phúc và khổ đau nằm ở chỗ nào, chúng ta không biết được.

Chẳng hạn trời đang nóng mình thèm ăn kem. Ăn được một cây kem thật tuyệt vời, có thể gọi là hạnh phúc. Ăn thêm một cây nữa, cũng còn hạnh phúc. Thêm một cây nữa thì… hết hạnh phúc, bởi vì nó sắp nôn ra đây nè. Nếu ăn kem là hạnh phúc thì càng ăn càng hạnh phúc, ăn một cây hạnh phúc chỉ có một, ăn hai cây hạnh phúc nhân đôi, ăn ba cây hạnh phúc nhân ba. Tại sao ăn ba cây lại hết hạnh phúc? Thì ra chúng ta đã hiểu lầm về hạnh phúc. Hạnh phúc là gì? Là vừa lòng. Tạm định nghĩa ngắn gọn như vậy đi.

Mình cho rằng cái gì vừa lòng, thích thú, thỏa mãn là hạnh phúc, mà không biết rằng cơ thể chúng ta, tâm tư chúng ta không bao giờ thỏa mãn được hết. Khi tham là cứ muốn thêm, mà sự tiếp nhận của thân tứ đại có chừng mực. Đến lúc nó không tiếp nhận được nữa, mà nghiệp tham vẫn lôi kéo, thế là có sự xung đột giữa thân và tâm. Như vậy là mất hạnh phúc.

Phật dạy các pháp chỉ là duyên sinh thôi, chứ không có cái gọi là chân thật trong đó. Chúng ta luôn mong muốn mình sống thì phải được vừa lòng hoài, nhưng các duyên không biết chuyện ấy. Nó cứ đến cứ đi, cứ họp cứ tan theo cách của nó. Mình không vừa lòng

thì thôi, nó không chiều mình. Cho nên rốt lại hạnh phúc không có thật. Nó chỉ là ảo giác của cảm thọ.

Cảm thọ có ba:

Một là thọ khổ. Khi gặp những cảnh trái ý, nghịch lòng chúng ta không thích, gọi là thọ khổ.

Hai là thọ lạc. Gặp những cảnh vừa ý thuận lòng, chúng ta thích thú sung sướng, gọi là thọ lạc.

Ba là thọ không khổ không lạc. Khi gặp cảnh bình thường, chúng ta cũng thấy bình thường, gọi là thọ không khổ không lạc.

Trong ba cái thọ này, có một số người thích thọ bình thường. Tại sao? Vì họ bảo có vui thì có khổ. Do sợ khổ nên không dám nhận vui, Lo xa như thế. Thì ra vì né cái khổ mà tránh cả cái vui, chớ không phải giác ngộ cái vui tạm bợ của thế gian vốn không thật. Do đó mà chọn thọ bình thường. Nhưng Phật nói rõ thế này: Ba cái thọ đó đều vô thường, ngay cả thọ bình thường cũng không thường.

Tóm lại, có thọ là có khổ. Chẳng hạn bây giờ mình không buồn cũng không vui, nhưng có chuyện buồn tới mình sẽ buồn. Chúng ta chọn cái bình thường, nhưng ngoại duyên không mãi bình thường được, nó luôn thay đổi.

Ngoại duyên đến từ bên ngoài, chúng ta không thể chủ động được. Trong toàn bộ đời sống, con người chỉ chủ động một phần, còn lại phần lớn là bị động bởi các duyên bên ngoài. Như thời tiết tốt chúng ta thấy bình thường, dễ chịu, nhưng nếu nước lụt lên thì sao? Khổ liền. Các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam bộ lụt hoài, dân mình cứ phải sống theo con nước, hoàn toàn không thể chủ động được. Đâu có ai muốn lụt, nhưng nước vẫn cứ dâng. Đó là duyên bên ngoài. Đến duyên bên trong lục phủ ngũ tạng của chúng ta cũng thế. Có ai muốn bệnh đâu, mà sao vẫn cứ bệnh. Già có bệnh của già, trẻ có bệnh của trẻ. Ngày nay trẻ đã bệnh kể những bệnh của người già. Như vậy thân của mình mà mình nói nó không nghe, biểu đừng bệnh mà vẫn cứ bệnh. Rõ ràng chúng ta mất quyền tự chủ đối với thân tứ đại này rồi. Cho nên Phật bảo thân này không phải của mình.

Đã không phải của mình, tại sao người ta nặng nhẹ một chút mình lại nổi sùng? Chúng ta khổ vì chúng ta lầm. Đơn giản vậy thôi. Hàng xóm mích lòng nhau là vì hiểu lầm. Phật nói **thân này là duyên sinh**, do bốn chất đất nước gió lửa hợp thành, đó là phần thân, còn phần tâm là do nghiệp dẫn. Chúng ta tạo nghiệp, rồi nghiệp quay trở lại lưu dẫn chúng ta thọ sanh. Cho nên đời quá khứ chúng ta tạo nghiệp gì nhiều, đời sau sanh ra rất quen thuộc với nghiệp ấy. Thương ai nhiều, ghét ai nhiều, nhắc ai nhiều thì đời sau được gặp lại thôi.

Nếu đời quá khứ ta đã là người tu, đời này sanh ra thấy chùa muốn tu ngay. Đời quá khứ là ca sĩ, đời này nghe nhạc là hát. Hát rất hay mà không cần ai chỉ vẽ, vì đã huân tập rồi. Nhiều thiên tài xuất hiện dưới dạng thần đồng, người ta bảo là thiên tư, thật ra nó là dòng nghiệp được nối tiếp từ đời trước.

Tuy nhiên, đạo Phật bảo nghiệp cũng không thật, có thể thay đổi được. Bởi vì nó do duyên tạo tác, luôn thay đổi sinh diệt. Nếu thật thì nó còn hoài và không thể sửa đổi. Song nó luôn biến dịch nên chúng ta có thể thay đổi được. Khi mê chúng ta tạo nghiệp xấu, nhưng tỉnh rồi không tạo nghiệp xấu nữa, mà tạo nghiệp thiện. Ví dụ chúng ta mê nên có tham sân si, nếu sáng suốt tỉnh táo ta sẽ không thèm tham sân si nữa. Điều đó có người đã làm được, như các bậc thánh nhân, cao tăng xưa cũng như nay. Nhờ thế chúng sanh mới có thể tu thành Phật.

Có người thấy tiền thích, có người thấy tiền không thích vì họ không có nhu cầu. Nhu cầu thường không nhất định, do quan niệm và sở thích của mỗi người mà phát sinh. Muốn bớt tham thì bớt nhu cầu. Muốn không tham thì không có nhu cầu. Vậy thôi. Cho nên tham tiền hay không tham tiền, chúng ta làm được, nếu muốn. Giữa hai nghiệp thiện và ác, mình muốn làm ác cũng được, muốn làm thiện cũng được. Làm ác thì nghiệp ác dẫn đi trong đường ác. Làm lành thì nghiệp thiện dẫn đi trong đường lành. Tất cả đều do chúng ta quyết định.

Có người thắc mắc, khi chết rồi đi về đâu ai mà biết được?

Về vấn đề này, chúng ta có thể lý giải sự có mặt của nghiệp qua những gì mình thấy biết trong đời hiện tại. Như một gia đình, cha mẹ sanh ra ba đứa con. Chúng được chăm sóc như nhau, mà ba đứa không đứa nào giống đứa nào. Chúng khác nhau trên mặt mày, trên tánh tình. Tại sao cùng cha cùng mẹ, cùng sống trong một môi trường, cùng nhận sự yêu thương chăm sóc như nhau mà lại khác nhau? Nhiều đứa bé mới hai ba tuổi đã thể hiện những đường nét riêng của nó. Đường nét riêng này ở đâu ra? Đâu có chuyện khơi khơi mà ra, chứng tỏ nó có chủng tử nghiệp từ đời trước.

Thêm điều này nữa, chúng ta vừa thấy người nào đó thì mến liền, mặc dù chưa nói chuyện với nhau lần nào. Người ấy có thể dễ mến với mình, nhưng chưa hẳn dễ mến với

người khác. Cũng thế, trong trường hợp đối nghịch. Vừa thấy người đó lần đầu, bỗng nhiên ta dị ứng ngay, thì biết oan nghiệp tới rồi. Cho nên lúc ra đi, tâm mình bình an không vấn vương việc gì, không sợ hãi việc gì, không lưu niệm việc gì thì đi thanh thản, theo phước duyên thọ thân sau tốt đẹp. Ngược lại, trước lúc ra đi chúng ta sợ hãi, hoảng loạn, lo nghĩ đến con cháu thì thọ thân sau trong sự trói buộc của nghiệp lực đời trước.

Người Phật tử hiểu đạo rất sợ tạo nghiệp. Thân này không giữ được vì nó là nắm tro, nhưng nghiệp sẽ quyết định cho vận mệnh nhiều đời của mình. Chúng ta không đầu tư vào chuyện chăm chút nắm tro, mà lo chuyển hóa tu tập ba nghiệp của mình. Hơn thua nhau từng tiếng là tạo nghiệp bất thiện. Từ đó lưu vào tâm thức những hình ảnh căm tức sân hận, nguyện gặp lại để trả thì rất nguy hiểm. Đó là một trở ngại trong tiến trình tái sinh, nếu chúng ta chưa giải thoát được.

Ở đây mục đích của người tu thiền là giải thoát sanh tử, nhưng chúng ta không dám đi quá xa với mức độ tu tập thực tế của mình, chỉ mong quý Phật tử chuyển được nghiệp bất thiện thành nghiệp thiện, định tĩnh trước phút lâm chung để có được hướng đi tốt. Sức mạnh của nghiệp rất đáng sợ. Ví dụ người nữ có tật hay cằn nhằn. Thật ra họ không muốn cằn nhằn nhưng khi đã thành nghiệp rồi, vừa gặp chuyện không hài lòng thì cằn nhằn. Cằn nhằn mà không hay mình đang cằn nhằn. Cho nên mới nói bị nghiệp lôi, không kiềm chế được. Cũng như bên nam có tật uống rượu. Uống quen không uống thấy buồn, thấy thèm. Đặc biệt những lúc căng thẳng, bức xúc là đi kiếm rượu uống. Nhiều vị dư biết uống rượu là uống chất độc mà đã nghiền rồi thì không cưỡng lại được.

Thế nên vị nào lỡ ghiền rượu mà muốn bỏ thì xin đừng đi ngang quán rượu. Quán rượu đâu có tay mà kéo quý vị, nhưng cái nghiệp nó sẽ kéo. Nghiệp là gì? Là thói quen. Thật đơn giản mà không đơn giản chút nào. Tại sao? Như nghiệp uống rượu, nghiệp đánh bài, nghiệp hút thuốc… muốn bỏ không phải là chuyện đơn giản.

Lại nữa, chúng ta không ai thích phiền não nhưng luôn luôn sống trong phiền não. **Tại sao? Tại quen rồi, bỏ không được**. **Ai bắt chúng ta phiền não?** Ta không có câu trả lời vì ta không dám nhận lỗi về mình. Bây giờ muốn giải trừ phiền não, nhất định phải truy nguyên cho ra nguồn gốc của nó. Phiền não từ mình mà ra. Do si mê tăm tối nên ta tạo nghiệp, nghiệp quay trở lại làm tăng trưởng vô minh. Cứ thế xoay vần gốc vô minh càng lớn, nghiệp lực càng mạnh, chúng ta càng bị nó sai sử, chớ không ai bắt mình cả. Đối với phiền não, nhà Phật gọi nó là giặc. Muốn trừ giặc, trước tiên ta phải phát hiện nó thật sớm, sau đó kiên quyết đuổi sạch, không khoan nhượng mới yên ổn được. Vừa nổi nóng lên ta phát hiện

ngay, một tên giặc vừa ló đầu ra, dùng gươm trí tuệ chém nhanh. Tự nói giận làm gì cho mệt, không thèm giận. Đó chính là tu tập, là chuyển hóa nghiệp. Việc này cũng phải có lực, nhà Phật gọi là đạo lực. Muốn có đạo lực mạnh phải liên tục huân tu, không đợi gặp cảnh mới tu.

Cái gan của chúng sanh lớn tợn lắm, rất sợ khổ mà chuyên lao vào nhân khổ. Phật nói Bồ-tát sợ nhân chúng sanh sợ quả. Nếu thấy phiền não mệt quá thì đừng thèm phiền não. Thí dụ hồi xưa mình nói chuyện với ai, bất đồng ý kiến là bắt đầu nổi sùng trong bụng, tức thiệt là tức. Bây giờ thấy tức mệt quá mình không tức nữa. Vậy thôi. Ngoài cách đó ra không còn cách nào hữu hiệu hơn. Có người bảo làm không được. Được chứ! Cứ không thèm tức thử coi ai làm gì mình. Thật ra chúng ta không chịu buông cái sân giận mà lại đuổi theo nó, chơi với nó, hòa nhập làm một với nó. Trong tâm cứ bám cứng theo đối tượng làm nhân cho sự tức tối thì làm sao hết tức được.

Như có vị ngồi đây trong lòng đang buồn bực chuyện riêng. Lẽ ra hôm nay không đi nghe pháp mà tại sùng bà hàng xóm quá, đi cho khuây khỏa. Nếu chúng tôi chia sẻ với quí vị rằng đừng thèm sùng bà hàng xóm đó nữa, bỏ đi. Quí vị đồng ý thực tập như vậy. Bà ta đâu có nhảy vô bụng của quí vị cản lại điều ấy. Thành thử do ý chí, do quyết định sáng suốt, do sự thực hành của chúng ta thôi.

Tất cả trạng thái tâm khổ đau là do ta tạo ra, ta lầm chấp. Người kia có quyền thích ngọt, mình có quyền thích mặn, không thể bắt

buộc người kia thích giống mình. Cũng không vì người kia thích ngọt, mà ghét người ta. Điều này vô lý. Tất cả các pháp do duyên sinh, không có duyên nào giống duyên nào, chỉ giống nhau ở chỗ chúng đều là tướng sinh diệt. Tướng sinh diệt thì không chân thật, có gì ta lấn cấn với nhau hoài, cuối cùng không ai hơn ai, cũng không ai tồn tại.

Chỉ một thứ tồn tại gây khó cho mình, đó là nghiệp ta đã tạo. Thế mà ta lại quên, cứ tạo hoài. Chính nghiệp tham sân si quyết định cuộc đời tiếp tục của chúng ta. Trong một đời này mình khổ đã ngán rồi, bây giờ gieo nhân để thọ thân nữa thì được khổ nữa. Một lần có thân là khổ, Phật bảo bốn thứ khổ cơ bản của thân là sanh lão bệnh tử, không ai tránh khỏi. Đó là chưa kể tới thành bại hơn thua trong cuộc đời. Thật ra cái chết không đáng sợ, nhưng vì mình mê thân nên sợ chết. Sống thì khổ mà lại không muốn chết. Vậy chớ sống để làm gì? Sống để khổ. Có lạ lùng chưa!

Trở lại vấn đề nắm tro. Khi đang sống đây, dù chúng ta thành công vinh quang cách mấy, cũng không giữ được. Vì sự thành công ấy phải gắn liền với chủ nhân, mà chủ nhân sẽ không còn nữa để nhận sự vinh quang kia. Chủ nhân theo vô thường mà trở thành nắm tro. Tội gì vì một nắm tro mà ta khổ triền miên như vậy. Sao không ngay đây thanh thản, hạnh phúc, bình an, để khi trở về với cát bụi, ta chỉ còn lại sự thanh thản, bình an chớ không phải là nghiệp thức mênh mang. Giả như còn nghiệp chúng ta cũng thọ nghiệp lành, tái sanh vào cõi lành. Nếu hết nghiệp chúng ta không còn đi trong sanh tử, vĩnh viễn thoát khỏi khổ đau.

Chúng ta cũng nên như thế, sống giữa trùng trùng duyên sinh tương đối, thấn này còn không giữ được huống là mọi việc chung quanh. Cho nên người tỉnh ngộ sớm chừng nào thì khỏe chừng đó. Tỉnh ngộ chậm hoặc không khéo tỉnh ngộ thì sẽ khổ đến nhắm mắt. Chẳng những khổ đến nhắm mắt mà cho tới lúc tái sinh vẫn tiếp tục khổ. Chúng ta buông xuống hết những buồn phiền, giận hờn, thương ghét để sống đúng trở lại bản vị của mình. Bên cạnh chùm duyên sinh còn có tánh giác.

Tánh giác ấy chúng ta hiện có đủ, bình đẳng như nhau và vĩnh cửu bất sanh bất diệt. Chúng ta luôn luôn nghe, luôn luôn thấy rõ ràng, đó là tánh Phật thường biết nơi mỗi chúng sanh. Tánh này không ưu tư, không lao lự toan tính, thường tại như vậy. Chỉ khi buông hết các duyên, ta mới nhận ra mình có tánh giác hiện hữu. Bấy giờ còn thân tứ đại cũng vui mà không còn thân tứ đại cũng vui, sống cũng vui mà chết cũng vui.

Trong nhà Phật, người tu giỏi là người buông xả giỏi. Buông tới lúc trong lòng trống rỗng, không còn gì để buông nữa thì sống chết tự tại, vĩnh viễn an vui. Đó là những gì chúng ta cần chia sẻ với nhau.

TN Hạnh Chiếu

THƠ
Nghìn năm thơ vẫn sáng ngời
Gắn tình nhân loại bao lời thân thương
Hồn thơ tỏa khắp bốn phương
Gieo vào trời đất mùi hương ngát trần

HOA
Hoa kia chẳng biết tên chi
Chỉ biết hoa đẹp diệu kỳ lắm thay
Nỗi buồn cơn gió thoáng bay
Niềm vui trở lại tháng ngày cùng hoa

AN NHIÊN
Nước ơi! Nước cứ chảy đi
Đâu cần phải hỏi mình đi hay dừng
Trăng ơi! Sao cứ thẹn thùng
Cho đời ánh sáng vui cùng cỏ cây

MƯA
Mưa rơi, rơi mãi, rơi hoài
Hạt mưa rơi xuống thấm vào cỏ cây
Qua sông, qua suối bao ngày
Rồi mưa trở lại tỏ bày cùng ai

NẮNG
Khẽ vào khóe mắt dịu dàng
Tia nắng ấm áp ai mang làm quà
Nhìn qua khung cửa mái nhà
Ánh sáng kỳ diệu như là thần tiên

CÓ, KHÔNG
Có, không cũng chỉ cuộc chơi
Được, mất, thành, bại cuộc đời còn chi
Sinh ra đâu có mang gì
Chết đi trả lại những gì đã mang

SỐNG, CHẾT
Cám ơn cái chết gọi mời
Để cho sự sống muôn đời thênh thang
Sống, chết đâu thể nghĩ bàn
Cả hai có mặt trong ngàn cỏ cây

THỊ PHI
Mặc cho thế sự thị phi
Đó là quy luật đến, đi đất trời
Bỏ qua phải, trái cuộc đời
Bên nhau ta sống mỉm cười yêu thương

thơ PHAN VĂN QUÂN

CÁC LOẠI ĐẬU

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Đậu được trồng ở khắp mọi nơi trên thế giới và có tới trên mười ngàn loại khác nhau. Tuy nhiên các bà nội trợ thường chỉ quen thuộc với một số ít các loại đậu như là đậu hà lan, đậu tây (cô ve), đậu đen, đậu đỏ, đậu pinto, đậu ngự, đậu nành...

Hạt đậu nằm trong vỏ dài mà khi chín khô sẽ nứt ra làm đôi.

Theo các nhà khảo cổ thì đậu được trồng trước tiên ở các quốc gia Đông Nam Á châu từ cả chục ngàn năm về trước. Nhiều nơi, đậu được gieo giữa hai luống ngô, vì đậu có thể hấp thụ nitrogen từ không khí, tồn trữ dưới đất và làm đất giầu thêm chất này để giúp ngô tăng trưởng.

Giá trị dinh dưỡng

Hạt đậu là nguồn dinh dưỡng rất phong phú, ngon mà tương đối lại rẻ tiền.

Đậu nành cung cấp đủ các loại amino acid thiết yếu mà cơ thể cần. Đậu có nhiều calci, cho nên các vị tu hành, người ăn chay có thể sống lành mạnh chỉ với đậu hũ và các loại sản phẩm khác của đậu nành. Nói chung, đậu có lượng đạm chất cao hơn các các loại ngũ cốc khác từ hai đến năm lần.

Hạt đậu có nhiều sinh tố nhóm B, nhiều sắt, kali, rất nhiều chất xơ. Đa số hạt đậu đều có rất ít chất béo và năng lượng, ngoại trừ đậu nành và đậu phộng lại có nhiều chất béo tốt ở dạng chưa bão hòa.

Đậu có ít năng lượng nhưng chứa nhiều nước.

Một trăm gram đậu nấu chín cung cấp khoảng 100-130 Calori và 7 gram chất đạm, tương đương với số đạm trong 30 gram thịt động vật. Đậu nẩy mầm có nhiều đạm hơn đậu nguyên hạt. Khi ăn chung đậu với các loại hạt, đạm của đậu có phẩm chất tương đương với đạm động vật.

Người Bắc Mỹ và người châu Âu ít chú ý đến các loại đậu vì phải mất nhiều thời gian để nấu hoặc phải ngâm đậu trước khi nấu.

Để tiết kiệm thì giờ, dùng đậu chế biến nấu sẵn đựng trong hộp rất tiện lợi: chỉ cần đổ bớt nước mặn trong đậu hoặc rửa đậu cho bớt mặn rồi nấu.

Nhưng người Nam Mỹ và Á Châu xem các loại hạt đậu là một thành phần quan trọng của lương thực.

Ở Châu Mỹ La Tinh, từ Mễ Tây Cơ xuống đến Trung Mỹ, Nam Mỹ, đâu đâu cũng thấy có đậu đen và đậu đỏ (black and red beans) trong các bữa ăn.

Ở Ấn Độ, đậu lăng (lentil) được ăn trộn với gạo và rất phổ biến.

Nhật Bản có loại đậu màu nâu gọi là *azuki* được ăn với cơm.

Ở Trung Hoa và Nhật Bản, Việt Nam đậu nành rất thông dụng trong việc chế tạo tương, chao, tầu hũ.

Hạt đậu nấu chín có thể ăn khi còn nóng hoặc để nguội.

Có thể nấu đậu với thịt, cá hoặc với các loại rau khác. Đậu nấu chín cũng có thể cho thêm gia vị, nghiền nát rồi quệt vào bánh mì kẹp để ăn.

Đậu tươi không cần nhiều thời gian để nấu, nhưng khi phơi khô thì cần ninh nấu lâu hơn. Để rút ngắn thời gian nấu, ta có thể ngâm đậu trong nước nóng vài giờ cho đậu thấm nước và mềm hơn. Nước ngâm đậu có thể dùng để nấu món ăn cho thêm hương vị.

Ưu điểm của đậu

1- Đậu chứa một loại chất xơ gọi là *pectin*. Chất xơ này có khả năng hút nước và nở ra trong dạ dày khiến người ta có cảm giác no không thèm ăn. Nó cũng làm chậm tiến trình hấp thụ thực phẩm trong ruột, giúp bệnh nhân tiểu đường tránh được sự tăng gia quá mau đường huyết, và cơ thể khỏi phải tiết ra nhiều insulin.

Các loại đậu chứa nhiều pectin có thể giữ giữ vai trò quan trọng trong sự làm giảm lượng cholesterol trong máu, còn tốt hơn cả loại cám yến mạch (oat bran).

Trong các loại đậu, đậu nành được xem là hữu hiệu nhất để giảm cholesterol và triglyceride trong máu.

Nghiên cứu ở Ý và Thụy Sĩ cho thấy là, bệnh nhân có cholesterol cao, mà ăn nhiều chất đạm từ đậu nành thay thế cho thịt cá, thì mức cholesterol của họ giảm xuống đến 31%. Kết quả này xem ra còn tốt hơn tác dụng của các loại thuốc giảm cholesterol đắt tiền bán trên thị trường.

Bác sĩ James Anderson thuộc Đại học Kentucky, khuyên bệnh nhân mỗi ngày ăn một cốc đậu pinto nấu chín để hạ cholesterol.

2- Cũng theo bác sĩ Anderson, ăn đậu

thường xuyên giảm nhu cầu Insulin để chữa bệnh tiểu đường, vì đậu làm đường trong máu tăng lên rất chậm.

3- Gần đây các nhà khoa học lại mới tìm ra một tác dụng vô cùng bổ ích của các hạt đậu, đó là khả năng chống ung thư. Đậu có chứa chất acid phytic, một chất chống oxy hóa rất mạnh. có thể chận đứng tiến trình ung thư hóa của tế bào.

Ngoài ra, khảo cứu trên một số động vật trong phòng thí nghiệm cho thấy đậu, nhất là đậu "pea" và đậu lăng "lentil" có chứa chất ức chế *protease* là chất có khả năng phòng chống ung thư da, vú và gan ở động vật. Thử nghiệm ở người cũng thấy tác dụng tương tự về phòng chống ung thư vú và nhiếp hộ tuyến.

Chuyên gia về ung thư *Anne Kennedy* cho chuột ăn một hóa chất gây ung thư, nhưng khi chất ức chế protease được bôi vào miệng chuột thì ung thư không xẩy ra.

4- Đậu giúp đại tiện đều đặn, dễ dàng vì phẩn to hơn, mềm hơn, từ đó giảm thiểu được các nguy cơ ung thư ruột già và trực tràng. Đó là kết quả các nghiên cứu của Tiến sĩ Sharon Fleming, Đại học Berkeley, California.

5- Một khoa học gia Ấn Độ là SN. Sanyal-dan nhận thấy dân số của người Tây Tạng không thay đổi trong suốt 200 năm. Thực phẩm chính của họ là một loại đậu. Sau nhiều năm tìm hiểu, ông ta thấy rằng đậu này có khả năng ngăn ngừa sinh đẻ nhờ hóa chất *m-xylohydroquinone*. Ông ta thử phụ nữ dùng chất này thì tỷ lệ sinh đẻ giảm hẳn, còn với nam giới thì chất này cũng làm cho số lượng tinh trùng giảm. Nhận xét này đang được nghiên cứu kiểm chứng thêm. Ngoài ra có lẽ tác dụng của nó không mạnh bằng các dược phẩm ngừa thụ tinh hiện có, nên ít ai để ý đến.

Một vài vấn đề khi ăn Đậu

Một đặc tính của đậu là sản xuất rất nhiều hơi (gas) trong ruột, với hậu quả gây ra trung tiện làm nhiều người khó chịu, mắc cỡ.

Nguyên do là vì nhiều người thiếu diếu tố (*enzyme*) để tiêu hóa chất đường *alpha-galactosides* trong đậu. Khi xuống ruột, đường này bị các vi sinh vật phân hóa, tạo ra nhiều chất hơi. Nhưng kinh nghiệm cho hay nếu thường xuyên ăn đậu thì trở ngại này có thể không đáng kể vì cơ thể sẽ quen dần.

Vả lại, các bác sĩ đều cho biết trung tiện không phải là một vấn đề sức khỏe mà chỉ có thể là một vấn đề trong giao tế xã hội.

Ông Tổ của nền Y học Tây phương *Hippocrates* nói rằng trung tiện cần thiết cho sức khỏe con người. Người Trung Hoa cho rằng trung tiện là dấu hiệu của một sự tiêu hóa tốt.

Benjamin Franklin, một trong những vị lập quốc của nước Mỹ, đã viết một đoạn văn hài hước về hiện tượng tiêu hóa này. Ông đề nghị các nhà bác học hãy thí nghiệm để tìm ra một chất có thể khiến con người ăn vào và sản xuất ra trung tiện có mùi thơm tho.

Không phải chỉ các loại đậu mới tạo ra hơi trong ruột. Các thực phẩm khác như ngũ cốc, hành, tỏi, bắp su và nhiều thức ăn có chất xơ (fiber) đều tạo ra hơi do phản ứng hóa học hoặc sự lên men trong ruột.

Có nhiều cách để làm giảm bớt hơi của đậu trong quá trình tiêu hóa.

Nhà hóa học Alfred Olson giới thiệu cách sau đây.

Trước khi nấu, ta hãy ngâm đậu với nước trong một đêm; sau đó đổ nước đi. Nhúng đậu trong nước sôi, hay nấu lên vài phút, sau đó lại ngâm nước khoảng 4 tiếng đồng hồ trước khi đem ra nấu với thức ăn khác. Khuyết điểm của cách này là đậu sẽ mất đi nhiều khoáng chất và sinh tố.

Phương pháp thứ hai là xay đậu để làm thành bột nhão rồi nêm thêm muối, xì dầu (soya sauce), tiêu, ớt cắt vụn vào bột nhão để chế biến thành các món ăn cho hợp khẩu vị. Không nên chộn thêm hành tỏi, vì các món này tạo thêm hơi cho đậu.

Một vấn đề khác nữa là Đậu khô có nhiều chất *purine*. Với một số người nhậy cảm, *purine* có thể làm tăng *uric acid* trong máu, đưa tới bệnh thống phong (gout). Tinh thể *acid uric* đóng trên các khớp xương mà thông thường nhất là ở ngón chân cái làm

người bệnh rất đau nhức.

Một vài loại đậu có hóa chất làm mất khả năng hấp thụ các sinh tố B, E, D, beta carotene trong ruột.

Một số đậu khác, nếu không nấu chín, có thể có vài chất dính liền với khoáng sắt, đồng, khiến hồng cầu kết tụ lại với nhau.

Đậu phọng là một trong mươi thực phẩm thông thường nhất gây ra dị ứng hoặc nhức nửa đầu ở một số ít người dễ nhậy cảm.

Vài loại đậu thường ăn

Trên thị trường, có các dạng đậu tươi, đậu khô, đóng hộp hoặc đông lạnh. Mỗi thứ có một hương vị độc đáo, một hình dáng riêng biệt và cách nấu nướng cũng khác nhau.

- Đậu đỏ thường nấu chung với gạo, với thịt (stew), làm xà lách hoặc dùng trong món chili.

- Đậu lima mầu trắng kem hoặc xanh nhạt, hạt nhỏ, hình trái thận. Đậu này thường dùng để nấu súp, làm xà lách, hoặc hầm với thịt gà. Hầu hết đậu lima đều được đóng hộp, làm đông lạnh trước khi bán ra trên thị trường.

- Đậu Pinto mầu cam, hình bầu dục dùng nhiều trong món cơm nấu kiểu Mexico hoặc để hầm với các loại thịt.

- Đậu đen hạt nhỏ, đen bóng dùng để nấu chè đường, nấu súp hoặc ninh với thịt.

- Đậu *Adzuki* hạt nhỏ, mầu đỏ bóng loáng dùng làm xà lách, nhồi gà vịt, nấu súp hoặc ninh với thịt.

- Đậu nành hạt nhỏ mầu vàng hoặc hơi đen làm đậu hũ, tương và nhiều loại thực phẩm rất ngon khác. Kinh nghiệm ăn uống dân gian ta nói "Đậu nành là anh nước lã" hoặc "Đậu nành rang, cả làng khát nước." Ý nói sau khi ăn đậu rang này thì rất khát nước. Đậu nành rất phổ biến ở quê hương ta, với nhiều phó sản độc đáo, như tương, chao, đậu phụ...

- Đậu Hà Lan được bán tươi rất ít, còn hầu hết được đóng hộp hoặc làm đông lạnh. Khi còn tươi, đậu có mầu xanh sáng, sờ hơi mềm như nhung. Đậu đóng hộp rất thông dụng và dùng trong việc chế biến nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra còn có đậu đũa, đậu ván, đậu ngự, đậu cô ve, Hòa lan, đậu đỏ, đen, đậu nành, đậu xanh, đậu tây, đậu nâu, đậu xoắn...

Công dụng trị bệnh trong y học cổ truyền

Ngoài giá trị dinh dưỡng, một số đậu còn được *y học dân gian* dùng làm thuốc trị bệnh. Đó là:

Đậu ván trắng: còn gọi là *bạch biển*.

Đậu ván có vị ngọt, tình hơi ôn, tác dụng vào kinh tỳ và vị. Trong y học cổ truyền, đậu ván khô được dùng để chữa cảm sốt mùa hè, nôn mửa, tiêu chẩy, tỳ vị suy nhược, chán ăn, rối loạn tiêu hóa; làm thuốc giải nhiệt, co giật khi nóng sốt cao; giúp tóc lâu bạc.

b- *Đậu Xanh*.

Vỏ đậu xanh không độc, vị ngọt, tính nhiệt có tác dụng giải nhiệt, làm mắt không mờ. Hạt đậu xanh cũng có tác dụng giải nhiệt, giải độc tính của thuốc và kim loại, nấm, tiêu trừ phù thũng, chữa sỏi đường tiết niệu, phòng và chữa cháy nắng.

c- *Đậu Đen*.

Đậu này thường dùng để nấu xôi, nấu chè ăn rất ngon. Ngoài ra, đậu cũng bổ thận, lợi tiểu, nước tiểu trong hơn và nhiều hơn. Sách *Tuệ Tĩnh Nam Dược* có ghi đậu đen dùng để chữa đau bụng giữ dội; trúng gió chân tay tê cứng, chóng mặt, sây sẩm khi sinh đẻ; chữa mắt mờ ra gió dễ chẩy nước mắt; chữa dị ứng, lở ghẻ, hen suyễn khi đổi thời tiết.

d- *Đậu phọng*.

Đậu phọng có giá trị dinh dưỡng cao, có nhiều chất béo, đạm và nhiều loại sinh tố.Ngoài việc dùng làm thực phẩm, dầu lạc còn được dùng để đốt đèn và chế thuốc.

e- Đậu nành. Đây là nguồn chất đạm rất quan trọng tại nhiều quốc gia, nhất là quốc gia đang phát triển. Trong y học, đậu nành dùng làm thức ăn cho người bị viêm khớp, người mới bình phục sau cơn bệnh nặng, đặc biệt là những người bệnh tiểu đường, huyết áp cao và có nhiều mỡ trong máu.

g- Đậu Đỏ.

Đậu này có vị ngọt nhạt hơi chua, tính bình. tác dụng vào kinh tâm và tiểu trường. Y học dân gian dùng đậu đỏ để trị thủy thũng, sưng phù chân, bụng trướng, đau dạ dầy, tả lị, trĩ đại tiện ra máu, bệnh thiếu vitamin B1, vàng da, lở loét. Trẻ con chậm biết nói thì các cụ lấy đậu tán nhỏ hòa với rượu bôi dưới lưỡi hàng ngày.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.

BẤT TƯƠNG ƯNG

Ông thầy ăn nói có duyên lại hay pha trò, lồng chuyện đời vào đạo… nên người nghe mê lắm, theo thật đông. Quan thấy vậy chiêu dụ làm việc cho quan và phong: Sư ưu tú.

Từ đó cúng dường càng nhiều. Sư mãn nguyện lắm! Ngày kia sư chết hồn đọa, đói khát quá xin con quỉ chút nước. Nó bưng nước tới rồi nói:

- Nước ngọt thanh… uống vô hết khát, mát cả tâm can.

Đoạn nó hỏi:

- Hết khát chưa?

Sư giận:

- Ta có được uống đâu mà hết khát!

Nó bèn bảo:

- Thì cũng như khi sống, ông thuyết rất hay vậy mà!

GIỐNG KHÁC THẾ NÀO

Bà nọ phục sức sang trọng, thấy người ăn mày bèn bĩu môi:

- Sao mà dơ dáy, hôi hám quá; thật xấu hổ cho cái loại người này!

Bậc du sĩ đi ngang nghe đặng liền đứng lại:

- Chúng ta đều là người, có gì khác nhau chăng?

Bà ta giãy nảy:

- Khác chứ, chúng ta cao sang còn họ thật thấp hèn.

Bậc du sĩ bảo:

- Thân tứ đại này ba ngày không tắm thì hôi thối như nhau, chẳng có gì để vênh váo hay xấu hổ cả, cái khác ấy là phước báo mà thôi!

Nói xong bỏ đi, bà ta đứng ngẩn tò te.

U MINH

Mẹ chồng và con dâu vẫn học hắc nhau hoài, ba hôm cãi nhỏ, năm ba hôm cự lớn ầm ĩ, bằng mặt không bằng lòng, không muốn nhìn nhau nhưng vẫn phải sống chung một nhà. Con dâu phàn nàn:

- Mẹ khó tánh quá, chấp nhặt từng tí một, không ai chịu nổi!

Bà mẹ chồng:

- Mầy hỗn hào, vô ơn, không biết ăn ở; coi chừng quả báo!

Nhiều khuyên giải, giàn hòa nhưng hai người vẫn ôm oán kết trong lòng. Hôm rằm sám hối, thầy gặp cả hai bảo:

- Không phải chết mới thấy U Minh. Mọi người vẫn sống với u minh đấy!

BẠCH HÙNG

Vốn là mảnh đất lớn nhất quốc độ này, mệnh danh Bạch Hùng! Nhưng từ khi ma vương chiếm lãnh và thiết lập hồng đô trên vùng tuyết trắng bao la ấy thì xứ này trở nên đen tối vô cùng. Sau khi triều đình ma vương đổ, người dân hy vọng được sống tự do nhưng nào ngờ một tay võ sĩ vô lại xưng vương rồi lại làm tệ tướng. Cứ như thế suốt bao nhiêu năm. Y cai trị tàn bạo không kém gì các ma vương trước cả. Y tuyên bố:

- Thuận ta thì sống, chống ta thì chết!

Xứ tuyết vẫn tối đen.

HỒNG LONG

Là quốc độ lớn, lịch sử lâu đời. Tổ tiên vốn tham lam và ngạo mạn vỗ ngực xưng:

- Ta là cái rốn vũ trụ, bọn bốn bên toàn là man di mọi rợ cả!

Suốt mấy ngàn năm cứ đánh chiếm đất thiên hạ, muốn biến người muôn họ thành tôi tớ phục dịch cho nhà y. Đến đời y thì sự thể càng nặng nề hơn. Y thực hiện kế sách: "Cận công viễn giao, nhất đới, nhất lộ…" Y muốn làm hồng đế của cả thế gian này. Y cuồng vọng tuyên bố:

- Thiên hạ bốn biển vốn của tổ tiên, ta phải lấy lại!

ĐỘNG

Sa Bà về phương Nam có một xứ giàu có, sản vật phong nhiêu, nguồn dầu nhiều, đặc biệt phụ nữ rất đẹp, luôn luôn thắng các cuộc thi nhan sắc. Ngày kia đầu lãnh không biết động tư thù hay động kinh mà phát động cách mạng kinh thiên động địa:

- Chúng ta tiến lên thiên đường, mọi người sẽ làm theo sức mình và hưởng theo ý muốn!

Chẳng bao lâu thì quốc khố cạn, quốc dân đói khổ, quốc gia phá sản hoàn toàn. Rồi y chết, thế mà bọn thủ hạ vẫn không tỉnh ra vẫn ngông nghênh:

- Kiên quyết tiến lên thiên đường!

AI GIAN HƠN AI

Vương là tay thao lược tài ba, quả cảm lại thông minh biết quyền biến. Hào kiệt trong thiên hạ quy tụ dưới trướng đông nhưng kẻ thù cũng không ít. Chúng phao tin:

- Mưu đồ bá nghiệp, tính cướp thiên hạ, ấy là tay gian hùng!

Vương vẫn cười chẳng thèm chấp, ngày hội chư hầu vương tuyên bố:

- Ngôi vị này kẻ nào cũng muốn, ngồi trên đầu dân nhưng cứ mượn chữ vì dân để mị dân. Ta không thèm xài xảo ngữ, chưa biết ai gian hơn ai!

Tiếng hò reo dậy đất, có không ít kẻ cúi gằm mặt không nói lời nào.

STEVEN N

Ất lăng thành, 11/2017

Chiếc lu vô tận

TN. NHƯ THỦY

Xưa, có một chú tiều phu cần cù chất phác rất tốt bụng và nghèo ơi là nghèo.

Bụt thương tình, ban cho chàng một chiếc lu kỳ diệu. Sau khi chỉ dẫn cách sử dụng cái lu cho chú tiều, Bụt biến dạng sau một đám mây lành.

Chú tiều mừng lắm, mang chiếc lu về giấu trong buồng và bỏ vào đó một đồng tiền nhỏ, số tiền bán củi độc nhất trong ngày.

Sáng hôm sau, chú lấy đồng tiền ấy ra mua gạo thì một đồng tiền khác xuất hiện ở đáy lu. Những đồng tiền không bao giờ chấm dứt và nhờ vậy cuộc sống của chú dễ thở hơn, dù mỗi ngày, chú chỉ xin cái lu vỏn vẹn có một đồng tiền.

"Không nên lạm dụng lòng tốt của Bụt," chú tiều thật thà nghĩ và làm thế.

Những tưởng chỉ có chú tiều và Bụt biết chuyện cái lu, nào ngờ "nhà có ngạch, vách có tai," câu chuyện kỳ diệu này lan truyền khắp nơi và đến tai ông bá hộ trong vùng.

Với uy quyền sẵn có, ông phú hộ đoạt cái lu của chú tiều một cách dễ dàng. Ông cho dấu chiếc lu trong phòng kín và hối hả gom góp vàng bạc đang trữ giấu rải rác về để trút hết vào lu.

Trong lúc ông bà phú hộ đang vội vã vận tải vàng bạc vào phòng thì cậu ấm Tèo, đứa con trai cưng độc nhất của họ đang nô đùa với bạn bè. Bọn trẻ đang chơi trò đi trốn đi tìm... Và cu Tèo chợt khám phá ra chiếc lu là một chỗ núp tuyệt diệu, thằng bé liền chui tọt vào lu.

Nhưng vào thì dễ... ra mới khó... Mãn cuộc chơi, Tèo vẫn chưa ra khỏi chiếc lu. Cu cậu la khóc ầm ĩ.

Nghe tiếng con khóc bà phú hộ vội chạy đến bên cái lu và nhất bổng thằng bé ra. Vừa đặt cậu con xuống đất, bà lại thấy thêm một thằng cu nữ, giống hệt thằng trước đứng trong lu la khóc inh ỏi...

Và cứ thế, mãi đến lúc bà nhấc thằng cu thứ 100 ra thì cái lu, sau cái đạp chân quá mạnh của thằng bé, vỡ đôi. Sự kỳ diệu liền chấm dứt.

Từ ngày đó, ông bà phú hộ vì phải nuôi đến 100 cậu quý tử giống nhau như tạc, nghịch ngợm và đòi ăn suốt ngày nên họ trở thành sa sút, nghèo nàn khổ sở còn hơn là anh chàng tiều phu nọ.

Em thân mến!

Mỗi người chúng ta, dường như ai cũng có một chiếc lu vô tận như thế. Và tùy theo cách sử dụng mà chúng ta sẽ lôi ra nhằm "tri kiến Phật" hay "tri kiến chúng sanh." Lỗi không phải ở cái lu điều này chắc đứt đuôi đi rồi, em có thấy thế không?

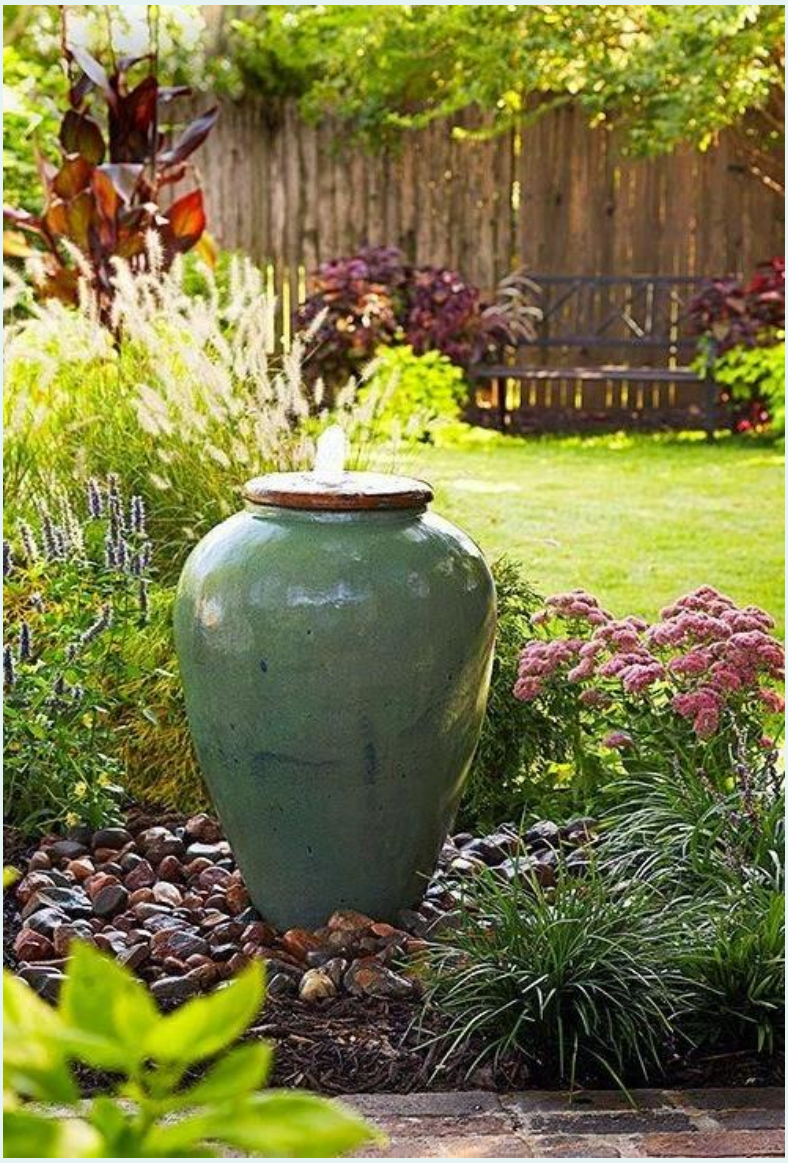

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÍ ĐỎ DẦM NHUYỄN - MÓN ĂN SÁNG BỔ DƯỠNG

Mỹ có món Mashed potato, sweet potato. Hai món này thường có trong khẩu phần ăn của người Mỹ. Một lần ăn rất nhiều món, nhưng mỗi thứ chỉ một ít. Còn món ăn thực dưỡng thì có món Mashed pumkin (món này là Phượng tự chế)… Món này bổ não và rất tốt cho sức khỏe. Chúng ta có thể ăn sáng với món này, đơn giản, nhanh lẹ, dễ ăn.

Cách nấu:

Bí đỏ xắt mỏng, cho vào dầu đang nóng xào đến khi chảo khô, cho ít muối vừa đủ vào xào cho đến khi tinh chất ngọt tươm ra ướt chảo *(cho muối không đủ thì bí sẽ không ngọt, không ra nước ươn ướt, nhiều muối quá bí sẽ mặn, nhằm chừng riết rồi sẽ quen thì bí rất thơm ngon và ngọt mà không cần nêm đường nữa)* rồi mới cho ít nước vào *(nếu có nước đậu đỏ nấu với rong biển thì càng tốt)*, đậy nắp lại nấu lửa nhỏ cho mềm rụt khoảng 10-15 phút là chín, miễn sao khi chín bí còn ươn ướt, P cho vài giọt dầu mè, chút tiêu vào trộn đều, tắt bếp, lấy muỗng dầm cho bí nhuyễn, rắc ít đậu phộng giã vào *(P hết đậu phộng rồi)*, rồi ăn với bánh mì. Chỉ vậy thôi ăn vào khỏe cả ngày vì không đường, không hóa chất nên cơ thể không bị mệt mỏi, nặng nề…

Ngoài ra, có thể cho thêm vegenaise vào nếu thích hơi béo hay bất kỳ gia vị nào mà mình thích để tăng hương vị cho món ăn theo khẩu vị của mình…

Gia Phượng

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

NHẬT KÝ GIÁO DƯỠNG –

TU LÀ ĐỂ BIẾT CHÍNH MÌNH
THEO TRUYỀN THỐNG THIỀN TÔNG VIỆT NAM

Bạch Xuân Phẻ

Thiền hành (ảnh lấy trên Nhà văn Trần Kiêm Đoàn's fb)

Cuối tuần qua, chúng tôi lại có duyên tham dự Khoá tu học mùa Thu hằng năm của Thiền Viện Diệu Nhân ở Rescue, CA. Khoá tu năm nay có chủ đề: Tu Là Biết Mình. Thiền viện này là một chi nhánh của Thiền Tông Việt Nam từ trong nước do Đại Lão Hoà Thượng Thích Thanh Từ dung hợp từ thập niên 70's. Có thể nói, pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ 20 xuất xứ từ Tu Viện Chân Không (1970-1986) và Thiền Viện Thường Chiếu từ năm (1974 cho đến nay) do Ngài chủ trương và hướng dẫn. Vì chúng tôi, chỉ được nhân duyên tu học có hai ngày mà lại bán trú nên có thể những gì chúng tôi viết và cảm nhận ở đây không đầy đủ. Vậy mong quý vị rộng lượng mà hoan hỷ.

Khác với những chi nhánh Thiền tông khác ở Trung Hoa (Ví dụ như TàoĐộng, Lâm Tế, Quy Ngưỡng… Thiền tông Việt Nam mà Hoà thượng đề xướng có ba dòng tư tưởng hay 3 cái mốc thời gian lớn, đó là thời Ngài **Nhị Tổ Huệ Khả** thời Ngài **Lục Tổ Huệ Năng**, và dĩ nhiên cũng là quan trọng nhất đó là cái mốc cuối cùng, Đức Vua Trần Nhân Tông (1258-1308), **Sơ Tổ Trúc Lâm**. Lúc bấy giời Ngài dung hợp tinh hoa của các nhánh Thiền thiện hành như Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường để thành lập phái thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Theo cuốn sách, ***Thiền Tông Việt Nam***, Đại Lão Hoà Thượng Thích Thanh Từcho biết sự dung hợp này từ ba vị tổ sư thiền, *"Nơi Nhị Tổ, chúng tôi ứng dụng pháp an tâm. Nghĩa là biết rõ tâm suy tưởng lâu nay là hư ảo, không để nó đánh lừa, lôi dẫn chúng ta chạy theo trần cảnh, nên nói "Vọng tưởng không theo". Mỗi khi nó dấy lên đều biết rõ như vậy. Một khi hành giả nhận diện bản chất hư ảo của chúng thì chúng tự biến mất…"* Rồi Ngài tiếp,

"…Với Lục Tổ, chúng tôi ứng dụng sáu căn không dính mắc sáu trần làm hướng tiến tu. Đó là câu "Bất ưng trụ sắc sanh tâm..." trong kinh Kim Cang được Ngũ Tổ giảng cho Lục Tổ. Nhưng làm sao căn không dính trần? Đương nhiên phải dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu, thấy các pháp duyên hợp hư dối như huyễn như hóa. Vì thế trong kinh Pháp Bảo Đàn, sau phẩm Hành Do là đến phẩm Bát-nhã. Nhờ trí tuệ Bát-nhã soi rọi thấy rõ các pháp duyên sanh, không có chủ thể (vô ngã), không cố định (vô thường) nên tâm không nhiễm trước sắc... do đó căn, cảnh không dính mắc nhau. Căn, cảnh không dính mắc nhau là Vô Niệm, Vô Tướng, Vô Trụ, đó là chủ trương của Lục Tổ.

Lại có một cách khác, nếu hành giả kiến tánh như Lục Tổ, hằng sống với thể tánh bất sanh bất diệt của mình thì còn gì bận bịu với vọng tưởng hư dối, với sáu trần giả hợp. Đi đứng nằm ngồi không lúc nào rời tự tánh chính mình.Được thế thì ung dung tự tại, nên nói "đói ăn khát uống".

- Đến Sơ Tổ Trúc Lâm, trong bài kệ "Câu Có Câu Không", đoạn thứ tư nói "Nón tuyết giày hoa, ôm cây đợi thỏ", là tinh thần Bát-nhã của Lục Tổ. Các pháp hư giả như nón tuyết, như đôi giày bằng hoa, tạm có rồi tan mất, mới thấy đẹp rồi héo xàu, có gì lâu bền. Nếu chấp giữ nó là người ngu, như kẻ "ôm cây đợi thỏ". Toàn thể pháp đối đãi đều không thật, do phương tiện bày lập, giống như dây sắn dây bìm, một phen cắt đứt chúng mới là an vui tự tại.Đấy là tinh thần hai câu kết của bài kệ "Cắt đứt sắn bìm, đó đây vui thích". Vừa dấy niệm là đối đãi, vừa thốt lời là đối đãi, nếu dứt hết đối

đãi thì còn niệm nào để khởi, còn lời gì để nói. Đây là hằng sống thật với thiền."

Nói tóm lại, Ngài chủ trương "Thiền, Giáo đồng hành" và nhấn mạnh rằng:

"Để thấy rõ nét lối dung hợp pháp tu qua ba vị Tổ trên, chúng tôi cô đọng lại bằng những lối tu:

1. Biết vọng không theo, vì vọng tưởng là những tâm niệm hư ảo.

2. Đối cảnh không tâm, vì nó là tướng duyên hợp giả dối tạm bợ.

3. Không kẹt hai bên, vì đối đãi là không thật.

4. Hằng sống với cái thật, không theo cái giả, vì giả là luân hồi, thật là giải thoát.

Khoá tu này được sự chứng minh và giảng dạy của Ni Trưởng Trụ trì Thích Nữ Như Đức và Ni Sư phó Trụ trì Thích Nữ Hạnh Phước của Thiền Viện Viên Chiếu tại Việt Nam, Ni sư viện chủ Thiền Viện Diệu Nhân và Ni sư Thích Nữ Thuần Bạch, nguyên là Viện chủ Thiền Viện Diệu Nhân. Ngoài những vị giáo thọ rừng cột của Thiền Viện Diệu Nhân, Ni Sư Thích Nữ Thuần Chánh và Ni Sư Thích Nữ Thuần Hậu là những vị giáo thọ thuyết giảng từ bên Việt Nam qua hệ thống webcam cùng hướng dẫn những Phật tử xa gần hành trình và ứng dụng bốn lối tu học của Thiền Tông Việt Nam thật khéo léo và linh động hướng dẫn.

Trong hai ngày chúng tôi tinh chuyên tu học; nhận thấy ở đó năng lượng tu tập của Đại chúng rất là cao và sự hành trì một cách nghiêm mật. (Xin xem chương trình tu học ở phần phụ mục). Trong không gian và thời gian ấy, trong đó có buổi Phật pháp vấn đáp cũng như những buổi thọ trai, chúng tôi thấy lòng từ của quý Ni sư thật mênh mông và ai ai cũng hoan hỷ, cảm nhận được sự an lành, vững chải và thanh thoát. Riêng chúng tôi, không biết nói gì hơn chỉ chia sẻ một chùm thơ nho nhỏ như là dấu mốc thời gian trong sự trải nghiệm của khoá tu này.

Sáng sớm lên Thiền viện, chúng tôi không những được buổi bình minh êm ả nhẹ nhàng đón tiếp mà có cả vầng trăng mỉm cười vô sự. Rồi chúng tôi viết:

HƠI THỞ NHẸ

Sáng nay Trăng qua núi
Vẫn thanh tao nhẹ nhàng
Nhìn Trăng không dính mắt
Hơi thở này nhẹ tan.

Sau khoá ngồi thiền dài 1 tiếng đồng hồ là buổi ăn sáng và đi thiền hành. Dưới sự hướng dẫn của Ni sư Thuần Bạch, hãy về với tự tánh của mình. Đây là dịp Phản Quan Tự Kỷ. Ngoài việc nhìn ra chính mình, chúng tôi còn thấy những cái đẹp chung quanh.

VẺ ĐẸP QUANH TA

Con đường mới quanh co khúc khuỷu
Từng bước chân thanh thản điềm nhiên
Cây cao thấp giữa thiên nhiên
Có cùng vẻ đẹp triền miên bạt ngàn!

Sau phần, thiền hành lại là phần thiền toạ trước khi dùng trưa cũng theo nghi thức Thiền Tông Việt Nam. Lần này, thú thật, ngồi lâu lúc đầu, thân cũng hơi bất an, nhưng sau đó khắc phục được cái thân. Cái tâm an dần, như lời chỉ dạy ***Biết vọng không theo, khởi lên bỏ xuống***. Rồi sau buổi cơm trưa chay thật ngon và tinh khiết, là lúc chúng tôi có giờ tự do; thế là có thời gian và cơ hội cho chúng tôi thưởng thức không gian núi đồi yên tĩnh ở đây.

BỨC TRANH BAN TRƯA

Ngồi đây gió mát nắng hanh
Phong cầm sáu nhịp xanh xanh cõi này
Duy trì tỉnh thức quanh đây
Ô kìa thanh thoát áng mây qua đồi.

Nhưng có lẽ hấp dẫn nhất là những buổi pháp thoại và những lúc hành thiền tự do dưới trời trăng mây gió.

NGỒI THIỀN DƯỚI TRĂNG

Ngồi Thiền gió mát trăng thanh
Lung linh ánh nguyệt
Long lanh tâm mình.
Tâm lặng lẽ
Giữa sinh linh
Rõ ràng thường biết

Cõi tình
Như Lai.

Có những lúc, dường như chúng tôi cũng…

BẤT ĐỘNG
Trăng thanh vắng vặc sáng
Giữa núi đồi cỏn con
Tiếng côn trùng nỉ non
Phật ngồi yên bất động
Ta có đi trong mộng?
Hay thánh địa linh thiêng
Rõ ràng chốn thiền viên
Tâm bất sinh bất diệt

Bất động để thấy gì bạn có biết…

NHÌN TRĂNG THẤY GÌ?
Nhìn trăng ánh sáng tám chiều
Tưởng gần, không phải, mỹ miều rất xa
Tịch lặng Phật tánh trong ta
Trở về tánh Phật rỗng rang nhiệm mầu
Thấy trăng tạp niệm trong đầu
Khởi lên, bỏ xuống dính đâu niệm này
Ánh trăng vằng vặc lung lay
Đều thân hơi thở mảy may nhẹ nhàng
Trăng vàng cùng gió mùa sang
Từ bi, tĩnh lặng bước ngang tầm mình
Rọi soi Phật tánh lung linh
Thường hằng thanh tịnh lặng thinh mỉm cười.

Khi chúng ta có sự vắng lặng thanh thản ở tâm hồn, chúng ta có thể nhận chân ra nhiều điều. *Phản quan tự kỷ* cũng là vậy, không chạy theo những dục vọng bên ngoài, không bị dính mắt. Khi chúng ta có khả năng biết vọng không theo (Let it be) thì chúng ta tăng tưởng thêm bước nữa đó là không dính mắt (Let it go) hay *rõ ràng thường biết* trong mỗi sát na vậy, thì chúng ta có thể *trực chỉ chơn tâm*. Ở đây, chúng tôi thấy Chơn Tâm đó là Phật tánh mà chúng tôi ví von là Mẹ. Có thể vì 'rứa', mà cuối cùng có lẽ chúng tôi thấy được Trăng là Mẹ và Mẹ là Phật; Tâm Mẹ là Tâm Phật và tất cả rồi cũng qua trời thái không mà thôi.

MẸ VẦNG TRĂNG THÁI KHÔNG
Mẹ vầng trăng sang tỏ
Soi nẻo đường con đi
Càng ngày con càng rỏ
Tâm Mẹ luôn từ bi.

Trở lại Thiền Tông Việt Nam tại hải ngoại, có hai cơ sở tiêu biểu mà chúng tôi thường quên biết ở California đó là. Chư Tăng ở Thiền Viện Đại Đăng ở Basall, nam California và Chư Ni ở Thiền Viện Diệu Nhân ở Rescue, bắc California. Sự hành trì nghiêm mật của những nơi như thế là tương lai và hoài bảo của Phật giáo Việt Nam. Xin mời các bạn hãy cùng chúng tôi tham dự những khoá tu học kế tiếp. Xin hãy vào trang nhà www.dieunhan.net để tiếp thêm chi tiết. Cầu chúc tất cả quý độc giả sáu thời an lành.

Tâm Thường Định

THIỀN THI RÓT *từ* TÂM

TÙ

Dù đang ở nhà tù
Tâm ta không bị trói
Còn hơn là người tu
Vướng vào vòng danh lợi

NGƯỜI

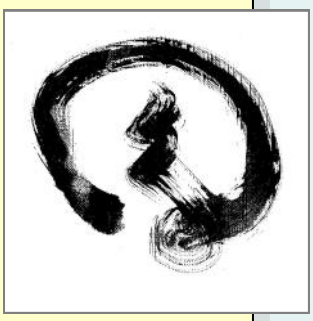

Thân bước vào cõi Người
Tránh thị phi không dễ
Nước mắt mặn mãi rơi…
Phật ra đời là thế

THIỀN

Mắt nhắm, xoay vào bên trong
Thấy gì? Chỉ " thấy" khoảng không diệu kỳ
Mở mắt "nhìn" Tâm sân si
A Di Đà Phật, vô vi chỗ này

TA

Có khi ta chẳng thấy TA
Thường hay âu yếm gọi MA là mình
Quán Tâm không bóng không hình
Niệm vừa dứt niệm thình lình thấy TA

thơ KIỀU MỘNG HÀ

Austin, Oct 25-2017

The Story of Subhadda the Wandering Ascetic

(Dhammapada, Verses 254 & 255)

FACTS
No path is there in the air.
No monk is there outside this Sasana.
Humans delight in their hindrances,
while Tathagatas have cleared all hindrances.

SAMENESS
No path is there in the air.
No monk is there outside this Sasana.
The 5 clusters are not eternal.
The Buddhas display no variation.

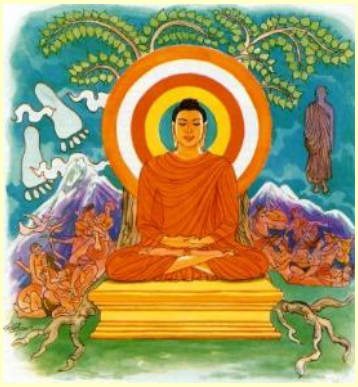

The Story of Subhadda the Wandering Ascetic Verses (254) and (255) of this book were uttered by the Buddha in the Sal Grove of the Malla princes near Kusinara, just before the pari-Nibbana (passing away) of the Buddha, in reply to the questions raised by Subhadda, the wandering ascetic (paribbajaka).

Subhadda the wandering ascetic was staying at Kusinara, when he heard that the pari-Nibbana of Gotama Buddha would take place in the last watch of that night. Subhadda had three questions, which had been troubling him for a long time. He had already put these questions to

other religious leaders, namely, Purana Kassapa, Makkhali Gosala, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccayana, Sanjaya Belatthaputta and Nigantha Nataputta, but their answers did not satisfy him. He had not yet asked Gotama Buddha, and he felt that only the Buddha could answer his questions. So, he hurried off to the Sal Grove, but the Venerable Ananda did not allow him to see the Buddha, because the Buddha was by that time very weak. The Buddha overheard their conversation and consented to see Subhadda. Subhadda asked three questions. They are: (1) Are there any tracks in the sky? (2) Are there any Noble Bhikkhus (samanas) outside the Teaching of the Buddha? and (3) Is there any conditioned construction (sankhara) that is permanent? The Buddha's answer to all the above questions was negative.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 254: In the sky there is no track; outside the Buddha's Teaching there is no ariya Bhikkhu (samana). All beings take delight in fetters (i.e., craving, pride and wrong view) that prolong samsara; all the Buddhas are free from these fetters.

Verse 255: In the sky there is no track; outside the Buddha's Teaching there is no ariya Bhikkhu (samana). There is no conditioned thing that is permanent; all the Buddhas are unperturbed (by craving, pride and wrong view).

At the end of the discourse Subhadda attained anagami Fruition and as requested by him the Buddha admitted him to the Order of the Bhikkhus. Subhadda was the last one to become a Bhikkhu in the life time of the Buddha. Eventually, Subhadda attained Arahatship.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Cũng là lẽ công bằng

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Nghe Sang bảo sẽ ăn chay trường, mẹ nó lo lắng:

- Con còn trẻ mà ăn chay trường liệu có sớm không, liệu có đủ dinh dưỡng để phát triển không?

Sang cười:

- Mẹ đừng lo, con biết cách sống mà; ngoài những món chay truyền thống con lên NET tìm hiểu thêm những món mới lạ của Âu- Mỹ cũng rất ngon và đầy đủ dinh dưỡng!

Mẹ Sang thương con lo lắng vậy thôi, chứ thâm tâm bà cũng có niềm vui vì bà cũng là Phật tử thuần thành, mặc dù bà chưa ăn chay trường nhưng con bà làm được thì bà hãnh diện chứ sao. Bà cũng hiểu hai chữ từ bi trong nhà Phật. Không thể lấy mạng sống của muôn loài để tẩm bổ cho cái thân tứ đại này. Ngay từ đầu đã bất công rồi thì mình làm sao an được. Những con vật bị chết thảm nó có tự nguyện dâng máu thịt cho ta ăn đâu! Sự đau khổ tột cùng khi bị giết sẽ kết thành oán hận; một mai kia khi có cơ hội nó sẽ báo thù, mà nợ thì khi trả phải cộng thêm lãi… Vì vậy mà thế gian này sự hận thù, chiến tranh, tàn sát… cứ liên miên không dứt.

Đám bạn của Sang khi nghe tin Sang ăn chay trường cũng chưng hửng, nhiều đứa phản đối:

- Bộ mày muốn làm Phật hả?

Sang nói:

- Mình ăn chay vì thương những con vật bị giết thảm khốc, ăn chay để tình thương trải rộng chứ nào phải để làm Phật!

Đứa khác lại bảo:

- Còn trẻ mà ăn chay phí nửa cuộc đời.

Sang cười:

- Không ăn chay hư cả cuộc đời.

Cả đám nhao nhao:

- Vậy là mầy bỏ anh em sao?

Sang khẳng định:

- Mình ăn chay đâu có ảnh hưởng gì tình bạn, chẳng những thế mà tình thương còn tăng trưởng hơn chứ!

Thế rồi từ đó những cuộc nhậu bù khú, những trận chơi thâu đêm dần dần vắng Sang. Đám bạn không còn muốn kêu Sang nữa. Sang cũng nhận thấy vậy nhưng Sang quyết theo con đường mình đã chọn. Sang nhớ đâu đó trong nhà thiền có câu chuyện Hồng Châu Thủy Lão hỏi Mã Tổ: "Uống rượu ăn thịt nên hay không nên?" Mã Tổ mới bảo: "Uống rượu ăn thịt là cái lộc, không uống rượu ăn thịt là cái phúc." Sang rất tâm đắc câu chuyện này, không ăn thịt không những là cái phúc của người mà còn là cái phúc của muôn loài. Chúng nó cũng biết đau đớn, chúng nó cũng có gia đình, chúng nó cũng tham sống sợ chết; lẽ nào ta lại giết chúng để ăn thịt. Ta không giết, nhưng ăn cũng là gián tiếp giết vậy. Ta thử quán sát nếu bị một tí va chạm, một chút bỏng hay một vết cắt nhỏ… cũng đau, xót, nóng biết chừng nào. Ấy vậy mà con vật bị đập cho chết, bị cắt cổ, thiêu đốt… thử hỏi sự đau đớn tột cùng biết là bao! Ăn chay, đơn giản cũng chỉ là một lẽ công bằng thôi, ăn chay vừa tôn trọng sự sống của muôn loài, vừa nuôi dưỡng lòng từ; mặc khác vừa có ích cho sức khoẻ. Khoa học ngày nay chứng minh rằng: người ăn thịt tánh khí hung hăng hơn người ăn chay, người ăn thịt bị ung thư nhiều hơn người ăn chay; hàm răng và độ dài của ruột người cấu tạo cho ăn rau, củ chứ không phải để ăn thịt. Để đủ lượng thịt cung cấp cho con người, các trại gia súc ngày nay không khác gì những trại tù. Ở đấy gia súc từ khi sinh ra đến khi xẻ thịt sống trong những điều kiện rất tàn tệ, một số không đủ tiêu chuẩn thì bị xay để làm thực phẩm cho số khác; số đủ tiêu chuẩn thì bị tiêm hóc- môn tăng trưởng cho nhanh lớn để xẻ thịt. Những nhà tranh đấu cho quyền sống của con vật từ những nhóm Vegan đã bí mật quay những video ở các trại gia súc, các lò mổ… cho thấy mức độ tàn bạo, dã man của con người đối xử với loài vật, cho thấy miếng thịt mình ăn quả là đầy tội lỗi. Những video này làm chấn động tâm thức những người có lòng từ bi trên thế gian này. Sang quyết định ăn chay vì mình là Phật tử, vì tình thương, vì từ bi và cũng có một phần tác động của những video này. Những nhóm Vegan trên thế giới họ kêu gọi ăn chay, đấu tranh cho quyền sống con vật, đấu tranh bảo vệ môi trường… Mặc dù họ chưa biết về Phật pháp nhưng lòng từ của họ rất lớn, rồi một mai khi có cơ duyên họ sẽ tiếp thu Phật pháp một cách mau chóng thôi.

Thời gian thấm thoát qua nhanh như nước chảy mây bay, như hoa rơi lá rụng… Thế mà sang đã được mười lăm năm ăn chay, mười lăm năm không còn vay mượn máu thịt của các con vật vô tội để tẩm bổ cho xác thân mình. Sang đã chứng minh cho gia đình, bạn bè thấy mình đã đúng. Mười lăm năm ăn chay Sang vẫn khoẻ mạnh, thậm chí còn trẻ hơn rất nhiều so với bạn bè cùng lứa tuổi. Nhiều người hỏi Sang làm cách nào mà giữ được sự trẻ trung lâu thế. Sang cười nửa đùa nửa thật trả lời:

- Vì không ăn thịt!

(Ất Lăng thành, 10/2017)

KHÔNG NHẮC VỀ CHUYỆN HÔM QUA NỮA

Không nhắc về chuyện hôm qua nữa
Hạnh phúc thật như chiếc lá rụng xuống, úa đi trong đáy sâu nỗi buồn
Nghĩ về tương lai kìa em
Đàn thỏ gặm cỏ
Đàn chó nhai khúc xương
Đàn gà ác dìu dắt bọn con
...
Giờ tôi ở trong khung cửa đóng
Nằm im ngắm nhìn thế giới không bị ai xâm chiếm
Có thể ngày nào đó
Em thấy Tội có đau lòng
Có nghĩ về những điềm báo bệnh hoạn, u ám trên thân hình nhánh bông hoa hồng đang nở rạng ngời
Có thể em sẽ cảm thông về tình yêu đó
Và yêu khuôn mặt phúc hậu của bóng đêm
...
Không nhắc về chuyện hôm qua nữa
Chúng ta đứng đâu cũng kiệt sức, trống rỗng, gượng cười đến tê dại
Một người sắp bỏ rơi một người sau nhiều lần vứt bỏ
Không như trong thánh kinh
Cái chết chiến thắng linh hồn
Và đôi chân muốn đi dạo
Em à!
Trong nghìn lần tôi muốn bỏ cuộc thì mưa có rơi trên đầu bầy dơi
Không ai cầu nguyện điều gì khi tôi cố nhắc đến công lí
...
Xót xa lắm
Chàng trai bị mê muội trên chiến trường vì viên đạn bắn ngược chiều thời gian
Niềm tin bay là tà hoang hoải
Có lần
Cô gái chẳng để ý tới tự do mà chỉ liếc nhìn vào điệu nhạc của đá, nước, cây và ước mơ của muôn loài
...
Chuyện hôm qua qua rồi
Em ngã rồi thì tự đứng dậy
Lịch sử kìa, em không thấy sao?
Sau ba tiếng đồng hồ cước chiến bùng nổ
Dòng sông lao chảy vô chiều
Tôi tệ nhất
Cùng cực nhất
Khi đứa nhỏ lên cơn sốt trên mảnh dép
Màu nâu hạt dẻ!!

thơ PHẠM QUYÊN CHI

TÁC GIẢ / TÁC PHẨM

TỪ KINH PHẬT SƠ THỜI ĐẾN THIỀN ĐỐN NGỘ

Giới Thiệu Tác Phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia" của Cư Sĩ Nguyên Giác

Huỳnh Kim Quang

Trong tác phẩm mới xuất bản "Thiền Tông Qua Bờ Kia" tác giả Cư Sĩ Nguyên Giác kể chuyện buổi đầu ông học Thiền với Hòa Thượng Bổn Sư Thích Tịch Chiếu ở Chùa Tây Tạng tại Tỉnh Bình Dương, Việt Nam như sau:

"Tôi nhớ lại buổi đầu gặp Hòa Thượng Tịch Chiếu, hỏi Thầy rằng con nên tập Thiền thế nào, Thầy nói rằng, "Phải Thấy Tánh đã." Lúc đó, Thầy bảo đứa em kế tôi phải niệm Phật sáng trưa chiều tối, và quay sang đứa em gái kế sau nữa của tôi, bảo nhỏ này là con hãy về đọc bài Bát Nhã Tâm Kinh tối ngày sáng đêm. Tôi hỏi, rồi con cần niệm hay đọc gì hay không, Thầy đáp, con không có một pháp nào hết." (1)

Đúng là, lương y giỏi thì tùy bệnh cho thuốc. Cũng vậy, bậc tôn sư đắc đạo thì quán chiếu căn cơ mà dạy Pháp tu cho đệ tử.

Lời Hòa Thượng Bổn Sư của tác giả Nguyên Giác dạy, *"con không có một pháp nào hết,"* chính là nội dung Thiền đốn ngộ của Tổ Sư Thiền, đã được Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ truyền qua Trung Hoa vào năm 520 sau Tây Lịch và sau đó là Thiền Tông được truyền bá sâu rộng tại Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản… cho đến ngày hôm nay.

Thiền đốn ngộ là pháp Thiền kiến tánh hay thấy tánh. Thấy tánh là thấy mặt mũi xưa nay của mình [bản lai diện mục]. Nhưng mặt mũi xưa nay của mình lại rỗng không chẳng có gì, vì tất cả các pháp đều vô thường biến diệt từng sát na, đều không có tự tánh, không có tự ngã, là Tánh Không. Cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói rằng, "Bản lai vô nhất vật" [Xưa nay không một vật], và cũng là ý của Hòa Thượng Bổn Sư của tác giả dạy, "con không có một pháp nào hết."

Bởi vậy, cho nên Thiền Tông không có cửa vào, vì là cửa Không. Không có cửa vào thì hễ khởi niệm muốn vào, hay nghĩ đến vào chỗ nào đó thì đều sai, đều đi xa ngàn dặm. Cũng chính vì thế Lục Tổ dạy pháp "vô niệm," và Sơ Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông dạy pháp "đối cảnh vô tâm." Vô niệm hay vô tâm không phải là diệt sạch ý niệm, trấn áp vọng tâm mà là để tâm rỗng rang tịch lặng như chính nó. Để được như thế thì tâm phải không dính mắc vào đâu, không dừng lại ở đâu. Đó chính là "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm," [không trụ tâm vào đâu hết] như Đức Phật dạy trong Kinh Kim Cang.

Tác giả Nguyên Giác kể,"*Thế rồi, trong Kinh Kim Cang, tôi đọc được câu: ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. Không trụ tâm vào đâu hết, mới là diệu tâm. Dĩ nhiên, nếu trụ tâm vào Không hay Có, đều sẽ là hỏng. Y hệt như tường đồng vách sắt, không có chỗ bấu víu."(2)*

Đốn ngộ là giác ngộ hay thấy tánh tức thì trong khoảnh khắc hiện tiền mà không khởi niệm, không suy nghĩ, không đắn đo. Khi căn đối cảnh thì sát na đầu tiên là không có niệm, không suy nghĩ, không so sánh gì cả. Đó là khoảnh khắc của hiện lượng, theo Nhân Minh Học của Phật Giáo, tức là khoảnh khắc sơ thời nhất lúc căn cảnh gặp nhau, chưa có ý thức, chưa có tỉ lượng, chưa có phân biệt. Ở sát na đầu tiên này tuyệt nhiên không có niệm thiện, không có niệm ác, không có phân biệt chủ khách, không có ngã và ngã sở. Nó giống như tấm gương sạch để trước vật thì vật hiện ra tức thì. Đây là diệu dụng của trí tuệ Bát Nhã. Ở đây tâm cảnh là một. Tác giả Nguyên Giác nói về chỗ này như sau:

"Như thế, tự tánh của Tâm tất là Tánh Không, phải là Emptiness, cũng như gương sáng chiếu vật, hễ không duyên theo vật thì không một pháp hiện ra.

"Nghĩa là, thí dụ, khi chúng ta nghe tiếng gà gáy, ngay tiếng gà đó là cái được nghe, cũng là hiện tướng của cái nghe. Đó là luật

duyên khởi, Tâm và Cảnh như là một, vì khi gà gáy là tâm hiện ra, khi gà ngưng gáy, tâm có vẻ như biến mất, nhưng không có nghĩa là có hay không có tâm."(3)

Khi khởi niệm thì đó là sát na thứ hai của căn cảnh gặp nhau. Tiến trình nhận thức tỉ lượng bắt đầu xảy ra. Ở đây, nhận thức thường nghiệm sẽ hoạt động để giúp con người hiểu biết, so sánh, phán đoán về đối tượng nhận thức. Cũng từ đây ý thức vọng niệm tiếp tục sinh khởi, điên đảo mộng tưởng có mặt, sanh từ luân hồi được tạo dựng. Đây chính là nhận thức theo tri thức thường nghiệm.

Cho nên, đốn ngộ là thấy tánh nhanh như chớp, không một ý niệm khởi sinh. Nhanh như các sự vật hiện ra trong gương. Không thấy có biện tế thời gian trước sau mà tức thì một lúc. Hễ gương sáng để trước vật là thấy vật hiện ra liền. Cho nên cách dạy Thiền của các Thiền Sư thuộc Thiền Tông ra ngoài khuôn khổ của văn tự kinh điển, của nề nếp thói quen, đôi khi rất kỳ quái, khó hiểu, chỉ nhắm vào việc giúp cho hành giả buông bỏ mọi vướng mắc vào vọng niệm và vượt lên trên giới hạn của tri thức thường nghiệm để bước thẳng vào vô niệm rỗng rang.

Trong tiến trình nhận thức thường nghiệm, chúng ta thấy thời gian trải qua ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhưng thực sự tận cùng bản thể của thời tính, không có một thời nào dừng lại để gọi là quá khứ, hiện tại và tương lai cả. Tất cả đều là sản phẩm của ý thức.

Như tác giả Nguyên Giác viết, *"Khi một niệm khởi lên, sẽ xảy ra tiến trình: sinh trụ dị diệt -- niệm khởi, niệm an trụ, niệm biến đổi và niệm biến mất. Cái "bây giờ" đó sẽ là khoảnh khắc nào trong tiến trình này? Cái "bây giờ" thực tướng là ảo tưởng, là vô hình tướng, là sản phẩm lý luận của ý thức… Thực sự, Đức Phật dạy rằng ba thời "quá, hiện, vi lai" đều cần phải buông bỏ (Kinh Pháp Cú, Bài Kệ 348, Đức Phật dạy ngài Uggasena)."(4)*

Về mặt không gian hay vật chất, tất cả đều do duyên mà thành, nên luôn luôn sinh diệt không ngừng nghỉ. Tất cả vật chất đều có thể chia cắt, đập nát ra từng mảnh nhỏ thành vi trần, rồi lân vi trần đến mức mắt thường không thể thấy được. Ngài Thế Thân (Vasubandhu), trong tác phẩm A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Abhidharmakosa Karika) phân tích sắc pháp làm hai loại là biểu sắc và vô biểu sắc. Vô biểu sắc chính là sắc chất tồn tại ở dạng năng lượng hay chủng tử là cơ bản của vạn pháp. Ngày nay các nhà cơ học lượng tử cho thấy rằng các hạt sóng vật chất tồn tại ở dạng năng lượng. Nhưng tận cùng bản chất của năng lượng thì cũng là pháp vô thường sinh diệt không ngừng, tức đều không có tự tánh, không hiện hữu thật sự mà chỉ là giả có, hay nói khác đi đều là Không.

Thời gian rỗng Không. Không gian rỗng Không. Tâm cảnh đều Không. Vậy thì còn gì để tu, để chứng?

Bởi thế, trong bài kệ trình bày sở ngộ của mình, Lục Tổ Huệ Năng viết rằng:

"Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai."
(Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính bụi nhơ?)

Bước vào cửa Không đó đòi hỏi hành giả một nghị lực phi thường giống như người đứng trên đầu sào trăm trượng mà bước thêm bước nữa. Chỗ này, tác giả Nguyên Giác nói rằng:

"Có một công án nói rằng, hãy bước lên đầu sào trăm trượng và bước thêm một bước nữa. Nghĩa là gì? Đó là bước vào Tánh Không. Cái bước tối hậu đó là: sau giới định huệ sẽ là quăng bỏ tất cả pháp."(5)

Nhưng cửa Thiền đốn ngộ là cửa Không. Dễ thì không gì dễ bằng, mà khó thì cũng chẳng có chi khó hơn. Biết cách thì chỉ trong một niệm. Không biết cách thì cả đời cũng không xong.

Cho nên, tùy theo căn cơ mà Đức Phật chỉ cách tu khác nhau. Cũng vì vậy, mà có Thiền Đốn Ngộ của Lục Tổ ở phương Nam và Thiền Tiệm Tu của Thần Tú ở phương Bắc.

Ngày nay, Thiền Minh Sát, Vipassana, Thiền Chánh Niệm đã trở thành liệu pháp trị bệnh cho thân và tâm hữu hiệu được thực hành tại nhiều nơi trên thế giới, từ lãnh vực giáo dục, kinh doanh, y khoa, cho đến chính trị và quân sự, kể cả trong các tôn giáo khác. Trong "Thiền Tông Qua Bờ Kia," tác giả Nguyên Giác đã viết hàng chục bài để trình bày về những diệu dụng của việc thực hành Thiền Chánh Niệm trong đời thường qua nhiều lãnh vực.

Tác giả Nguyên Giác nói về hiện trạng này như sau:

"Thiền tập là đề tài bình thường và dễ gặp nhất trong hầu hết các sách về Phật Giáo (PG) tại Hoa Kỳ, nơi giới trí thức đang khám phá và ứng dụng như một công cụ đa dụng để chữa lành rất nhiều bệnh thân và tâm, và đã dùng như một phương pháp gìn giữ hòa bình, kể cả những nơi bạo lực gay gắt như trại tù.

"Trong khi ứng dụng nơi công quyền Hoa Kỳ -- như trong quân đội, trại giam, trường học, bệnh viện… -- thiền tập Phật Giáo được lược bỏ tính tôn giáo, để giữ thuần như một phương pháp thư giãn và trị liệu, nhiều khuynh hướng thiền tập khác đã xuất hiện. Trong đó có

thiền tập theo khuynh hướng Ấn Độ Giáo, hay thiền tập ứng dụng vào phương pháp tĩnh tâm hay bồi linh của các hệ phái Thiên Chúa Giáo…"

"Một điểm chú ý là thiền tập theo các khuynh hướng tôn giáo mới xuất hiện, thoạt nghe có vẻ như là Phật Giáo, với các giáo chủ tự cho là vô thượng; họ dùng các ngôn ngữ và thiền pháp đã chế biến từ Phật Giáo để lôi kéo tín đồ."(6)

Nhận thức được tình trạng Thiền được phổ biến khắp nơi và dễ bị lạm dụng dẫn tới sai mục đích giác ngộ và giải thoát mà Đức Phật đã dạy, tác giả Nguyên Giác khẩn thiết kêu gọi quảng bá Thiền Phật Giáo để giúp mọi người thực hành Thiền được an lạc và giải thoát.

"Nói ngắn gọn, trong tình hình như thế, chúng ta cần phải quảng bá phương pháp thiền tập của PG, phải nói rằng ai cũng có thể tập thiền PG, và phải cho biết rằng thiền tập PG mang lại hạnh phúc và lợi ích vô cùng tận cho người tập, và tận cùng là giải thoát."(7)

Dù Thiền Tổ Sư dạy pháp thấy tánh đốn ngộ đã truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác trải qua hơn 15 thế kỷ nay tại các nước Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản. Nhưng, vẫn có người cho đó chỉ là sản phẩm của chư vị Thiền Sư Trung Hoa không phải từ Phật, không như lời Đức Phật dạy trong các Kinh Nikaya. Cộng thêm vào đó là khuynh hướng bài xích Kinh Điển Đại Thừa được dịch bằng Hán văn cũng ngày càng phổ biến làm cho nhiều Phật tử không biết đâu là thiệt đâu là giả.

Trong bối cảnh đó, tác giả Nguyên Giác, trong "Thiền Tông Qua Bờ Kia," đã trích dịch rất nhiều đoạn Kinh Đức Phật dạy trong các Kinh Sơ Thời của Phật Giáo, tức là thời kỳ có trước cả các bộ Kinh Nikaya, cũng như trong các Kinh Nikaya, để cho thấy rằng những lời chư Tổ Thiền Tông dạy sau này chính là lời Đức Phật dạy trong các Kinh đó.

Những bài Kinh mà tác giả Nguyên Giác nêu ra thực tế cũng đã được dịch sang Việt ngữ từ lâu bởi Hòa Thượng Thích Minh Châu, đặc biệt trong Tiểu Bộ Kinh Tập I, Kinh Tập, Chương Bốn, Phẩm Tám.(8) Hoặc các bộ Kinh A Hàm bằng chữ Hán cũng đã được dịch sang tiếng Việt bởi Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa Thượng Thích Đức Thắng, v.v… Các bản dịch Kinh A Hàm của HT Thích Tuệ Sỹ và HT Thích Đức Thắng có phần đối chiếu, chú thích rất công phu từ các bản tiếng Phạn.(9)

Điều đáng ghi nhận ở đây là dù những bài kinh này đã được chư Tôn Đức dịch Việt ngữ và xuất bản từ trước và sau năm 1975 trong và ngoài nước nhưng ít ai giới thiệu những nội dung của các Kinh này chứa đựng tông chỉ cốt lõi của Tổ Sư Thiền.

Nếu không phải là một hành giả Thiền, nếu không có tâm nguyện xiển dương Thiền Tông như Cư Sĩ Nguyên Giác thì đã không có những nỗ lực và tận tụy miệt mài qua nhiều năm tìm đọc các nguồn dữ liệu từ các bản dịch Anh ngữ của những bài Kinh này để chuyển sang Việt ngữ và giới thiệu đến độc giả Việt Nam. Đây là điểm đặc sắc và giá trị của tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia."

Xin trích một vài đoạn mà tác giả Nguyên Giác trích dịch để cho thấy Thiền Tông và Kinh Điển Đại Thừa không khác với lời Phật dạy Trong Kinh Sơ Thời.

"Thử trích Aṭṭhaka Vagga (Phẩm Tám), bản dịch Bhante Varado, trong Kinh Paramaṭṭhaka Sutta, đoạn thơ 803, và đối chiếu nhiều bản dịch:

"...He does not hold on even to the Buddha's teachings..." (Vị này không nắm giữ ngay cả Phật Pháp...)

"Bản dịch của Gil Fronsdal: "One does not construct, prefer, or take up any doctrine. A [true] brahmin not led by precepts or religious practices…" (Vị này không dựng lập, không ưu ái, không nắm giữ bất kỳ lý thuyết nào. Một Phạm chí chân thực không bị lèo lái bởi giới luật hay tu tập tôn giáo…"

"Bản dịch của Pannobhasa Bhikkhu: "The holyman is gone beyond boundaries -- by him there is nothing..." (Vị này vượt qua mọi giới hạn -- không có gì bên vị này cả...)

"John D. Ireland dịch: "They do not speculate nor pursue (any notion); doctrines are not accepted by them." (Họ không dựng lên lý thuyết nào, không chạy theo bất kỳ khái niệm nào; họ không chấp nhận lý thuyết nào cả).

"Thanissaro Bhikkhu dịch: "They don't conjure, don't yearn, don't adhere even to doctrines." (Họ không dàn dựng lên, không ước muốn theo, không gắn mình vào bất kỳ giáo thuyết nào).

"Max Müller và Max Fausböll dịch: "They do not form (any view), they do not prefer (anything), the Dhammas are not chosen by them, a Brâhmana is not dependent upon virtue and (holy) works; having gone to the other shore, such a one does not return." (Họ không dựng lập bất kỳ quan điểm nào, không ưa thích bất kỳ pháp nào, cũng không lựa chọn ngay cả Chánh Pháp, một vị Phạm chí không dựa vào ngay cả giới luật, và không dựa vào cả việc làm công đức)."(10)

Tác giả Nguyên Giác viết ở một đoạn khác rằng:

"Tuy rằng Thiền Tông Trung Hoa nói là "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" (không dùng tới ngôn ngữ, truyền pháp ngoài kinh điển," nhưng trong 16 chương của Kinh Nhật Tụng Sơ Thời của Đức Phật, chúng ta thấy đã được trùng tuyên gần như toàn bộ trong Tín Tâm Minh của Tăng Xán và trong Chứng Đạo Ca của Huyền Giác. Đọc kỹ, sẽ thấy rằng Thiền Tông Trung Hoa là giáo pháp Đức Phật dạy trong 16 chương nêu trên."(11)

Có thể có người nghĩ rằng khi tu Thiền không để tâm dính mắc tới bất cứ pháp gì thì cũng không đặt nặng vấn đề giữ gìn giới luật

nhà Phật. Nhưng tác giả Nguyên Giác thì không. Ông cảnh giác một cách nghiêm trọng rằng,*"Nếu không có giới, là toà nhà Phật Giáo sụp đổ."(12)*

Tác giả Nguyên Giác đã nêu vấn đề và nhận định như sau:

"Có một câu hỏi nên suy nghĩ: tại sao trong rất nhiều thế kỷ, tại các nước theo PG Bắc Tông, Thiền Tông không hưng thịnh được, và có lẽ đã thất truyền ở nhiều nơi, nhưng Phật giáo vẫn lưu truyền và vẫn có ảnh hưởng lớn trong xã hội?

"Một câu hỏi tương tự cũng nên nêu ra: tại sao pháp Thiền Vipassana ở các nước theo PG Nam Tông dị biệt nhau, và cũng đã thất truyền nhiều thế kỷ (theo nhiều sử gia, Vipassana mất truyền khoảng 2,000 năm), nhưng Phật giáo vẫn lưu truyền và vẫn có ảnh hưởng lớn trong xã hội?

"Có lẽ, sức mạnh gìn giữ Phật giáo ưu tiên phải là giới. Nghĩa là, chặng đầu trong ba giai đoạn Đức Phật đã dạy: Giới, Định, Huệ."(13)

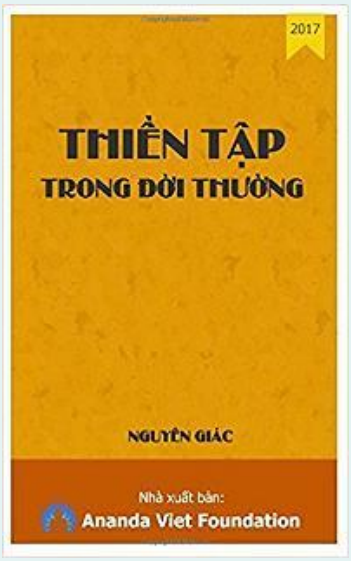

Đúng như vậy, Tổ Sư Liễu Quán cũng đã khuyến tấn việc tu Thiền phải đi đôi với giữ gìn giới luật trong bài kệ truyền pháp của ngài rằng:

"Giới định phước huệ
Thể dụng viên thông…"

(Giữ giới, tham thiền nhập định, tu phước, phát huy trí tuệ thì thể và dụng mới vẹn toàn.)

Nên nhớ, Ngài Huệ Năng sau khi đắc đạo và được Ngũ Tổ truyền y bác làm Lục Tổ, ẩn danh 15 năm rồi thì ngài đã xin thọ Tỳ Kheo Giới và gia nhập vào Tăng đoàn để từ đó truyền pháp Thiền Tào Khê.

Điểm thích thú và quan trọng khác mà tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia" nói đến là Kinh Nhật Tụng vào thời Đức Phật còn tại thế. Cư Sĩ Nguyên Giác cho biết đó là nhóm Kinh: 16 Chương Atthaka Vagga [Phẩm Tám] và Parayana Vagga [Phẩm Bi Ngạn], đều nằm trong Kinh Tập, Tiểu Bộ Kinh. Điều đáng chú ý nữa là như tác giả Nguyên Giác viết:

"Trong sách "The Buddha Before Buddhism" (Đức Phật Trước Thời Phật Giáo) Giáo sư Gil Fronsdal, cũng là một thiền sư nổi tiếng, đã dịch Phẩm Tám ra Anh ngữ, và ghi nhận nơi trang 141 (ấn bản sách giấy, chưa thấy bản điện tử) rằng điều kinh ngạc nhận ra là trong các năm đầu hoằng pháp, nhóm kinh nhật tụng Phẩm Tám này không nói gì về Tứ Thiền, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi…

Trong khi đó, Giáo sư Luis O. Gomez trong bài viết "Proto-Madhyamika in the Pali canon" (Tiền Thân Trung Quán Luận Trong Tạng Pali) nhận thấy hai nhóm Kinh Nhật Tụng sơ thời (Phẩm Tám và Phẩm Con Đường Đến Bờ Bên Kia) nhiều thế kỷ sau đã xuất hiện lại trong văn học hệ Bát Nhã, Trung Quán Luận, và Thiền Tông Trung Hoa."(14)

Tác giả Nguyên Giác cũng đã nói đến sự diệu dụng của việc tụng Kinh và nghe Pháp:

"Tới đây, chúng ta có thể nêu câu hỏi: Có thể giải thoát mà không cần thiền tập? Có thể giải thoát mà chỉ cần nghe pháp? Hay chỉ cần tư duy, nghiền ngẫm về pháp nghĩa là sẽ dứt sạch phiền não và đắc thánh quả?

"Câu hỏi trên rất quan trọng, vì trong hoàn cảnh người Việt hiện nay, phân tán toàn cầu, việc làm nơi xa xứ có thể nặng nhọc, và nơi ở có khi không gần chùa, phương tiện tiếp cận giáo pháp hầu hết là nghe pháp qua mạng YouTube.com hay đọc kinh luận trên Internet.

"Đức Phật trả lời rằng có thể. Có thể chỉ nghe pháp, hay chỉ tư duy về pháp là đủ để giải thoát. Lời dạy này nằm trong Kinh Tăng Chi Bộ AN 5.26. Kinh này được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch là Giải Thoát Xứ. Riêng bản Anh dịch của Piya Tan có nói thêm chi tiết, biện giải về 5 giải thoát xứ, và dẫn nhiều tham khảo thêm.

"Đức Phật dạy rằng có 5 con đường có thể xóa bỏ hoàn toàn phiền não, đạt thánh quả cao nhất:

1. Lắng nghe (hay học) Chánh pháp;
2. Giảng dạy Chánh pháp;
3. Tụng đọc Chánh pháp;
4. Tư duy ý nghĩa Chánh pháp;
5. Thiền tập."(15)

Phật Giáo Việt Nam trong nhiều thế kỷ nay cũng đã thực hành pháp môn trì tụng Kinh vào mỗi sáng và tối trong các Chùa. Phổ thông nhất tại Miền Trung và Miền Nam Việt Nam từ phong trào chấn hưng Phật Giáo vào đầu thập niên 1930s đến nay là Chú Thủ Lăng Nghiêm được tụng vào buổi sáng và Kinh A Di Đà được tụng vào buổi tối. Ngoài ra, còn có Ba Kinh Nhật Tụng, gồm Kinh Di Giáo, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, và Văn Cảnh Sách của Tổ Quy Sơn Linh Hựu soạn, còn gọi là Phật Tổ Tam Kinh, cũng đã được trì tụng hàng ngày, hiện vẫn còn bản khắc gỗ tại Chùa Viên Minh, tỉnh Hà Tây, Miền Bắc Việt Nam.(16) Nhiều Chùa Việt Nam trong và ngoài nước thường có những khóa trì tụng Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong Kinh Hoa Nghiêm hằng tuần và các Kinh Dược Sư, Kinh Vu Lan vào các dịp Lễ Tết Nguyên Đán và Lễ Vu Lan.

Tác giả Nguyên Giác cũng nhắc nhở người trì tụng Kinh và nghe Pháp rằng, *"Nên ghi chú rằng, trong khi lắng nghe, giảng dạy, tụng đọc hay tư duy đều phải tỉnh thức; vì nếu không, mình sẽ chỉ là cái máy cát-sét, lại vô ích."(17)*

Tóm lại, tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia"

có thể được xem là cuốn cẩm nang cho người Phật tử thuộc mọi căn cơ tu tập, đặc biệt cho những hành giả Thiền, vì toàn bộ tác phẩm là những kinh nghiệm tự thân của tác giả Nguyên Giác, những thông tin giá trị về Thiền, và những dẫn chứng Kinh điển dạy pháp điều phục thân và tâm để vừa có cuộc sống khỏe mạnh, an lạc và hạnh phúc ngay trong đời này, vừa có thể thành tựu mục đích giác ngộ cứu cánh vượt qua bờ kia.

Tác Phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia" của Cư Sĩ Nguyên Giác được Nhà Xuất Bản Ananda Viet Foundation xuất bản và công ty mạng Amazon phát hành từ giữa tháng 10 năm 2017. Tác phẩm in bìa màu, dày gần 350 trang, với 27 bài viết xoay quanh chủ đề chính là Thiền.

Xin cảm ơn tác giả Nguyên Giác và xin kính giới thiệu tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia" đến chư liệt vị.

---

1) Nguyên Giác, Thiền Tông Qua Bờ Kia, Nhà Xuất Bản Ananda Viet Foundation, 2017, trang 338
2) Sách đã dẫn, tr. 336-337
3) Sách đã dẫn, tr. 339
4) Sách đã dẫn, tr. 106
5) Sách đã dẫn, tr. 111
6) Sách đã dẫn, tr. 104-105
7) Sách đã dẫn, tr. 105
8) Trích theo chú thích 3 trong bài "Vài Ghi Chú Rời Về Thiền của tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia" của Nguyên Giác
9) http://www.daitangkinhvietnam.org/taxonomy/term/298
10) Nguyên Giác, Thiền Tông Qua Bờ Kia, NXB Ananda Viet Foundation, 2017, tr. 109, 110, 111
11) Sách đã dẫn, tr. 129
12) Sách đã dẫn, tr. 83
13) Sách đã dẫn, tr. 83
14) Sách đã dẫn, tr. 108
15) Sách đã dẫn, tr. 111-112
16) https://quangduc.com/images/file/fRBruaTK0AgQAJog/ba-kinh-nhat-tung.pdf
17) Nguyên Giác, Thiền Tông Qua Bờ Kia, NXB Ananda Viet Foundation, 2017, tr. 112

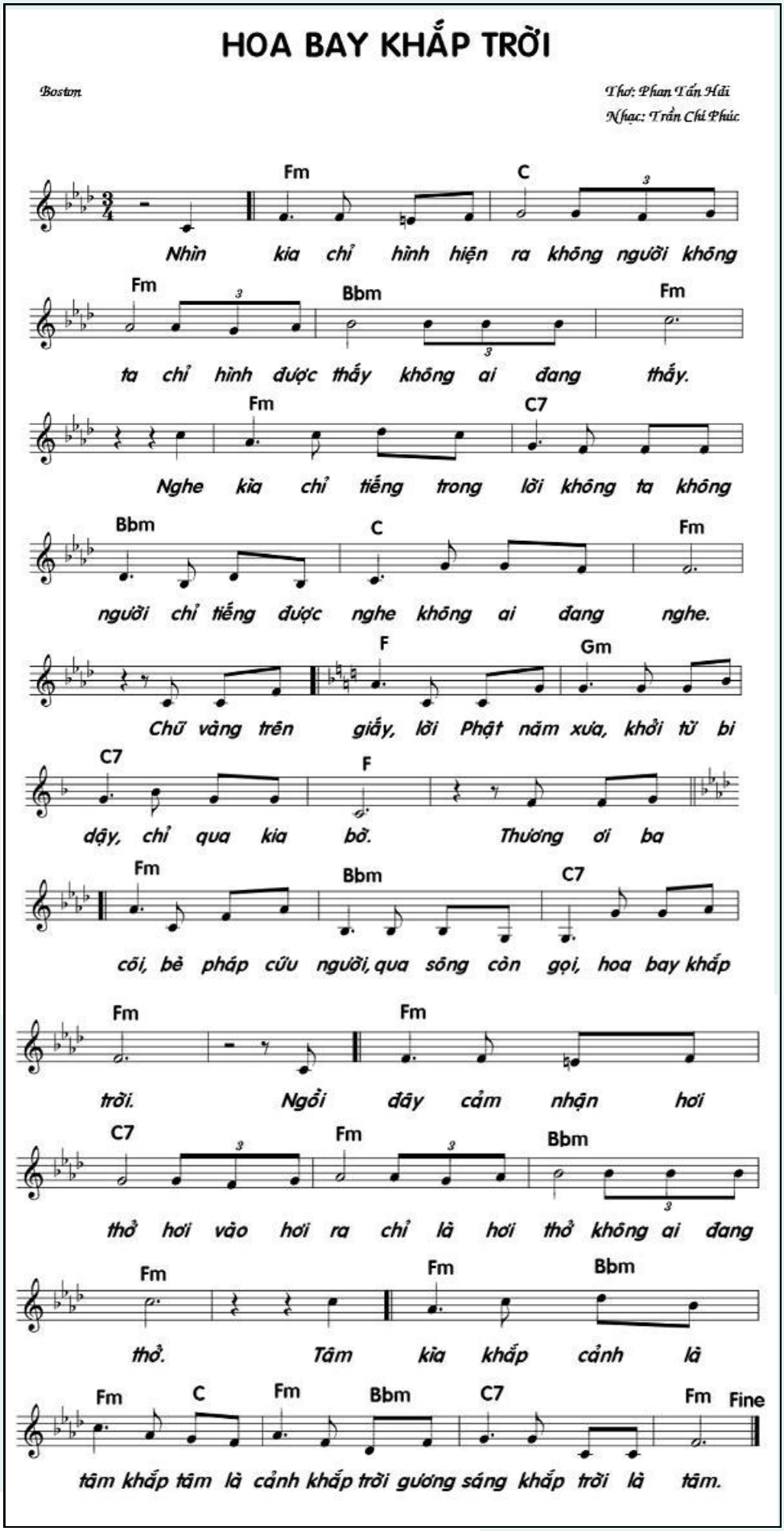

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TRANG NGHIÊM CÕI PHẬT, TRANG NGHIÊM TÂM MÌNH

Huệ Trân

Hàng năm, từ trung tuần tháng 12 dương lịch, các tự viện khắp nơi đều hoan hỷ chuẩn bị tổ chức các khóa tu để cúng dường lễ vía Đức Phật A Di Đà, vị Phật đã phát 48 đại nguyện cứu độ chúng sanh, vị Phật gần gũi trong tâm tưởng Phật tử khắp năm châu bốn biển, bất luận mầu da, tiếng nói, bất luận giầu nghèo, sang hèn, bất luận nam nữ, già trẻ ….

Ngài là ai mà không ngừng cứu độ vô lượng vô biên chúng sanh như thế?

Ngài phát những đại nguyện gì mà chúng sanh nào nương theo lời dạy đều thấy mình được có phần trong kho báu vô tận mà Chư Phật chỉ cho?

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà dưới dạng vô vấn tự thuyết, nghĩa là không chờ ai hỏi mà Ngài đã lấy Trưởng lão Xá Lợi Phất làm đối tượng để chỉ bày cho thính chúng gồm 1200 vị Tỳ-Kheo cùng vô lượng Chư Thiên các cõi.

Đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng:

"Từ đây qua phương Tây, quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong thế giới đó có Đức Phật hiệu A Di Đà, hiện nay đang thuyết pháp" (*)

Từ lời mở đầu này mà 26 thế kỷ qua, chúng sanh đã có Kinh A Di Đà như bửu bối hộ mạng để an vui tụng niệm, Tín Nguyện tuân theo và Hành trì miên mật.

Tín, Nguyện, Hành chính là tôn chỉ của pháp môn Tịnh Độ mà bất cứ ai nương theo đầy đủ cũng sẽ đạt được giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, phút lâm chung được Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh Chúng phóng quang tiếp dẫn về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Tín là tin sâu. Nguyện là mong muốn hết sức tha thiết. Hành là thực hành việc trì danh hiệu Phật A Di Đà.

Hành giả tin sâu những gì?

- Tin Đức Thích Ca Như Lai là đấng Giác Ngộ hoàn toàn.
- Tin cõi Tây Phương Cực Lạc là cõi có thật, do Đức Phật A Di Đà làm Giáo Chủ.
- Tin Chư Phật sáu phương đều ca ngợi pháp môn Tịnh Độ là công đức bất khả tư nghì.
- Tin cõi Ta-bà ngũ trược do chiêu cảm ác nghiệp của chúng sanh; còn cõi Cực Lạc thanh tịnh là do tịnh nghiệp chúng sanh mà thành.

Hành giả nguyện thiết những gì?

- Nguyện được thấy Phật A Di Đà.
- Nguyện hướng về tánh giác vốn mỗi chúng sanh đều sẵn có.
- Nguyện ly khổ, đắc lạc, nghĩa là bỏ bát khổ cõi Ta-bà (sinh, lão, bệnh, tử, xa người thương, gần người ghét, cầu không được, năm ấm không an); Đạt an lạc cõi Cực Lạc là vui hóa sinh hoa sen, vui tự tại không bệnh, vui thọ mạng, không tứ đại phân ly …
- Nguyện được lên ngôi cửu phẩm, không còn thối chuyển.

Hành giả hành trì những gì?

- Chỉ một lòng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, niệm thiết tha chân thật, niệm thành tiếng hoặc niệm thầm nhưng cố gắng kết những câu niệm Phật thành chuỗi, thành phiến, để đạt được nhất tâm bất loạn.

Tín, Nguyện, Hành là ba món tư lương mà những hành giả tu pháp môn Tịnh Độ cần phải có, trên lộ trình về Tây Phương Cực Lạc.

Được vãng sanh hay không là do hành giả có hay không có, Tín và Nguyện.

Đạt phẩm vị cao hay thấp là do hành giả Hành trì cạn hay sâu.

Hành giả pháp môn Tịnh Độ, ngoài niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà, còn được hướng dẫn tụng hai kinh Đại Thừa là Kinh A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Hai Kinh này đều giới thiệu cõi nước đẹp đẽ của vị Giáo Chủ Tây Phương và cùng đề cập đến một chi tiết đặc biệt, do lòng từ bi vô lượng của Chư Phật đối với chúng sanh. Đó là, cõi Cực Lạc không chỉ hoàn toàn dành cho bậc Thánh đã giác ngộ mà cũng có chỗ cho kẻ phàm phu. Chúng sanh nào quyết tâm tinh tấn niệm Phật, quyết buông bỏ hệ lụy thế gian, quyết xin được vãng sanh về Cực Lạc thì phút lâm chung, dù còn nghiệp cõi này chưa trả hết, Chư Phật vẫn hoan hỷ cho "quẩy nghiệp mà đi", danh từ nhà Phật gọi là "đới nghiệp vãng sanh", lên cõi Phật sẽ tu tiếp và xả tiếp.

Thế nên, người trang nghiêm cõi Phật, là trang nghiêm tâm mình. Hãy trang nghiêm tâm mình thì Tịnh Độ hiện tiền. Cũng tiếng chim đó, cũng làn gió đó, cũng ánh trăng đó, nhưng khi tâm thanh tịnh, ta sẽ như nghe vọng thanh âm thuyết pháp, như nhạc trời vang tiếng vi diệu, khiến người nghe sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng …

Vào thời điểm gần kề Lễ Vía Đức Phật A Di Đà, chúng tôi đủ duyên được về dự khóa tu Vô Lượng Thọ tại Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng, thành phố Perris, miền Nam California. Thật ra, nơi này mới chỉ là khởi nguyên của Thượng Tọa Thích Thường Tín, muốn đáp ứng tấm lòng khao khát của một số Phật tử chuyên tu niệm Phật, mong được có một nơi yên tịnh để cùng nhau ngày đêm niệm Phật, quyết định vãng sanh đời này, chỉ một đời này thôi.

Vậy mà, như một sự sắp đặt mầu nhiệm, cứ từng yếu tố, từng thuận duyên, Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng tại thành phố Perris đã hình thành. Vì là đất mới nên tuy còn nhiều việc cần sắp xếp, Thầy cũng muốn mở khóa tu 7 ngày, như một hình thức chí thành khẩn trình, bộc bạch tấm lòng cùng mười phương Chư Phật.

Cũng vì chưa đủ tiện nghi nên chưa thông báo rộng rãi khóa tu, mà chỉ một số Phật tử biết thôi. Vậy mà bạn đạo thầm gọi nhau, khiến căn nhà hai tầng, vào giờ chỉ tịnh, không đâu là không có người.

Kinh Vô Lượng Thọ được chia làm ba phần cho ba thời khóa trong ngày, để mỗi ngày đều tụng trọn bộ. Ngoài ba thời tụng kinh là chính, thời khóa được Thầy uyển chuyển hài hòa qua những hình thức hành trì như kinh hành, lễ Phật, nghe Pháp, nghe lời khai thị của các vị Tổ pháp môn Tịnh Độ, pháp đàm, niệm Phật tự do …. Thời khóa liên tục mỗi ngày từ 5 giờ sáng đến 9 giờ tối, và mỗi ngày qua, là mỗi chứng kiến những sự việc bất ngờ. Chẳng hạn như, tu xong một ngày, Thầy ra sân trước, không biết ai đã dọn đống gạch ngổn ngang trên lối đi, vào một góc gọn gàng. Qua một hôm khác lại thấy ai đã san bằng những u đất nhấp nhô ở hai bên lối vào cửa chính, khiến nhãn quan được vô cùng an lạc trên đường vào đạo tràng. Rồi những hàng cây khô đâm chìa đó đây ngoài vườn sau cũng được ai đó cắt tỉa, khiến những bước kinh hành được an toàn. Cứ thế, góc sân này, lối sỏi kia, đống gỗ nọ … mọi bừa bộn, ngổn ngang mà chủ cũ để lại đã mỗi ngày đều được "ai đó" dọn dẹp.

Thì ra, tiếng niệm Phật đã cảm động lòng người. Chính những thanh niên, thiếu nữ đưa bà, đưa mẹ tới tu, thấy những bừa bãi ngổn ngang bên ngoài chưa kịp dọn, mà phát tâm chấp tác. Một người thấy, hai người nghe, rồi ba người tới, bốn người theo … họ gọi nhau, làm "trang nghiêm cõi Phật".

Tới ngày thứ 7 của khóa tu thì đạo tràng đã tươm tất trong ngoài. Cây cảnh được cắt tỉa, rác rưởi khắp nơi được gom đi, lộ rõ khoảng đất trống thoai thoải như ngọn đồi, nên đã được Đại Đức Thích Thiện Đức chọn là nơi xứng đáng để trong tương lai gần, sẽ tạo bốn chữ nổi "A DI ĐÀ PHẬT" thật lớn, bằng xi măng, những trực thăng bay ngang qua cũng có thể nhìn thấy.

Trong suốt khóa tu 7 ngày với thời khóa liên tục từ sáng tới tối, với hơn ba chục người trong một không gian nhỏ mà không hề có tiếng điện thoại reo, không một tiếng nói lớn, không một bước chân vội vã. Đại chúng đều tuyệt đối hài hòa, an lạc, tương kính, và nhất là - không ai bảo ai - đều tự nguyện "trang nghiêm cõi Phật là trang nghiêm tâm mình", một điều tưởng dễ nhưng thực tế rất khó, nếu mỗi cá nhân không ý thức giữ chánh niệm.

Là Phật tử, ai cũng đã từng được tụng Kinh Vô Lượng Thọ, vậy mà trong khóa tu này, giờ pháp đàm, có những vị chia sẻ là không thời tụng kinh nào mà con không khóc. Người thì khóc ở Phẩm Bốn, khi tụng tới câu *"Có đại quốc chủ, tên Thế Nhiêu Vương, nghe Phật nói pháp, vui mừng khai giải, tìm phát đạo ý, vô thượng chân chánh, bỏ nước từ ngôi, hành hạnh sa-môn, hiệu là Pháp Tạng …"(*);* người thì rơi lệ khi tụng Phẩm Ba Mươi Tám, lúc Đức Phật chỉ dạy ngài A Nan: *"Phật bảo A Nan: Các ông muốn thấy, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và chư vị Bồ Tát, các A La Hán, cõi nước đang ở, nên hướng về Tây, phía mặt trời lặn, cung kính đảnh lễ, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật".*

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặt hướng về Tây, chắp tay đảnh lễ, rồi bạch Phật rằng: "Con nay nguyện thấy,thế giới Cực lạc, Phật A Di Đà, phụng sự cúng dường, trồng các căn lành.

Đang khi đảnh lễ, bỗng dưng được thấy Phật A Di Đà, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như ngọn núi vàng, vượt cao hơn hết, tất cả thế giới …"(*)

Thường thì, phải cực kỳ xúc động mới khiến nước mắt rơi. Khóc trên những trang Kinh, hẳn là thân và tâm đều đang đặt trọn trên những trang Kinh ấy. Làm sao mà không cảm động khi đang ở Ta-bà bỗng ngỡ như vừa được về miền Cực Lạc. Thời gian và không gian hẳn đã được xông ướp bằng tâm lực chí thiết, chí thành của đại chúng, mới đạt tới *"Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn"* như vậy được.

Lại có vị, tỏ lòng cám ơn Thầy đã mở khóa tu, bằng lời chia sẻ rất ý nhị:

- Nói là gieo, nghe là gặt. Trong suốt khóa tu, Thầy đã ban pháp quá nhiều, chúng con chỉ việc gặt, và tha hồ mà gặt.

Một vị khác tiếp lời, cho rõ ý hơn:

- Thầy ban pháp là gieo hạt lành, chúng con được hưởng, chỉ gặt thôi. Nhưng thầy ban pháp, có phải chỉ là gieo thôi đâu, thầy cũng gặt đó chứ. Thầy gặt được sự hoan hỷ của Chư Phật khi nhìn xuống thế gian, còn thấy những nơi Chánh Pháp đang được hành trì, rao giảng.

Đa tạ Thượng Tọa Thích Thường Tín đã phát tâm mở khóa tu Vô Lượng Thọ ở một địa danh chưa nhiều người biết, ở một nơi chưa đủ tiện nghi, nhưng bất ngờ, chính những thiếu thốn, những đơn sơ đó đã tình cờ chứng nghiệm được biết bao tấm lòng thiết tha vì Đạo Pháp.

Xưa, tăng đoàn ôm bình bát đi khất thực khắp nơi để gieo duyên, độ người, nào có tâm phân biệt, chọn lựa. Nơi nào có người cầu đạo nơi đó sẽ có bước chân trưởng tử Như Lai, chắc chắn như thế, nên đã 26 thế kỷ qua, thế sự có gặp bao tang thương dâu biển mà Đạo Phật vẫn thầm lặng phát huy *"Ví như hư không, thích nghi trung đạo"*

Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Phật
Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Pháp
Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Tăng

Huệ Trân
(Tào-Khê tịnh thất, trung tuần tháng 11/2017, sau khóa tu Vô Lượng Thọ)

Máu sinh linh không rửa sạch tội lỗi của người

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.

Khắp nơi, khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vọi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mấy từng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu?

Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng thái hậu như treo đầu sợi tóc. Thần chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẻ mỏi mệt hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi?

Quốc vương Hòa Mặc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy lại, nhà vua thấy lòng tơi bời từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi! Lầu son gác tía mà làm chi! Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.

Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khò khè, ngột ngạt. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được!

Cuối cùng nhà vua cho triệu tất cả những vị Phạm Chí xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất… Thế rồi, đến khi nhà vua thiết tha xin phương pháp điều trị thì yên lặng. Im lặng nặng nề ngự trị… Ai dại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình?

Bỗng một Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy bấm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:

- Tâu đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng thái hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm dương không hòa hiệp, thiên địa quỷ thần trách móc, Hoàng thái hậu lại mắt phải hung tinh, trách gì không yểu mệnh? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng thái hậu cũng phải đến tại lễ đàn cầu đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.

Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lành. Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.

Bầy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình? Có những con cừu non biết mình sắp chết, cố dừng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Những bọn lính thì có kể gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu

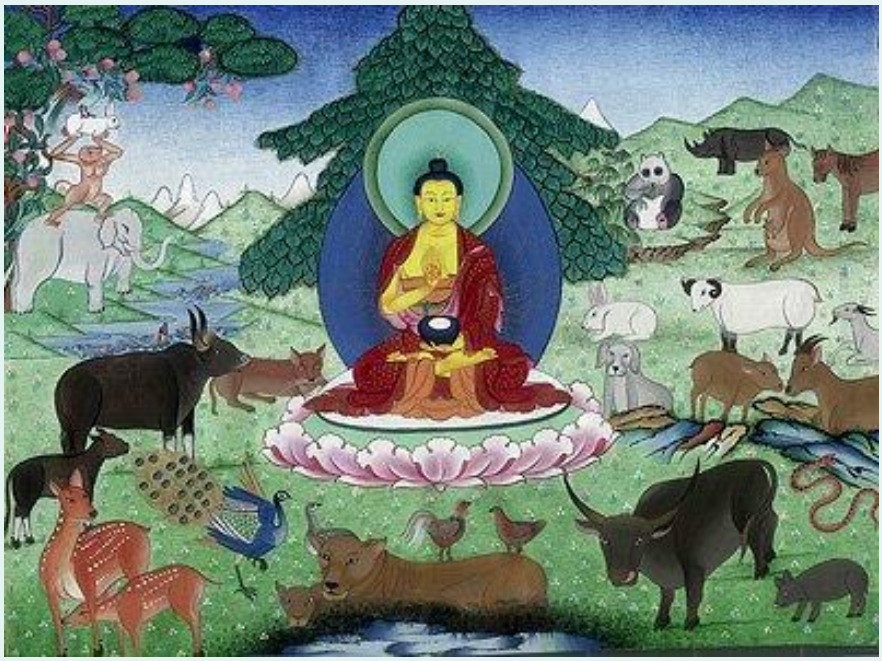

hồng hoen trên đường cỏ.

Xa giá cũng theo sát bầy thú vật. Hoàng thái hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hòa Mặc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa. Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhỏm dậy. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chận giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta mến phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.

Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã quỳ rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi ríu ríu chân, Vua cũng quì xuống. Muôn miệng một lời tung hô vang dậy: Kính chào Đức Thế Tôn!

Vâng chính là Đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ Tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ Quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm chí con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính lạy đấng Điều Ngự xin Ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.

Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân Đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngước đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:

- Này Quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc. Không một ai, dù là thiên thần quỷ vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa nông dân phải cày sâu cuốc bẩm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành Từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cãi điều đó.

- Nhưng bạch Thế Tôn, thiên địa quỷ thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?

- Này Quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của hành khất không? Người có tham bữa ăn tồi tàn của lớp cùng dân?… Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hầu cận, y thực tự nhiên có… nào họ có cần chi những thứ đồ tạ lễ của Quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.

Từ châu thân đấng Từ bi bỗng lóe lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rực cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẻo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vã cùng nhà vua xin Phật thâu làm đệ tử.

Hoàng thái hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng. Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm bồ đề, cầu đạo giải thoát. Liền đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.

Phật hiền từ nhìn đàn vật như an ủi, rồi theo lời mời của vua trở về cung.

Đêm ấy, có một trăm sanh linh thoát khỏi hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới Ấn Độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của Đức Từ phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp lan ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo. Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ bi và Trí tuệ.

Huyền Thanh

Nơi trú ẩn tránh bão

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Nhà thấp nhất trong xóm. Mái tole. Cửa gỗ. Sàn gác gỗ sao. Nó khiêm tốn lọt thỏm giữa những ngôi nhà cao tầng khang trang, kiên cố với bê-tông cốt thép, cửa sắt, cửa kính cường lực... Diện tích gian dưới của căn nhà cấp 4 này chỉ 24 mét vuông, chia thành hai gian, bếp và nhà vệ sinh chiếm hết gần một nửa, còn lại chừa cho gian phòng khách chật chội với bàn ghế, divan, tủ sách, chỗ để hai chiếc xe máy...

Vậy mà vào lúc sáng sớm, khi cơn bão Damrey dữ tợn bắt đầu đổ bộ vào đất liền, hung hăng sấn vào lòng thành phố biển Nha Trang, căn nhà khiêm tốn trong hẻm nhỏ này là nhà duy nhất mở cửa để đón nhận mười lăm người khách lỡ đường chui vào nương trú để tránh bão. Duy nhất. Vì mọi nhà xung quanh đều đã cửa đóng then cài kín bít từ đầu tối hôm trước.

Bắt đầu từ 4 giờ 15, khi ngoài phố nước đã ngập trắng, không còn thấy đâu là đường đi, đâu là vỉa hè, gió giật từng cơn hung bạo... một cánh cửa gỗ mở hé ra, vừa đủ cho một người bên ngoài chen lách vào bên trong. Một người, một người, thêm một người, rồi thêm người khác nữa, người trước gọi thêm người sau bên ngoài đầu hẻm chạy vào... rồi chen chúc nhau trong gian phòng khách chật hẹp.

Đó là một chị đứng tuổi nhà ở dưới Cửa Bé, chở hàng tạp hóa chất đầy trên chiếc xe đạp điện lên thành phố bán cho có đủ về trả tiền vay góp, bán ráng cả đêm, sáng về được nửa đường thì bão vào đến, xe chạy hết nổi, người và xe cùng hàng hóa bị quật ngã nghiêng, phải cố đẩy xe vào đầu con hẻm, rồi quăng thí đó mà chạy vào sâu bên trong hẻm tìm nơi lánh nạn. Đó là một chàng trai trẻ tuổi đôi mươi, tuy có khoác chiếc "áo mưa ăn liền" vẫn ướt sũng từ ngoài vào trong, môi tím tái, co rúm người vì lạnh run, nói không ra hơi. Đó là một cô gái đi làm xa vừa xuống ga tàu lửa với hai vali hành lý, được chú xe ôm chở liều về nhà ở đường Hùng Vương, nhưng đến được ngã ba Nguyễn Thiện Thuật- Lê Thánh Tôn thì cả hai người và xe đều bị gió mạnh quật ngã giữa phố nước, phải bỏ xe mà chạy vào hẻm ẩn nấp. Đó là một anh công nhân xây dựng, làm tăng ca ở công trường dưới Cầu Đá, nhà thì ở tuốt trên Thành-Diên Khánh, ý y bão sẽ không vào đến, mà có vào cũng không đến nỗi lớn dữ, nên về không kịp, xe ngập nước tắt máy, gồng mình dắt bộ một đoạn dài thì bão đuổi đến sau lưng, hoảng hốt đẩy xe chạy vào con hẻm ẩn náu, sắc diện vẫn còn lộ rõ nỗi kinh hoàng…

Bên kia đường, đối diện với con hẻm nhỏ này, là một khách sạn 4 sao hoành tráng sừng sững, là một trụ sở của UBND Thành Phố khang trang đồ sộ, nhưng đều tường cao rào kín, cửa bít cổng ngăn, cho nên những người lỡ đường gặp hoạn nạn chỉ có nước chạy vào con hẻm nhỏ để cầu may tìm nơi ẩn trú. Và may thiệt, nhân duyên đã đưa đẩy cho họ gặp được căn nhà nhỏ có cánh cửa gỗ hé mở, mở ra rồi đóng sập lại, lại mở ra rồi đóng vội, để đón tiếp từng người, khi ngoài kia mưa vẫn xối xả, gió mỗi lúc càng cuồng nộ thổi giật hú gào... Ba người trong nhà nhỏ đón tiếp mười lăm người bên ngoài hoàn toàn xa lạ, nhưng chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà trở thành thân quen, như đã gặp nhau, biết nhau từ thuở não thuở nào rồi. Ai đang đói bụng thì có bánh mì nguội chấm sữa, có mì gói nóng hổi vừa thổi vừa xì xụp; ai đang ướt lạnh thì có áo quần khô lành lặn của gia chủ gửi tặng để thay ngay lập tức. Ấm lòng. Ấm người. Run rẩy lắp bắp thì từ từ đã hồi sức, nói năng ra câu ra điệu. Lạc hồn thì dần dần đã hoàn hồn an tâm. Khi đã hoàn hồn rồi, bão cũng đã dần đi qua rồi, những người trú ẩn mới có thời giờ nhìn ngắm trên bốn bức vách đã và còn đang ôm lấy họ như vòng tay thân ái suốt mấy tiếng đồng hồ qua, để thấy những khung hình lộng kính có bản Kinh Từ Bi, có hình ảnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bên góc phải là tượng gỗ lũa Sư Tổ Bồ Đề, tượng ngài Tuyết Sơn, tượng đức Di Lặc cười toe toét trấn an… Chỉ là gian phòng khách, không phải gian thờ phụng, nhưng luôn luôn ấm cúng, thanh thoát, và cởi mở thân thiện đón nhận bất cứ

một ai bước qua khung cửa.

Người đàn ông chủ hộ của nơi trú ẩn nhỏ bé này không có mặt vào thời khắc đó, vì đang bận túc trực ở nhà từ đường cổ kính để canh giấc ngủ cho mẹ già, chỉ biết được tình hình an nguy ở nhà riêng của mình qua liên lạc điện thoại trước khi hết pin và cúp điện toàn tỉnh.

Ngay những giây phút nhận được tin báo, hắn ta, người chủ hộ, đã cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Hắn mừng vui, vì từ đây về sau mình sẽ hoàn toàn an tâm khi những người thân của mình đã tự ý tự động làm được những việc thiện nguyện mà không cần phải có sự hiện diện của mình, không cần phải đợi nghe mình mở miệng kêu gọi, khuyên bảo, chỉ dẫn hay nhắc nhở. Rất an tâm và vui mừng khôn tả.

Bão đã đi qua. Gió đã lặng dần, mưa còn lất phất bay. Từng người, từng người, từng người rời khỏi nơi trú ẩn để về với nhà, với gia đình, với những lo toan bề bộn sau cơn bão hung tàn khủng khiếp… Gian phòng khách mới chật chội đó mà bỗng dưng thấy rộng thoáng rộng thênh, bắt đầu đón những tia nắng đầu tiên rọi chiếu qua hai khung cửa gỗ. Cuộc sống vẫn tiếp diễn…

Hắn ta, người chủ hộ, viết những dòng này không phải để kể lể báo công, báo thành tích của ai, mà chỉ muốn gửi đi một thông điệp đến thập phương bá tánh: "Hãy mở lòng mình ra trước, thì tất cả mọi cánh cửa đều sẽ tự động mở toang theo, để đón lấy thiện duyên. Đừng đóng bít, đóng kín kẽ quá, sẽ không thấy hiểu được hết ý nghĩa và sự nhiệm mầu của cuộc sống!"

TRỞ THÀNH TRANG THƠ

Từ em nhập cuộc rong chơi
Mấy mùa hoa hạ đã đời du ca
Đẹp sao một giải giang hà
Khứ lai bất tận vẫn là thanh tân
Mình vui dễ được mấy lần
Mà trong tình lỡ vẫn cần có nhau
Vụng về để trái tim đau
Bảo rằng quên vẫn nguyên màu nhớ thương
Từ em bỏ lại con đường
Bụi hồng lãng đãng phố phường xanh xao
Chửa phai mắt biếc má đào
Về vui nguồn cội thì thào nắng mưa
Nguyên sơ một thuở ngày xưa
Giờ vàng hoa hãy sầu thưa thớt lòng
Ít nhiều tiểu ngộ sắc không
Nhẹ nhàng buông bởi liễu dòng vô minh
Từ em một tấm chân tình
Bây giờ học lấy tâm kinh Phật Đà
Em về đồng nội hát ca
Ngàn con bướm vũ dưới tà dương huy
Tiếng chim dưới suối từ bi
Gọi người ở giữa xanh rì nước non
Môi son chín mọng hãy còn
Vẫn không ngăn ngại được con đường về
Đã từng lắm nỗi đam mê
Tưởng chừng đâu đã bồ đề hư hao
Ấy là hư vọng lao xao
Bồ đề vô thụ thuở nào còn nguyên
Từ em viếng cảnh vườn thiền
Trong tâm lắp lánh một viền hoa đăng
Lòng hoan hỷ lạ ngỡ ràng
Sát-na này chạm vĩnh hằng phỉ phong
Từ em đa tạ ơn lòng
Cơn đau tình lỡ bệnh bồng mây bay
Em về trẩy hội hôm nay
Vẫn thanh vóc hạc vẫn gầy dáng mai
Thảm hoa in vết thảo hài
Nở ra như cánh lan dài biếc xanh
Lệ xưa giọt ngọc long lanh
Chuyện ngày xưa đã trở thành trang thơ

Bây giờ phố hạ ngẩn ngơ
Vàng hoa rực rỡ bến bờ hương quan
Một ngày nguồn cội thênh thang
…

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của VĨNH HẢO

Chương Ba

Kỳ 2

(tiếp theo số trước)

Thực ra, trước khi nghe tin chú Sáng hoàn tục làm công an, tôi đã nghe chuyện thầy Thiện Phước cởi áo tu ra làm cán bộ nhà nước, nên tôi đã không ngạc nhiên nhiều lắm, chỉ thấy buồn thôi. Buồn vì chú Sáng tuổi còn non dại, học hành chưa đến nơi đến chốn, làm sao giữ vững được tâm chí khi dấn thân vào đời. Huống chi chú ấy có thể đóng góp được gì cho dân tộc, cho quê hương bằng chiếc áo công an mà trong mắt người dân miền Nam hiện nay, chỉ là biểu tượng của bạo lực, kềm xiết! Những công an của chế độ mới là những vị hung thần, làm cho mọi người hãi sợ và ngầm căm ghét. Sao chú Sáng lại chọn con đường và chiếc áo ấy để vào đời! Phải chăng vì hoàn cảnh gia đình hay vì tâm nguyện xây dựng đất nước như thầy Thiện Phước từng nói? Tôi không tin chú Sáng có được tâm niệm cao đẹp và vững chãi như thầy Thiện Phước. Tuổi mười lăm của chú Sáng, với trình độ tu học non nớt, kiến thức phổ thông nông cạn… xông pha vào đời sẽ chết lịm trong đời. Bao nhiêu công hạnh gìn giữ, trau luyện lâu nay trong cửa chùa hẳn là phải mất hết.

Về phần thầy Thiện Phước, tôi nghe rằng khi vào đời, thầy đã về quê, Duy Xuyên, giữ một chức vụ gì quan trọng gì đó trong Ủy Ban Nhân Dân Quận, quản lý các hợp tác xã, chuyên bán bách hóa, thực phẩm. Công việc ấy, chức vụ ấy, thực ra có to tát gì đâu đối với một người đã từng nuôi mộng thành Phật, hoặc cái mộng nhỏ hơn Phật là làm một vị tăng trưởng, một vị Bồ-tát cứu độ nhiều chúng sinh. Tuy nhiên, như đã có lần nói chuyện với thầy trước đây, tôi biết dù thế nào đi nữa, thầy ấy đã có mục tiêu, có chủ đích rõ ràng và cao đẹp khi quyết định cởi áo để tham gia công tác xây dựng đất nước theo lời kêu gọi của nhà cầm quyền mới. Chuyện nhà cầm quyền mới có thực tâm xây dựng đất nước hay không thì không thể bàn nói được, nhưng thầy Thiện Phước chắc chắn là có thực tâm. Nhà nước được thêm một cán bộ giỏi nhưng Phật giáo thì mất đi một nhân sự tốt. Chỉ mong rằng sự góp mặt của người cán bộ ấy vào dòng đời là một chọn lựa thích đáng.

Một số người, trong đó có một số ít tu sĩ Phật giáo, điển hình là thầy Thiện Phước, đã cho rằng con đường xuất gia, việc làm của những người xuất gia, có vẻ như xa cách với cuộc đời, chẳng đem lại lợi ích thực tiễn nào cho cuộc đời. Cái lợi ích thực tiễn đó, là một cách nói cho văn vẻ chứ thực ra, chỉ có nghĩa là lợi lạc về vật chất, về cơm ăn, áo mặc, thuốc men, tiền bạc, nhà cửa… Dù rằng những người có quan niệm như vậy đã không phủ nhận tính chất cao quý trong mục tiêu và ý hướng phụng sự cuộc đời của Phật giáo, nhưng cách suy nghĩ đó – tức là có ý trách Phật giáo không thực tiễn – có lẽ hơi nghiêm khắc nếu không muốn nói là lệch lạc đối với mục tiêu tối hậu của Phật giáo. Vì hiểu lệch lạc như vậy mà họ muốn cải cách, muốn thay đổi, muốn Phật giáo phải có những chương trình cứu tế xã hội này nọ như những đoàn thể khác, tôn giáo khác. Thực ra, những công tác từ thiện xã hội, những chương trình đóng góp *"thực tiễn"* cho cuộc đời, cho con người, không hề là những việc làm trái ngược, mâu thuẫn gì với tinh thần nhập thế của Đại thừa Phật giáo mà còn là những phương tiện thiện xảo được khuyến lệ nữa là đàng khác. Tuy nhiên, không phải là phải có những công việc ấy thì một tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, mới có

giá trị để tồn tại nhiều thế kỷ; không phải là phải có những việc ấy thì sẽ có nhiều người giác ngộ hơn trên cuộc đời. Mục tiêu cao quý nhất của Phật giáo là đem lại trí tuệ giác ngộ cho con người; bằng trí tuệ đó, con người mới thực sự tự cứu lấy mình ra khỏi những triền phược khổ đau của cuộc đời.

Chính tôi cũng đã có lần nghĩ rằng người tu sĩ Phật giáo cần phải làm cái gì đó tích cực hơn, thực tiễn hơn việc thiền định và tụng niệm. Những suy nghĩ ấy một phần do tính năng động của tuổi trẻ, phần khác cũng do ảnh hưởng những lời kêu gọi của một tăng sĩ có khuynh hướng cải cách xã hội và sinh hoạt Phật giáo nổi danh là thầy Nhất Hạnh qua nhiều tác phẩm, đặc biệt là cuốn *Đạo Phật Hiện Đại Hóa*. Tăng sĩ trẻ, hay đúng hơn là lớp tăng sinh mới lớn như tôi, đọc sách của thầy Nhất Hạnh mà mê như trước đây người ta đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung và Ngọa Long Sinh, hay đọc tiểu thuyết của *Tự Lực Văn Đoàn.* Thầy ấy đề nghị những phương pháp đóng góp thực tiễn cho cuộc đời qua công tác xã hội. Và thầy ấy đã làm thực, chứ không phải chỉ trên lý thuyết. Công việc của thầy, có thể được nhìn thấy cụ thể qua Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở Phú Thọ Hòa. Đó thực ra không phải chỉ là một trường đặc biệt đào tạo tăng ni trẻ thành những tác viên xã hội, mà chính yếu là mở rộng cho nhiều thanh niên nam nữ thế tục có tinh thần dấn thân phụng sự xã hội. Cán bộ của trường này đã làm được rất nhiều điều hữu ích để hàn gắn, xoa dịu vết thương lở lói của con người trong thời buổi chiến tranh và thiên tai thường kỳ ấy. Tác phẩm và việc làm của thầy Nhất Hạnh, quả là tiếng chuông cần thiết được gióng lên ở những giai đoạn có vẻ như im lìm thụ động của Phật giáo. Nhưng không phải những lời kêu gọi ấy, những việc làm ấy, là những *giá trị mới* được trang điểm thêm cho bản chất của Phật giáo. Chúng chỉ mới mẻ ở bề mặt. Và chúng chỉ mới mẻ đối với Việt Nam. Do hoàn cảnh và nhân tình thuận lợi hơn, các thiền sư Nhật Bổn (điển hình là Thiền sư D. T. Suzuki) và Trung Hoa (chẳng hạn Thái Hư Đại sư) đã đi trước thầy Nhất hạnh Việt Nam nhiều năm về tư tưởng dấn thân phục vụ xã hội, cải cách, hay hiện đại hóa Phật giáo. Nhưng các vị ấy cũng không đem lại những *chất liệu mới* cho Phật giáo. Họ chỉ làm mới mẻ sinh hoạt Phật giáo để thích hợp với thời đại mà thôi.

Từ nền tảng *từ bi* và *vô trước* (không chấp nê ở hình thức bề ngoài), Phật giáo qua con mắt so đo của phàm tục, mặc nhiên trở thành một tôn giáo tiêu cực trong những hành hoạt có tính cách hay mục tiêu bành trướng tổ chức, chiêu dụ nhân sự như một vài tôn giáo khác trên thế giới đã làm. Nhưng điều này không kết luận được rằng những người tăng sĩ Việt Nam đã không làm gì cho dân tộc, cho đất nước. Cứ nhìn về thôn quê Việt Nam là biết vai trò dấn thân của tăng sĩ Việt Nam như thế nào. Đâu phải làm việc từ thiện xã hội theo kiểu cứu trợ, cho cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thì mới thể hiện được lòng từ bi. Tăng sĩ ở các chùa vùng quê, những ông thầy chùa làng, đã đóng góp cho xã hội một cách thầm lặng, vô hành. Tùy theo nhân duyên, cơ cảm mà ứng hiện. Những đóng góp đó không đếm kể được bằng bản báo cáo thu chi, hay biên bản cứu trợ… Điều khác nhau giữa việc làm của các tổ chức từ thiện xã hội, các đoàn thiện nguyện cứu trợ và tăng sĩ Phật giáo truyền thống ở các chùa, các khuôn hội địa phương là: Một bên có tổ chức hẳn hoi và nhân sự đông đảo, một bên là cá nhân tự phát; một bên gây được tiếng vang rầm rộ với báo chí truyền thanh, với lực lượng nhân sĩ thành phố và những người hoặc những cơ quan có của trong và ngoài nước đóng góp cổ động; một bên là sự im lặng, ẩn nhẫn của những nhà tu chất phác sống lam lũ như những nông dân, chia sẻ với dân quê từng cọng rau, hạt thóc, những niềm đau khổ từ nhỏ đến lớn, và những giọt mồ hôi đổ xuống ruộng đồng quê hương.

Phật giáo không ngăn cản cán bộ lao mình vào công việc cứu tế xã hội, đóng góp thực tiễn cho xã hội. Tất cả những công việc ấy đều là phương cách thể hiện lòng từ bi, rất nên làm. Nhưng phải biết rằng đó *không phải là cứu cánh.* Trong nỗ lực hướng đến mục tiêu giải thoát giác ngộ, người xuất gia Phật giáo không đủ thời giờ để nghĩ đến những cái thực tiễn hơn, ngay cả những

mục tiêu muôn đời và đầy hấp lực đối với cá nhân con người là lợi danh, tiền tài, vật chất… Trách người tu sĩ Phật giáo không đóng góp cái thực tiễn cho cuộc đời cũng chẳng khác nào đã trách đức Phật Thích Ca chuyện từ bỏ ngai vàng để xuất gia tầm đạo và chứng được tuệ giác, cứu độ khắp chúng sinh! Vương quyền còn vứt bỏ, còn coi là phù phiếm, thử hỏi có thứ vật chất hay danh vị nào to lớn hơn, hoặc được coi là cao quý hơn để dâng tặng cuộc đời? Đã xem vật chất là phù phiếm thì hẳn là không nghĩ đến chuyện dấn thân vào đời để mang lại lợi ích thực tiễn (được hiểu là niềm vui có đầy đủ vật chất) cho cuộc đời! Những người xuất gia cũng theo gương Phật, từ bỏ gia đình, từ bỏ danh vị, tiền tài, coi thường lợi lạc vật chất, nên cũng trở thành kẻ vô sản thực sự như đức Phật; và vì biết rằng họ là những người thực sự vô sản, không ai đòi hỏi sự đóng góp thực tiễn của họ. Những người đau khổ của thế gian mong đợi nơi những tăng sĩ Phật giáo những cái gì khác hơn, cao hơn, quí hơn thứ vật chất phù du mà họ có thể nhận được từ bất cứ tổ chức từ thiện xã hội nào.

Có lẽ thầy Thiện Phước, chú Tân, chú Sáng, và một số chú khác bạn học của tôi, đã không nghĩ vậy. Họ muốn làm một cái gì thực tiễn hơn cho cuộc đời bằng con đường nhập thế, và đã tham gia làm việc với chính quyền mới qua những chiếc áo cán bộ, bộ đội, công an… Tôi không dám vội kết luận rằng con đường của họ là sai; nhưng tôi tin rằng thời gian và thực tế sẽ cho họ thấy rằng, không phải con người thế gian chỉ có khát vọng duy nhất là được cơm ăn áo mặc. Người xuất gia Phật giáo có thể đóng góp cho cuộc đời rất nhiều bài học về sự tự kiểm soát thân tâm, tự cứu khổ cho mình. Những thứ đó dĩ nhiên là không ăn được, không mặc được. Nhưng không phải vì vậy mà không thực tế. Không phải vì vậy mà cho là

không có sự đóng góp. Sự đóng góp về tinh thần còn to lớn trăm ngàn lần so với vật chất – mà thực ra, đó không phải là điều có thể đo lường được; và nếu cần đem so đo, có thể nói một cách sòng phẳng như nhân vật Tất Đạt trong cuốn *Câu Chuyện Dòng Sông* (do Phùng Khánh tức Ni sư Trí Hải, dịch từ truyện *Siddhartha* của Hermann Hess) đã trả lời thương gia Vạn Mỹ khi được hỏi về sự đóng góp của mình cho cuộc đời:

"Mỗi người cho cái mà mình có. Người lính cho sức mạnh, người thương gia cho hàng hóa, người thầy cho kiến thức, người làm ruộng cho lúa, người chài lưới cho cá."

Tôi không sợ mình trở thành kẻ vô dụng trên cuộc đời vì thiếu sự đóng góp thực tiễn. Tôi chỉ sợ không đủ trí tuệ và năng lực ý chí để thành tựu con đường xuất gia của mình mà thôi. Dù sao, những thay đổi trên đất nước, những thay đổi từ các thầy, các bạn của mình, cũng phần nào thúc đẩy tôi nỗ lực hơn trong việc tu tập. Trước kia tôi vốn đã siêng năng, nay tôi càng siêng năng hơn, siêng năng đến độ không còn chút thì giờ nào của tôi trong ngày mà nằm ngoài mục đích thiền định, trì tụng kinh chú… Ngay cả những giờ cuốc ruộng hay làm vườn, cũng là những giờ tu tập thiêng liêng của tôi. Huống chi, từ ngày đất nước thay đổi chính quyền và tăng sĩ chúng tôi không đến trường lớp nữa, tôi còn việc làm nào hứng thú hơn trong ngày để bận bịu ngoài chuyện tu tập! Cho nên, hoàn cảnh vừa trở ngại mà cũng vừa thuận lợi ấy quả thực đã khiến tôi không còn cách chọn lựa nào khác hơn là dồn tất cả thì giờ của mình vào một việc. Ừ thì cái mộng đi du học Ấn Độ, Thái Lan hay Nhật Bản cũng tan rồi. Ừ thì chuyện tập tành viết văn làm thơ cũng không còn chỗ dụng, không còn cần thiết nữa. Thì thôi, nhác cuốc này, đôi quang gánh đầy nước này, mỗi bước chân, mỗi giây phút, đều là sự vươn mình hướng đến cội nguồn thanh tịnh ban sơ…

***

Kinh nghiệm của người đi trước cho thấy rằng trong việc tu tập, kẻ nào có thái độ hay khuynh hướng càng cực đoan, thái quá bao nhiêu, càng thất bại bấy nhiêu. Đã có người bị điên vì tu thiền gắt gao mà không đúng phương pháp. Đã có người đổ bệnh nằm liệt giường, không làm được việc gì ngay cả việc niệm Phật. Đã có người đạo mạo nghiêm trang, nghiêm trì giới luật, tu tập không ngừng hở giây phút, vậy mà lại vướng vào ái

nghiệp, không thoát ra khỏi, phải hoàn tục lập gia đình… Bao nhiêu chuyện đó, tôi đã từng được quí thầy, quí bạn lớn tuổi hơn, nói lại cho nghe mà không tin. Nhất là quan niệm cho rằng càng tu gắt càng bị đổ nghiệp ra, phá hoại đường tu của mình. Tôi không thể tin điều ấy được. Tôi nghĩ, càng tu, nghiệp càng nhẹ mỏng đi thì đúng hơn. Vậy nên, cũng với tâm ý cực đoan sẵn có, tôi lại một lần nữa, lao vào con đường tu tập một cách say mê, cuồng nhiệt… quyết tâm thành tựu sự nghiệp giác ngộ ngay trong hiện kiếp, không cần phải hứa hẹn lần lữa vào kiếp sau.

Tôi đổ bệnh thật.

Dù vậy, tôi vẫn không nghĩ là bị đổ nghiệp ra như người ta nói. Tôi cho rằng chính vì quá chú trọng ở mặt tâm thức, bỏ quên không chăm sóc phần cơ thể mà đâm bệnh. Đó chỉ là phản ứng tác dụng vật lý thông thường chứ không phải đổ nghiệp gì hết. Nhưng bệnh đã kéo đến, thì phải chịu. Tất cả là bốn thứ bệnh nổi lên trong cùng một thời gian.

Buổi sáng hôm đó, tôi và chú Tửu cùng gánh nước giếng đem đổ vào các bồn nhà bếp, nhà cầu như mọi hôm. Tôi kéo gàu từ giếng lên, chú Tửu gánh đi. Khi nào chú Tửu mệt, tôi gánh, chú ấy kéo gàu. Đang lúc kéo một gàu đầy nước, sắp đổ vào đôi gánh của chú Tửu, tôi bỗng trượt chân ở thềm rêu, té nặng, cả người tôi đổ xuống nền xi-măng quanh giếng. Sẵn gàu nước trên tay, tôi chống xuống nền đất để tránh va đầu và mặt vào thềm giếng. Vậy mà mặt và một bên cằm tôi cũng va rất mạnh xuống thềm. Cái gàu múc nước cắt từ đầu bom, bằng gang pha thép rất chắc, đinh đóng vào khó thủng, vậy mà với sức va mạnh từ tay tôi dồn xuống, cũng bị móp đi một cách dễ sợ.

Ngày đó, nguyên một bên hàm phải của tôi bị ê ẩm, đau buốt thấu xương, không nhai thức ăn được. Nuốt cháo lỏng cũng khó khăn. Đành nhịn.

Qua một đêm, sáng thức dậy, quai hàm tôi càng nhức nhối hơn. Không những thế, mắt tôi bỗng đổ ghèn, đỏ, xốn xang, khó chịu. Đến trưa, tôi lại phát giác thêm là từ khóe môi trái kéo lên tới cánh mũi, tự dưng lại bị lở loét như bị dời ăn. Chưa hết, không rõ vì phải nhịn đói hay vì lo âu, bệnh cũ của tôi, đau bao tử, tái phát. Những cơn đau quằn quại, xóc cả phần bụng phía trên, khoảng gần ngực. Tôi phải kềm chế bằng cách tập trung tư tưởng vào giữa chặng lông mày để quên cơn đau. Có khi tôi quán tưởng một luồng khí mát mẻ, dễ chịu, đang thấm nhuận khắp người, nhất là vùng bụng. Cơn đau dịu thì tôi ngủ. Chẳng có thuốc men gì để chữa trị. Chú Tửu đề nghị đưa tôi đi bác sĩ. Tôi cười, nói một cách khó khăn vì quai hàm tôi cứng ngắc, không há miệng lớn được:

"Đâu có tiền mà đi bác sĩ."

"Xin tiền thượng tọa."

"Không."

"Chứ để kéo dài như vậy sao?"

"Một vài ngày sẽ hết mà."

"Bậy. Phải đi bác sĩ. Còn không thì… đến ông Đông y sĩ Như Tấn đi. Chắc ông ấy không tính tiền bọn mình đâu. Ông ấy là cư sĩ tại gia thọ giới Bồ-tát mà."

"Không. Ông ấy chữa bệnh và bán thuốc lấy tiền sinh kế, đừng làm phiền ông."

"Thì mình trả tiền, cũng rẻ hơn là đi bác sĩ."

"Không. Tôi không còn tiền."

"Tôi có. Mượn thêm chút ít nữa là đủ. Không sao đâu."

"Thôi, không đi đâu."

"Vậy cạo gió há?"

"Cạo gió?! Tôi đâu có bị trúng gió gì đâu mà cạo!"

"Xì, cạo gió, cắt lễ, xông, không bớt bệnh này cũng bớt bệnh kia mà."

Tôi phì cười, không chịu. Tăng sinh nghèo như chúng tôi, từ mấy tháng nay, ai bệnh gì cũng chỉ cạo gió, xông, chứ chẳng có thuốc men mà uống. Các hiệu thuốc của tư nhân đã đóng cửa. Còn bác sĩ tây y phật-tử độc nhất thường khám bệnh miễn phí cho chùa đã bỏ đi Sài-gòn hay đi học tập cải tạo mất rồi. Trong chùa hiện nay, thuốc cảm còn khan hiếm nói chi những thuốc trị các bệnh kinh niên hay ngoại thương đặc biệt của tôi. Cho nên, hễ có chú nào bệnh, bất kể bệnh gì, thì chú khác đè cổ xuống mà cạo gió, cắt lễ. Cứ tin tưởng khả năng thần diệu của môn cắt lễ, cạo gió – vốn chẳng tốn kém gì lắm mà ai cũng có thể làm được – rồi thì bệnh gì cũng qua hết. Vậy mà cũng có người ghiền cái môn chữa trị này lắm, cứ đòi cạo gió, đòi cắt lễ, dù rằng có khi chỉ bệnh sơ sơ hoặc không bệnh gì cả. Tôi chẳng ham chi mà còn ngán sợ nữa, nên

TRỞ VỀ MỤC LỤC

không cho chú Tửu cạo.

Đến ngày thứ ba, hàm tôi tê cứng đến độ không cử động được, cũng không thể nói được một tiếng thì thào nào. Và vì đã nhịn đói ba ngày, người tôi mệt lả, không ngồi dậy nổi. Nằm lì luôn.

Quí thầy, quí chú trong chùa phải ra ruộng hàng ngày. Đến chiều tối họ mới về tới, lo cơm nước rồi tụng thời kinh Tịnh độ. Không ai có thì giờ nhìn ngó đến tôi, ngoại trừ chú Tửu. Chú cũng ra ruộng nhưng lúc nào về tới chùa là lo chăm sóc tôi trước. Nhưng như đã nói, thuốc men không có, cháo cơm tôi không ăn được, chú ấy biết chăm sóc bằng cách nào hơn là hỏi han đôi lời, ngồi quạt, hoặc giặt quần áo của tôi. Thấy chú đang lục soạn đống thư từ, sách vở trong hộc tủ, tôi khều chú, lấy giấy, viết cho chú mấy dòng: *"Tôi và chú đổi giường nằm. Tôi sẽ tự trị bệnh trong ba ngày kế tiếp. Đừng có lo."*

Chú nhìn tôi ngờ vực. Hình như chú hiểu tôi đang tính đường nào. Nhưng rồi chú cũng lo dọn giường của chú, mang mùng màn của tôi qua đó.

Sở dĩ tôi chọn chỗ nằm của chú vì đó là chiếc giường nằm ở cuối phòng, giữa hai cửa sổ, khuất gió, có thể giăng tạm mùng màn để tạo nên một căn phòng, hay một túp lều nhỏ cho tôi ngay trong căn phòng tập thể rộng rinh này. Chùa chúng tôi không có phòng riêng cho cá nhân các chú sa-di trẻ, chỉ có phòng tập thể thôi. Muốn có một chỗ riêng biệt khỏi phiền ai, khỏi ai phiền mình, phải tạm thời dựng lấy một chỗ tương đối kín đáo như vậy.

Tôi gượng gạo cười với cái miệng khô cứng, rồi gắng rời khỏi giường, đi ra buồng tắm và nhà vệ sinh. Chú Tửu bước theo, định dìu tôi. Tôi khoác tay bảo không. Từ phòng tăng đến phòng vệ sinh cũng không xa gì mấy, vậy mà tôi đi cũng khó nhọc, như một cụ già lụm khụm đã tàn hơi sức, bước khập khựng từng bước một.

Trở về chỗ nằm, tôi bắt đầu ngồi trì tụng thần chú Chuẩn Đề trong ba ngày ba đêm liên tục. Trong ba ngày đó, tôi cảm nghe thân tâm mình khinh an, nhẹ nhàng, cất lên giữa hư không như một sợi tơ mỏng. Có khi tôi thấy mình là một âm thanh bay vào vô cùng. Trong nhiều giờ liên tục, tôi kinh qua trạng thái *nhất tâm bất loạn* thường được nói đến trong kinh điển.

Ngày thứ ba, tôi rời khỏi giường, mắt tôi đã hết đỏ, mũi tôi không còn bị lở, miệng tôi đã cử động được, và bụng tôi không còn đau. Tôi cười với chú Tửu, nói vui vẻ:

"Tôi muốn đi dạo."

(mời xem tiếp chương 4)

Vĩnh Hảo